

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**NGHIÊN CỨU CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Phan Xuân Quang Minh

HUẾ - 12/ 2018

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

**NGHIÊN CỨU CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Xác nhận của đơn vị

(ký, họ tên)

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ tên)

HUẾ - 12/ 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	2
5. Kết cấu đề tài.....	5
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ.....	6
KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN.....	6
TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC	6
1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN VÀ VAI TRÒ KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.....	6
1.1.1. Khái niệm về vốn	6
1.1.2. Khái niệm về vốn đầu tư xây dựng cơ bản	6
1.1.3. Khái niệm chi đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước	7
1.1.4. Khái niệm về Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản.....	8
1.1.5. Phân loại chi đầu tư xây dựng cơ bản theo yêu cầu nhiệm vụ của Kiểm soát chi.....	9
1.1.6. Sự cần thiết và vai trò của Kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc nhà nước	11
1.1.7. Nguyên tắc của Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN ..	14
1.2. NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH CỦA KIỂM SOÁT CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC	15
1.2.1. Nội dung của Kiểm soát chi	15
1.2.2. Quy trình Kiểm soát chi.....	16

1.3. KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KIỂM SOÁT CHI THÔNG QUA HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN NSNN VÀ KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....	21
1.3.1. Hệ thống thông tin quản lý ngân sách nhà nước và chế độ kế toán kho bạc nhà nước (TABMIS).....	21
1.3.2. Vận dụng TABMIS vào kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN	22
1.4. CỞ SỞ THỰC TIỄN VÀ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU	24
1.4.1. Kinh nghiệm các nước trên thế giới	24
1.4.2. Kinh nghiệm trong nước về kiểm soát chi.....	29
1.4.3. Bài học kinh nghiệm rút ra từ các địa phương trong nước cho KBNN TT Huế.....	30
1.4.4. Mô hình nghiên cứu đề xuất.....	31
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI.....	37
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH T.T HUẾ	37
2.1. GIỚI THIỆU VỀ KBNN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	37
2.1.2. Hình thức tổ chức bộ máy quản lý và phân cấp thực hiện nhiệm vụ Kiểm soát chi.....	40
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XDCB TẠI KBNN THỪA THIÊN HUẾ	42
2.2.1. Tình hình thu, chi Ngân sách Nhà nước trên địa bàn.....	42
2.2.2. Tình hình kế hoạch vốn XDCB và thủ tục mở tài khoản thanh toán tại KBNN Thừa Thiên Huế	45
2.2.3. Tình hình tạm ứng vốn đầu tư XDCB tại KBNN Thừa Thiên Huế	47
2.2.4. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư XDCB tại KBNN Thừa Thiên Huế.....	49
2.2.5. Kiểm soát quyết toán vốn đầu tư XDCB ở KBNN.....	51
2.3. ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI ĐẦU TƯ XDCB TỪ NGUỒN NSNN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ	55

2.3.1. Khái quát về mẫu điều tra, khảo sát	55
2.3.2. Kết quả điều tra khảo sát các đối tượng điều tra	56
2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC TT HUẾ	71
2.4.1. Kết quả đạt được	71
2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân	73
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ.....	76
3.1. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU	76
3.1.1. Định hướng mục tiêu chung của kho bạc nhà nước.....	76
3.1.2. Định hướng mục tiêu của kho bạc nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế	76
3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua kho bạc nhà nước tỉnh TT Huế	77
PHẦN KẾT LUẬN.....	87
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	89
PHỤ LỤC 1	91
PHỤ LỤC 2	96

Tr
ng

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ

Bảng 1.1:	Câu hỏi nghiên cứu.....	35
Bảng 2.1:	Số lượng và trình độ chuyên môn của Cán bộ công chức tại KBNN Tỉnh TT Huế.....	39
Bảng 2.2:	Tình hình thu, chi NSNN trên địa bàn tỉnh TT Huế giai đoạn 2015- 2017.....	44
Bảng 2.3:	Kế hoạch vốn xây dựng cơ bản và số tài khoản thanh toán được mở giai đoạn 2015 - 2017.....	46
Bảng 2.4:	Tỷ lệ tạm ứng vốn đầu tư XDCB giai đoạn 2015 - 2017	Error! Bookmark not defined.
Bảng 2.5:	Tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua KBNN TT Huế giai đoạn 2015 – 2017..	Error! Bookmark not defined.
Bảng 2.6:	Số vốn đầu tư XDCB từ NSNN bị từ chối thanh toán trên địa bàn TT Huế giai đoạn 2015 – 2017.....	54
Bảng 2.7:	Đặc điểm mẫu điều tra	57
Bảng 2.8.	Kiểm định độ tin cậy của các thang đo thành phần.....	58
Bảng 2.9.	Kiểm định số lượng mẫu thích hợp KMO(KMO and Bartlett's Test) .	60
Bảng 2.10.	Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước TT Huế	62
Bảng 2.11:	Kết quả phân tích hồi quy đa biến các nhân tố	68
Sơ đồ 1.1.	Thực hiện kiểm soát chi trên phân hệ cam kết chi	23
Sơ đồ 2.1.	Bộ máy Kho bạc Nhà nước TT Huế.....	38
Sơ đồ 2.2:	Tổ chức bộ máy kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB của KBNN TT Huế ..	42

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BTC	Bộ Tài chính
CBCC	Cán bộ công chức
CĐT	Chủ đầu tư
CNH – HĐH	Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa
CN – TTCN	Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp
CNTT	Công nghệ thông tin
CTMT	Chương trình mục tiêu
CKC	Cam kết chi
HĐND	Hội đồng Nhân dân
KBNN	Kho bạc Nhà nước
KTXH	Kinh tế xã hội
KTKB	Kế toán kho bạc
NN	Nông nghiệp
NSDP	Ngân sách Địa phương
NSNN	Ngân sách Nhà nước
NSTW	• Ngân sách Trung ương
TPCP	Trái phiếu chính phủ
TSCĐ	Tài sản cố định
UBND	Ủy ban Nhân dân
XDCB	Xây dựng cơ bản

Tr

ng

**THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

1. Thông tin chung
 - 1.1. Tên đề tài: **Nghiên cứu công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế**
 - 1.2. Mã số đề tài:
 - 1.3. Chủ nhiệm đề tài: ThS Phan Xuân Quang Minh
 - 1.4. Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế
 - 1.5. Thời gian thực hiện: từ 01/2018 đến 01/2019
2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua KBNN của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015– 2017, phát hiện những vấn đề còn hạn chế từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ nguồn NSNN của KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020.
3. Tính mới và sáng tạo (nêu điểm mới, sáng tạo trong đề tài; trong khoảng 100 từ)

Nghiên cứu chính của tác giả dựa trên các phương pháp phân tích tình huống là phỏng vấn trực tiếp những người có liên quan nhằm phát hiện những vấn đề đã đạt được hay còn hạn chế trong công tác kiểm soát. Đặc biệt trả lời câu hỏi hệ thống TABMIS liệu có thể tham gia hoàn toàn vào công tác kiểm soát chi đầu tư hiện nay trong một tương lai gần hay không? Đây là một vấn đề mới mà chưa có đề tài hay mô hình nghiên cứu nào từng đề cập trước đó.
4. Các kết quả nghiên cứu thu được (nêu vắn tắt các kết quả chính ứng với các nội dung nghiên cứu, gồm thông tin, số liệu và đánh giá)
 - Tác giả đã phân tích tổng quan tình hình NSNN tại tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 - 2017 nhằm có cái nhìn tổng quan về công tác kiểm soát chi hiện nay có hiệu quả hay không?
 - Tác giả tiến hành khảo sát nhằm đánh giá công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản hiện nay tại tỉnh Thừa Thiên Huế đã hiệu quả hay chưa?
 - Đề xuất một số kiến nghị nhằm tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB hiện nay.
5. Các sản phẩm của đề tài: 01 Bài báo đăng Tạp chí trong nước
6. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của đề tài: Trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB tại KBNN Thừa Thiên Huế. Tác giả hy vọng sẽ mang đến một số giải pháp thiết thực nhằm tăng cường công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB theo hướng tiết kiệm, chống lãng phí ngân sách nhà nước.

Ngày tháng 12.. năm 2018
Trưởng đơn vị

Ngày tháng 12.. năm 2018
Chủ nhiệm đề tài

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa (CNH- HĐH) cả nước nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng, vốn đầu tư xây dựng cơ bản (XDCCB) từ Ngân sách Nhà nước (NSNN) chiếm tỷ trọng lớn và ngày càng tăng. Ở Thừa Thiên Huế vốn đầu tư xây dựng cơ bản chiếm đến 30% trong tổng số chi NSNN và chủ yếu là nguồn thu từ ngân sách trung ương [10]. Điều đó khẳng định vai trò to lớn của đầu tư phát triển đối với nền kinh tế, trong đó đầu tư XDCCB để xây dựng các kết cấu hạ tầng là một tiền đề cơ bản. Chính vì vậy, quản lý quá trình chi nguồn vốn này nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; đặc biệt chống lại các hiện tượng tiêu cực làm thất thoát NSNN và có vai trò đặc biệt quan trọng được Nhà nước và chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm. Tăng cường công tác Kiểm soát chi đầu tư XDCCB có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ NSNN. Trong thời gian qua, Nhà nước cũng như tỉnh Thừa Thiên Huế có nhiều văn bản đổi mới hoạt động Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN. Tuy nhiên thực tiễn hiện nay còn nhiều bất cập trong nhiều nội dung và ở tất cả các khâu từ cấp phát, sử dụng và thanh toán vốn đầu tư dẫn đến một mặt gây khó khăn cho các Nhà thầu cũng như trong việc thực hiện dự án đầu tư. Mặt khác, vẫn còn nhiều kẽ hở làm thất thoát nguồn vốn này, nợ đọng trong XDCCB vẫn xảy ra diễn biến phức tạp tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

Trong điều kiện cả nước đang đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới quản lý chi tiêu công, thực hành tiết kiệm và chống thất thoát, lãng phí thì việc hoàn thiện công tác Kiểm soát chi tiêu công nguồn vốn đầu tư XDCCB từ NSNN đang đặt ra nhiều khó khăn. Kho bạc Nhà nước (KBNN) tỉnh Thừa Thiên Huế là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, cấp phát, kiểm soát và thanh toán vốn đầu tư XDCCB từ NSNN. Công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCCB từ NSNN luôn được KBNN chú trọng.

Đặc biệt từ cuối năm 2012, Bộ Tài Chính (BTC) đã áp dụng chế độ TABMIS (Treasury and Budget Management Information System) quản lý hệ thống ngân sách trên toàn hệ thống KBNN. Đã có một số năm nghiên cứu về chế độ này tác giả nhận thấy công tác Kiểm soát chi ngân sách nhà nước trên hệ thống TABMIS tập

trung chủ yếu vào mảng Chi thường xuyên (CTX) từ khâu lập dự toán, theo dõi trên tài khoản, đến phân bổ định mức và hạch toán. Còn về mảng Chi vốn đầu tư XDCB thì công tác Kiểm soát chi hiện nay chủ yếu được thực hiện thủ công do cán bộ tại Kho bạc thực hiện còn phần mềm TABMIS chỉ thực hiện bút toán dự toán, và hạch toán chi ngân sách sau khi đã được Kiểm soát chi. Do đó, tác giả nhận thấy rằng việc tìm kiếm những giải pháp hoàn thiện công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN, đặc biệt là hoàn thiện hệ thống TABMIS trong công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN, nhằm tăng hiệu quả đầu tư, tiết kiệm ngân sách, chống thất thoát, lãng phí là việc làm cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

Xuất phát từ những lý do đó, tác giả đã mạnh dạn lựa chọn đề tài: ***“Nghiên cứu công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế”*** để làm đề tài nghiên cứu khoa học của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua KBNN của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015– 2017, phát hiện những vấn đề còn hạn chế từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ nguồn NSNN của KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các tài liệu, những vấn đề liên quan đến công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Về thời gian: Đề tài thực hiện nghiên cứu đánh giá thực trạng kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB chủ yếu trong giai đoạn 2015 - 2017. Đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn NSNN đầu tư XDCB tại KBNN đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu

Thông tin, số liệu thứ cấp

Được thu thập từ các cơ quan ban ngành liên quan từ Trung ương đến địa phương.

Thông tin, số liệu sơ cấp

Phương pháp điều tra chọn mẫu được sử dụng để phỏng vấn các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các cán bộ của KBNN tỉnh, thành phố và các huyện có liên quan trực tiếp đến công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong nghiên cứu có sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy bội. Với số lượng 22 biến quan sát trong thiết kế điều tra thì cần phải đảm bảo có ít nhất 110 quan sát trong mẫu điều tra. Để đảm bảo yêu cầu, mẫu điều tra của tác giả là 150 phiếu, đây là các đối tượng có liên quan đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Kho bạc.

4.2. Phương pháp tổng hợp và phân tích

Thông tin thu thập được làm sạch, xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Thang đo sau khi được đánh giá bằng phương pháp hệ số tin cậy Cronbach Alpha. Các phương pháp được sử dụng như thống kê mô tả, phương pháp so sánh, phân tổ thống kê... Phương pháp toán kinh tế: Phân tích nhân tố khám phá và hồi quy tương quan.

• Kiểm định thang đo

Độ tin cậy của thang đo được kiểm định thông qua hệ số Cronbach Alpha và phương pháp phân tích nhân tố khám phá.

- Hệ số Cronbach Alpha

Được sử dụng trước nhằm loại các biến không phù hợp. Theo các nhà nghiên cứu:

$0,8 \leq \text{Cronbach Alpha} \leq 1$: Thang đo lường tốt.

$0,7 \leq \text{Cronbach Alpha} \leq 0,8$: Thang đo có thể sử dụng được.

$0,6 \leq \text{Cronbach Alpha} \leq 0,7$: Có thể sử dụng được trong trường hợp khái niệm đang nghiên cứu là mới hoặc mới đối với người trả lời trong bối cảnh nghiên cứu.

Trong nghiên cứu này, những biến có Cronbach Alpha lớn hơn 0,7 thì được xem là đáng tin cậy và được giữ lại. Đồng thời, các biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 được coi là biến rác và sẽ bị loại khỏi thang đo.

- Phân tích nhân tố (EFA)

Phân tích nhân tố nhằm rút gọn tập hợp nhiều biến thành một số biến tương đối ít hơn, giúp cho nghiên cứu có được một bộ biến số có ý nghĩa hơn. Đồng thời, kiểm tra độ tin cậy của các biến trong cùng một thang đo. Để thực hiện phân tích nhân tố, trị số KMO phải có giá trị từ 0,5 đến 1.

Hệ số tương quan đơn giữa các biến và các nhân tố (factor loading) phải lớn hơn hoặc bằng 0,5 trong một nhân tố. Đồng thời, khác biệt giữa các hệ số tải nhân tố của một biến ở các nhóm nhân tố khác nhau phải lớn hơn hoặc bằng 0,3. Theo tiêu chuẩn Kaiser, những nhân tố có chỉ số Eigenvalue nhỏ hơn 1 sẽ bị loại khỏi mô hình. Cuối cùng, tiêu chuẩn tổng phương sai trích phải lớn hơn 50%.

• **Phân tích hồi quy tương quan**

Mô hình hồi quy được xây dựng nhằm mục đích xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Kho bạc nhà nước TT Huế là mô hình hàm hồi quy tuyến tính bội có dạng:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 * X_1 + \beta_2 * X_2 + \beta_3 * X_3 + \dots + \beta_i * X_i$$

Trong đó:

Y: Công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Kho bạc nhà nước TT Huế

X_i : Biến độc lập trong mô hình

β_0 : Hằng số

β_i : Các hệ số hồi quy ($i > 0$)

Mức độ phù hợp của mô hình hồi quy được đánh giá thông qua hệ số R^2 điều chỉnh. Kiểm định ANOVA được sử dụng để kiểm định độ phù hợp của mô hình hồi quy tương quan, tức là có hay không mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc.

Cặp giả thiết:

H_0 : Không có mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc

H_1 : Tồn tại mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc

Độ tin cậy của kiểm định là 95%

Nguyên tắc chấp nhận giả thiết:

Nếu $Sig < 0,05$: Bác bỏ giả thiết H_0

Nếu $Sig > 0,05$: Chưa có cơ sở bác bỏ giả thiết H_0

5. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu, phân kết luận và kiến nghị, phụ lục, tài liệu tham khảo, đề tài được chia làm 3 chương với nội dung như sau:

Chương 1. Cơ sở khoa học về công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

Chương 2. Thực trạng công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế

Chương 3. Giải pháp hoàn thiện công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế

Tr
ng
i h C Kinh t HU

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN VÀ VAI TRÒ KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1.1.1. Khái niệm về vốn

Từ điển kinh tế hiện đại có giải thích: "Capital - tư bản/vốn: một từ dùng để chỉ một yếu tố sản xuất do hệ thống kinh tế tạo ra. Hàng hoá tư liệu vốn là hàng hoá được sản xuất để sử dụng như yếu tố đầu vào cho quá trình sản xuất sau. Vì vậy, tư bản này có thể phân biệt được với đất đai và sức lao động, những thứ không được coi là do hệ thống kinh tế tạo ra" [1].

Có quan niệm cho rằng vốn có nghĩa là nguồn lực cho sản xuất. Muốn tiến hành tái sản xuất cần chi phí về đất đai, tài chính (vốn) và lao động. Người ta thường nói: "Lao động là vốn quý". Nhưng sức lao động chỉ trở thành vốn khi nó được sử dụng để sản xuất ra các yếu tố đầu vào cho quá trình tái sản xuất.

Vậy vốn là biểu hiện bằng tiền tất cả các nguồn lực đã bỏ ra để đầu tư. Các nguồn lực có thể là của cải vật chất, là tài nguyên thiên nhiên, là sức lao động, là các tài sản vật chất khác.

1.1.2. Khái niệm về vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Tuỳ theo phạm vi nghiên cứu mà hình thành nên những khái niệm khác nhau về đầu tư và vốn đầu tư. Với mỗi phạm vi đầu tư lại có một loại vốn đầu tư tương ứng [4].

Đầu tư theo nghĩa rộng có nghĩa là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm đem lại cho nhà đầu tư các kết quả nhất định trong tương lai mà kết quả này thường phải lớn hơn các chi phí về các nguồn lực đã bỏ ra. Nguồn lực bỏ ra có thể là tiền, là tài nguyên thiên nhiên, là tài sản vật chất khác hoặc sức lao động. Sự biểu hiện bằng tiền tất cả các nguồn lực đã bỏ ra trên đây gọi là vốn đầu tư. Những kết quả của đầu tư đem lại là sự tăng thêm tài sản tài chính (tiền vốn), tài sản vật chất (nhà máy, đường xá, của cải vật chất khác), tài sản trí tuệ

(trình độ văn hoá, chuyên môn, khoa học kỹ thuật,... của người dân). Các kết quả đã đạt được của đầu tư đem lại góp phần tăng thêm năng lực sản xuất của xã hội.

Theo nghĩa hẹp, đầu tư chỉ bao gồm những hoạt động sử dụng các nguồn lực ở hiện tại nhằm đem lại cho nhà đầu tư hoặc xã hội kết quả trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã sử dụng để đạt được kết quả đó.

Như vậy, nếu xem xét trên giác độ đầu tư thì đầu tư là những hoạt động sử dụng các nguồn lực hiện có để làm tăng thêm các tài sản vật chất, nguồn nhân lực và trí tuệ để cải thiện mức sống của dân cư hoặc để duy trì khả năng hoạt động của các tài sản và nguồn lực sẵn có. Tương ứng với phạm vi đầu tư này có phạm trù vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Về thực chất vốn đầu tư xây dựng cơ bản chỉ bao gồm những chi phí làm tăng thêm giá trị tài sản cố định. Như vậy, vốn đầu tư xây dựng cơ bản gồm 2 bộ phận hợp thành: vốn đầu tư để mua sắm hoặc xây dựng mới TSCĐ mà ta quen gọi là vốn đầu tư xây dựng cơ bản và chi phí cho sửa chữa lớn TSCĐ.

Về nội dung chi tiêu: vốn đầu tư xây dựng cơ bản và chi phí cho sửa chữa lớn TSCĐ bao gồm chi phí cho việc thăm dò, khảo sát và quy hoạch xây dựng chuẩn bị cho việc đầu tư; chi phí thiết kế công trình; chi phí xây dựng; chi phí mua sắm, lắp đặt máy móc, thiết bị và những chi phí khác thuộc nguồn vốn đầu tư XDCB; chi phí cho việc sửa chữa lớn nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị, sửa chữa lớn các TSCĐ khác.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản là một thuật ngữ đã được sử dụng khá quen thuộc ở nước ta với nội dung bao hàm những chi phí bằng tiền để xây dựng mới, mở rộng, xây dựng lại hoặc khôi phục năng lực sản xuất của tài sản cố định trong nền kinh tế.

1.1.3. Khái niệm chi đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

- "Chi ngân sách Nhà nước bao gồm: các khoản chi phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo đảm hoạt động của bộ máy Nhà nước; chi trả nợ của Nhà nước; chi viện trợ và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật" [16].

Như vậy, chi đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN là khoản chi tài chính nhà nước được đầu tư cho các công trình thuộc kết cấu hạ tầng (cầu cống, bến cảng, sân bay, hệ thống thủy lợi, năng lượng, viễn thông...) các công trình kinh tế có tính chất

chiến lược, các công trình và dự án phát triển văn hóa xã hội trọng điểm, phúc lợi công cộng, các công trình của các doanh nghiệp Nhà nước đầu tư theo kế hoạch được duyệt, các dự án quy hoạch vùng và lãnh thổ, nhằm hình thành thế cân đối cho nền kinh tế, tạo ra tiền đề kích thích quá trình vận động vốn của doanh nghiệp và tư nhân nhằm mục đích tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

Thực chất chi đầu tư xây dựng cơ bản của NSNN là quá trình phân phối và sử dụng một phần vốn tiền tệ từ quỹ NSNN để đầu tư tái sản xuất tài sản cố định nhằm từng bước tăng cường, hoàn thiện và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực sản xuất phục vụ của nền kinh tế quốc dân

1.1.4. Khái niệm về Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Kiểm soát là bao gồm các hoạt động giám sát quá trình thực hiện, so sánh với các tiêu chuẩn và chọn ra cách thức đúng. Bản chất cơ bản của kiểm soát còn được hiểu rõ hơn trong các giai đoạn chủ yếu của toàn bộ quá trình quản lý từ việc lập kế hoạch và xây dựng các mục tiêu có liên quan [3]. Do vậy kiểm soát không thể tồn tại nếu không có các mục tiêu. Chức năng kiểm soát tồn tại như một “khâu” độc lập của quá trình quản lý nhưng đồng thời lại là một bộ phận chủ yếu của quá trình đó. Chức năng này được thể hiện khác nhau tùy thuộc vào cơ chế kinh tế, cấp quản lý và loại hình cụ thể.

Các loại hình kiểm soát:

- Căn cứ theo nội dung của kiểm soát: kiểm soát hành chính và kiểm soát kế toán.
- Căn cứ vào mục tiêu của kiểm soát: kiểm soát ngăn ngừa, kiểm soát phát hiện và kiểm soát điều chỉnh.
- Căn cứ vào thời điểm thực hiện trong quá trình tác nghiệp: kiểm soát trước, kiểm soát hiện hành và kiểm soát sau.

Kiểm soát chi là công cụ quản lý để đảm bảo đồng tiền bỏ ra hợp lý nhất, tiết kiệm nhất với mục đích cuối cùng là sử dụng tối ưu hiệu quả sử dụng nguồn vốn. Vì vậy để đảm bảo sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả thì công tác kiểm soát được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình đầu tư xây dựng dự án, từ giai

đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến kết thúc đầu tư đưa dự án hoàn thành vào khai thác sử dụng.

Vậy Kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB là việc kiểm tra, xem xét các căn cứ, điều kiện cần và đủ theo quy định của Nhà nước để xuất quỹ NSNN chi trả theo yêu cầu của chủ đầu tư các khoản kinh phí thực hiện dự án, đồng thời phát hiện và ngăn chặn các khoản chi trái với quy định hiện hành.

1.1.5. Phân loại chi đầu tư xây dựng cơ bản theo yêu cầu nhiệm vụ của Kiểm soát chi

Theo yêu cầu nhiệm vụ Kiểm soát chi, có thể phân loại chi đầu tư XD CB theo một số tiêu thức sau [16]:

a. Theo cấu thành vốn đầu tư:

- Chi về xây dựng: Là những khoản chi để xây dựng các công trình kiến trúc trong các ngành kinh tế quốc dân, như nhà máy, hầm mỏ, bệnh viện, trường học,... kể cả giá trị và chi phí lắp đặt các thiết bị gắn với công trình xây dựng như hệ thống cấp thoát nước, hệ thống chiếu sáng..

- Chi về lắp đặt: Là những khoản chi để lắp đặt các thiết bị dây chuyền công nghệ. Như vậy, các chi phí về tiền công lắp đặt, chi phí về vật liệu phụ và chi phí chạy thử có tải và không tải máy móc thiết bị hợp thành chi phí về lắp đặt.

- Chi về mua sắm máy móc thiết bị: Là những khoản chi hợp thành giá trị của máy móc thiết bị mua sắm, như chi phí giao dịch; giá trị máy móc thiết bị ghi trên hoá đơn; chi phí vận chuyển, bốc dỡ,... Chi về mua sắm máy móc thiết bị có ý nghĩa quyết định đến việc làm tăng thêm năng lực sản xuất của nền kinh tế quốc dân. Trong điều kiện phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ hiện nay, khoản chi này ngày càng tăng lên trong tổng chi đầu tư XD CB.

- Chi xây dựng cơ bản khác: Là những khoản chi nhằm đảm bảo điều kiện cho quá trình xây dựng các công trình, như chi phí chuẩn bị đầu tư, chi phí khảo sát thiết kế, chi phí xây dựng đường giao thông, lán trại tạm thời phục vụ thi công, phí đền bù đất đai, hoa màu trên mặt bằng thực hiện dự án, chi cho bộ máy quản lý của đơn vị chủ đầu tư, chi phí thuê chuyên gia, tư vấn, giám sát xây dựng công trình,... Khoản chi này thường chiếm tỷ trọng nhỏ trong chi đầu tư XD CB.

b.Theo trình tự đầu tư:

- Chi chuẩn bị đầu tư: Là những khoản chi phục vụ cho nghiên cứu về sự cần thiết phải đầu tư dự án, xác định quy mô đầu tư, tiến hành tiếp xúc, điều tra thăm dò thị trường trong nước hoặc ngoài nước để tìm nguồn cung ứng vật tư, thiết bị hoặc tiêu thụ sản phẩm. Xem xét khả năng có thể huy động các nguồn vốn để đầu tư và lựa chọn hình thức đầu tư. Tiến hành điều tra, khảo sát và chọn địa điểm xây dựng,...để lập dự án đầu tư và thẩm định dự án đầu tư. Chi chuẩn bị thực hiện đầu tư: Là những khoản chi về khảo sát thiết kế, lập, thẩm định tổng dự toán, dự toán công trình, chi giải phóng mặt bằng, chi chuẩn bị xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng, như các công trình nước, đường đi, bãi chứa, lán trại Chi đào tạo công nhân vận hành, chi cho ban quản lý công trình...

- Chi thực hiện đầu tư: Là tất cả các khoản chi hợp thành giá trị công trình được nghiệm thu bàn giao và đã được quyết toán, bao gồm: Chi xây dựng công trình; chi mua sắm, gia công, vận chuyển, lắp đặt thiết bị; chi phí lập, thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, và một số khoản chi phí khác phục vụ cho quá trình thực hiện đầu tư. Xét nội dung chi theo trình tự XDCB có ý nghĩa lớn về quản lý thời hạn xây dựng, đảm bảo quản lý chất lượng kỹ thuật của công trình, đảm bảo phương hướng đầu tư đúng đắn, sử dụng vốn tiết kiệm và nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư.

c.Theo nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn trong nước: Là nguồn vốn dành chi cho đầu tư phát triển, chủ yếu để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội không có khả năng thu hồi vốn, chi cho các chương trình mục tiêu Quốc gia, dự án Nhà nước và các khoản chi đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật.

- Nguồn vốn ngoài nước: Là nguồn vốn do các cơ quan chính thức của Chính phủ hoặc của các tổ chức quốc tế viện trợ cho các nước đang phát triển theo hai phương thức: viện trợ không hoàn lại và viện trợ có hoàn lại (tín dụng ưu đãi).

d. Theo tính chất đầu tư kết hợp với nguồn vốn đầu tư:

- Vốn đầu tư từ ngân sách tập trung: là loại vốn lớn nhất về cả quy mô và tỷ trọng. Việc thiết lập cơ chế chính sách quản lý vốn đầu tư XDCB chủ yếu được hình thành từ loại vốn này và sử dụng một cách rộng rãi cho nhiều loại vốn khác.

- Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng: hàng năm ngân sách có bố trí vốn để phát triển một số sự nghiệp như giao thông, địa chất, đường sắt...nhưng việc sử dụng vốn này lại bố trí cho một số công trình xây dựng hoặc sửa chữa công trình nên được áp dụng cơ chế quản lý vốn đầu tư XD CB.

e. Theo cấp quản lý ngân sách:

- Vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương: đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội không có khả năng thu hồi vốn do Trung ương quản lý; Đầu tư vào các lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật, chi cho Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia và các quỹ phát triển đối với các chương trình, dự án phát triển kinh tế, dự trữ Nhà nước; cho vay của Chính phủ để đầu tư phát triển.

- Vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là ngân sách cấp tỉnh): đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội do cấp tỉnh quản lý; đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Vốn đầu tư từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là ngân sách cấp huyện): Đầu tư xây dựng các công trình, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội theo sự phân cấp của tỉnh, như chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập, các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị,...

- Vốn đầu tư từ ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã): Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo sự phân cấp của tỉnh.

1.1.6.Sự cần thiết và vai trò của Kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc nhà nước

a. Sự cần thiết của Kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc nhà nước

Quản lý cấp phát và thanh toán các khoản chi NSNN là trách nhiệm của các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý và sử dụng NSNN, từ khâu lập dự toán, phân bổ, cấp phát, thanh toán đến quyết toán chi tiêu NSNN, trong đó hệ thống Kho bạc Nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đối

với nước ta hiện nay, Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi xuất phát từ những lý do sau đây:

Thứ nhất, do yêu cầu của công cuộc đổi mới: đổi mới về cơ chế quản lý tài chính nói chung và đổi mới cơ chế quản lý NSNN nói riêng, đòi hỏi mọi khoản chi của NSNN phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Trong điều kiện hiện nay, khi khả năng NSNN còn hạn hẹp mà nhu cầu chi phát triển kinh tế - xã hội ngày càng tăng thì việc kiểm soát chặt chẽ các khoản chi NSNN thực sự là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Đảng, Nhà nước và của các ngành, các cấp. Thực hiện tốt công tác này có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhằm tập trung mọi nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định tiền tệ và lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia; đồng thời, nó cũng góp phần nâng cao trách nhiệm cũng như phát huy được vai trò của các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác quản lý và điều hành NSNN.

Thứ hai, do hạn chế của bản thân cơ chế quản lý chi NSNN: cơ chế quản lý chi NSNN tuy đã thường xuyên được sửa đổi và hoàn thiện, nhưng vẫn chỉ quy định được những vấn đề chung nhất mang tính nguyên tắc, dẫn đến không thể bao quát hết tất cả các hiện tượng phát sinh trong quá trình thực hiện quản lý Kiểm soát chi NSNN. Mặt khác, cùng với sự phát triển không ngừng của các hoạt động kinh tế - xã hội, các nghiệp vụ chi NSNN cũng ngày càng đa dạng và phức tạp hơn. Do vậy, cơ chế quản lý chi NSNN nhiều khi không theo kịp với biến động của hoạt động chi NSNN. Tình trạng này đã tạo kẽ hở trong cơ chế quản lý chi NSNN. Từ đó, một số đơn vị, cá nhân đã tìm cách lợi dụng, khai thác những kẽ hở của cơ chế quản lý nhằm tham ô, trục lợi, gây lãng phí tài sản và công quỹ của Nhà nước. Từ thực tế trên, đòi hỏi phải có các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nói chung và Kho bạc nói riêng thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng kinh phí NSNN của các cơ quan, đơn vị nhằm ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực, phát hiện những điểm chưa phù hợp trong cơ chế quản lý để từ đó kiến nghị với các ngành, các cấp sửa đổi, bổ sung kịp thời để các cơ chế quản lý và Kiểm soát chi NSNN ngày càng được hoàn thiện, phù hợp và chặt chẽ hơn.

Thứ ba, do ý thức của các đơn vị sử dụng kinh phí NSNN: các đơn vị thụ hưởng kinh phí NSNN thường có tư tưởng tìm mọi cách để sử dụng hết số kinh phí đã được cấp, không quan tâm đến việc chấp hành đúng mục đích, đối tượng và dự toán được duyệt. Các đơn vị thường lập hồ sơ, chứng từ thanh toán sai chế độ, chính sách như: không có trong dự toán chi NSNN đã được duyệt hoặc không đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu của Nhà nước; thiếu hồ sơ, chứng từ có liên quan... Vì vậy, cần thiết phải cơ quan chức năng có thẩm quyền (độc lập khách quan, có kỹ năng nghề nghiệp, trách nhiệm pháp lý) để thực hiện kiểm tra, kiểm soát đối với các khoản chi của cơ quan, đơn vị có trong dự toán hay không; có đúng mục đích, đối tượng đã được duyệt không; có đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu không; có đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán không... Qua đó, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các gian lận, sai phạm, sai sót và lãng phí có thể xảy ra trong việc sử dụng kinh phí NSNN của các đơn vị, đảm bảo mọi khoản chi của NSNN được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.

Thứ tư, do tính đặc thù của các khoản chi NSNN: các khoản chi của NSNN thường mang tính chất không hoàn trả trực tiếp như các đơn vị được NSNN cấp phát kinh phí sẽ không phải hoàn trả lại trực tiếp cho Nhà nước về số kinh phí đã sử dụng; cái phải “hoàn trả” cho Nhà nước chính là “kết quả công việc” đã được Nhà nước giao. Tuy nhiên, việc dùng các chỉ tiêu định lượng để đánh giá kết quả của các khoản chi NSNN trong một số trường hợp sẽ gặp khó khăn và không toàn diện. Do vậy, cần thiết phải có một cơ quan nhà nước có chức năng, nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các khoản chi của NSNN để đảm bảo cho việc chi trả của Nhà nước là phù hợp với các nhiệm vụ đã giao.

Thứ năm, do yêu cầu mở cửa và hội nhập với nền tài chính khu vực và thế giới: theo kinh nghiệm của các nước trên thế giới và khuyến nghị của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), thì việc kiểm tra, kiểm soát và thực hiện chi trả trực tiếp các khoản chi NSNN từ KBNN đến từng đối tượng sử dụng là rất cần thiết, để đảm bảo yêu cầu, kỷ cương quản lý tài chính nhà nước và sử dụng kinh phí NSNN đúng mục đích, có hiệu quả.

b. Vai trò của Kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua kho bạc nhà nước

- Kiểm soát chi đầu tư XDCB góp phần đảm bảo vốn đầu tư được thanh toán đúng thực tế, đúng hợp đồng A-B ký kết. Thông qua quá trình Kiểm soát chi đầu tư đã góp phần quan trọng trong việc tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước. Góp phần tránh thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng.

- Góp phần đảm bảo thực hiện đầu tư tập trung theo định hướng của Nhà nước, từ đó tham mưu cho các cấp chính quyền điều chỉnh, điều hoà kế hoạch vốn đúng đối tượng vướng mắc phát sinh trong triển khai chi đầu tư, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Thông qua Kiểm soát chi, KBNN thực hiện tốt chức năng tham mưu, đề xuất cho các cấp chính quyền, địa phương thực hiện cải cách các thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng, đảm bảo đơn giản, dễ thực hiện nhưng vẫn đúng theo quy định của pháp luật. Từ đó nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng.

- Thông qua quy trình Kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN, đã góp phần minh bạch hoá hoạt động quản lý chi tiêu công, đồng thời thúc đẩy quá trình lành mạnh hoá các hoạt động giao dịch trong nền kinh tế.

- KBNN được quyền từ chối thanh toán nếu đơn vị sử dụng NSNN không chấp hành đúng quy định về Kiểm soát chi NSNN qua KBNN. Như vậy, KBNN là “trạm kiểm soát cuối cùng” được Nhà nước giao nhiệm vụ kiểm soát trước khi đồng vốn của Nhà nước ra khỏi quỹ NSNN. KBNN chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của việc xuất tiền.

1.1.7. Nguyên tắc của Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN

- Tất cả các khoản chi ngân sách nhà nước phải được kiểm tra, kiểm soát trong quá trình chi trả, thanh toán. Các khoản chi phải có trong dự toán ngân sách nhà nước được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cấp có thẩm quyền quy định và đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được ủy quyền quyết định chi.

- Mọi khoản chi ngân sách nhà nước được hạch toán bằng đồng Việt Nam theo niên độ ngân sách, cấp ngân sách và mục lục ngân sách nhà nước. Các khoản

chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ, hiện vật, ngày công lao động được quy đổi và hạch toán bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ, giá hiện vật, ngày công lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Trong quá trình kiểm soát, thanh toán, quyết toán chi ngân sách nhà nước các khoản chi sai phải thu hồi giảm chi hoặc nộp ngân sách. Căn cứ vào quyết định của cơ quan tài chính hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Kho bạc Nhà nước thực hiện việc thu hồi cho ngân sách nhà nước theo đúng trình tự quy định [4].

1.2. NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH CỦA KIỂM SOÁT CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

1.2.1. Nội dung của Kiểm soát chi

Kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản chủ yếu thông qua ba hình thức kiểm soát sau đây cụ thể:

- *Kiểm soát chi trước dự án hay còn gọi là khâu lập dự toán chi:*

+ Dự toán chi NSNN phải được xây dựng dựa trên các căn cứ khách quan như chiến lược, kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, hệ thống các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn và định mức chi tiêu hiện hành, từ kết quả phân tích việc chấp hành dự toán chi của những năm trước ...; việc xây dựng dự toán phải đảm bảo chi tiết theo mục lục NSNN hiện hành và phải sát với nhu cầu thực tế của các đơn vị thụ hưởng ngân sách. Vì vậy, Kiểm soát chi dự án cần phải tập trung bám sát vào các quy định, các hệ thống chính sách và định mức chi tiêu xem khâu lập dự đoán có đảm bảo yêu cầu không, các mức chi trong khâu lập dự toán có phù hợp với thực tế hay không.

- *Kiểm soát chi trong quá trình thực hiện dự án, hay gọi là khâu chấp hành dự toán chi NSNN:* NSNN phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời mọi nhu cầu chi tiêu của các đơn vị thụ hưởng ngân sách theo dự toán đã được phê duyệt; mọi khoản chi NSNN đều được thanh toán trực tiếp qua KBNN cho các cơ quan, đơn vị thụ hưởng và các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Nhà nước; mọi khoản chi NSNN đều phải được KBNN kiểm soát trước khi thanh toán, chi trả cho các đơn vị; phân định rõ trách nhiệm của người chuẩn chi - thủ trưởng cơ quan đơn vị với KBNN - kế toán của Nhà nước. Cán bộ Kiểm soát chi cần phải phối hợp với chủ đầu tư kiểm

soát xem trong quá trình thực hiện dự án hoạt động chi ngân sách có thực hiện như cam kết hay không.

- *Kiểm soát chi sau dự án, hay gọi là khâu quyết toán NSNN*: Phải phản ánh trung thực, đầy đủ và chính xác mọi khoản chi của dự án đối với ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật NSNN; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thời gian theo luật định; phải được kiểm soát, kiểm tra chặt chẽ trước khi báo cáo lên các cơ quan quản lý cấp trên. Công tác Kiểm soát chi cần phải được thực hiện một cách nghiêm ngặt và kiểm tra đầy đủ. Số liệu báo cáo quyết toán phải chính xác, trung thực, đầy đủ. Nội dung báo cáo quyết toán ngân sách phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán được giao (hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép) và chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ; chịu trách nhiệm về những khoản thu, chi, hạch toán, quyết toán ngân sách sai chế độ [16].

1.2.2. Quy trình Kiểm soát chi

- Thực tế tại KBNN quy trình Kiểm soát chi được thực hiện theo 5 bước bao gồm: Kiểm soát hồ sơ tài liệu ban đầu và hồ sơ tài liệu bổ sung; kiểm soát tạm ứng vốn; kiểm soát thanh toán khối lượng hoàn thành; kiểm soát quyết toán vốn đầu tư XDCCB theo niên độ ngân sách hàng năm; kiểm soát quyết toán vốn đầu tư XDCCB hoàn thành [15].

a. Kiểm soát hồ sơ, tài liệu ban đầu và hồ sơ tài liệu bổ sung

Theo quy định hiện hành, đối với hồ sơ, tài liệu gửi KBNN phải là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của Chủ đầu tư.

Hồ sơ, tài liệu để mở tài khoản: được chia thành 02 giai đoạn, là giai đoạn chuẩn bị đầu tư và giai đoạn thực hiện dự án.

- *Giai đoạn chuẩn bị đầu tư*: chủ đầu tư gửi về KBNN tỉnh, thành phố nơi mở tài khoản giao dịch những hồ sơ, tài liệu sau: Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt; Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

Trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư: Văn bản cho phép tự thực hiện của cấp có thẩm quyền, dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt, văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ.

Chủ đầu tư, KBNN phải ký tên và đóng dấu đầy đủ trên từng liên chứng từ thanh toán; không viết, ký bằng mực đỏ, bút chì hoặc ký lồng giấy than, không được tẩy xoá; chữ ký và dấu đóng trên chứng từ thanh toán phải phù hợp với mẫu dấu và chữ ký đã đăng ký tại KBNN.

Cán bộ Kiểm soát chi nhận hồ sơ, tài liệu và thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, sự lô gích về thời gian các văn bản, tài liệu; số lượng và loại hồ sơ; lập phiếu giao nhận hồ sơ với chủ đầu tư.

- Giai đoạn thực hiện đầu tư:

Đối với dự án sử dụng vốn trong nước, chủ đầu tư gửi KBNN tỉnh, thành phố các hồ sơ, tài liệu sau: Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế, kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng); Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 7/5/2010 của Chính phủ về

Hợp đồng trong hoạt động xây dựng (trừ các điều khoản tham chiếu, các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật, hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất của bên nhận thầu và các tài liệu mang tính chất kỹ thuật khác); Đối với hợp đồng liên danh các nhà thầu chủ đầu tư phải gửi đến KBNN tỉnh, thành phố thoả thuận liên danh; Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật chỉ gửi khi điều chỉnh dự toán).

Riêng đối với dự án ODA: ngoài các tài liệu theo quy định nêu trên, chủ đầu tư gửi đến KBNN tỉnh, thành phố các tài liệu sau: Bản dịch bằng tiếng Việt có chữ

ký và dấu của chủ đầu tư: Điều ước quốc tế về ODA đã ký giữa Việt Nam và nhà tài trợ và các tài liệu liên quan đến việc thanh toán khác (nếu có). Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải là văn bản bằng tiếng Việt hoặc bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ đầu tư (phần quy định về các điều kiện, điều khoản thanh toán và các nội dung liên quan trực tiếp đến việc thanh toán của hợp đồng). Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung bản dịch tiếng Việt.

Đối với trường hợp tự thực hiện, hồ sơ, tài liệu chủ đầu tư gửi KBNN tỉnh, thành phố, bao gồm: Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế, kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình (đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật chỉ gửi khi điều chỉnh dự toán); Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền); văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ.

Đối với công tác chuẩn bị đầu tư nhưng bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư: thì tài liệu do chủ đầu tư gửi đến KBNN tỉnh, thành phố phải có dự toán chi phí cho các công việc chuẩn bị đầu tư được duyệt.

Đối với công việc chuẩn bị thực hiện dự án nhưng bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư, hồ sơ, tài liệu do chủ đầu tư gửi đến KBNN tỉnh, thành phố gồm: Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế, kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị thực hiện dự án được duyệt; riêng việc giải phóng mặt bằng phải kèm theo phương án giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu; Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 7/5/2010 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng (trừ các điều khoản tham chiếu, các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật, hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề

xuất của bên nhận thầu và các tài liệu mang tính kỹ thuật khác); Đối với hợp đồng liên danh các nhà thầu, chủ đầu tư phải gửi đến ddKBNN tỉnh, thành phố thoả thuận liên danh.

Đối với hồ sơ tài liệu bổ sung:

Hàng năm hoặc từng lần khi có sự điều chỉnh vốn của các dự án chủ đầu tư sẽ phải gửi bổ sung quyết định kế hoạch vốn đầu tư/ kế hoạch vốn đầu tư điều chỉnh của UBND tỉnh ra KBNN tỉnh, thành phố nơi mở tài khoản giao dịch (đối với các dự án do địa phương quản lý).

b. Kiểm soát tạm ứng vốn

Để được tạm ứng vốn cho dự án đầu tư XD/CB, chủ đầu tư gửi đến KBNN tỉnh, thành phố: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Giấy rút vốn đầu tư, Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu được quy định trong hợp đồng) [16].

Nếu số vốn chấp nhận tạm ứng có sự chênh lệch so với số vốn đề nghị của chủ đầu tư, cán bộ kiểm soát chỉ dự thảo văn bản (theo mẫu số 02/ Kiểm soát chi) và báo cáo trưởng phòng Kiểm soát chi NSNN trình lãnh đạo KBNN tỉnh, thành phố ký gửi chủ đầu tư thông báo về kết quả chấp nhận tạm ứng. Tổng mức vốn tạm ứng của các hợp đồng thực hiện trong năm và tổng số dư vốn tạm ứng chưa thu hồi tối đa là 30% kế hoạch vốn giao hàng năm cho dự án.

c. Thanh toán khối lượng hoàn thành

Trường hợp thanh toán theo hợp đồng: Chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu ra KBNN tỉnh, thành phố: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có); Giấy rút vốn đầu tư.

Nếu có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi đến KBNN tỉnh, thành phố: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu.

Trường hợp thanh toán không theo hợp đồng: Chủ đầu tư gửi KBNN tỉnh, thành phố: Dự toán được duyệt cho từng công việc; Giấy đề nghị thanh toán vốn

đầu tư (trường hợp có nhiều nội dung chi không thể ghi hết trong Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư thì chủ đầu tư có thể lập bảng kê nội dung chi đề nghị thanh toán kèm theo); Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có); Giấy rút vốn đầu tư.

Đối với từng lần thanh toán cho chủ đầu tư, KBNN tỉnh, thành phố thực hiện chi trả vốn trước rồi mới tiến hành rà soát, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ (thanh toán trước, kiểm soát sau). Riêng lần thanh toán cuối cùng, KBNN tỉnh, thành phố tiến hành rà soát, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ rồi mới thực hiện chi trả vốn đầu tư (kiểm soát trước, thanh toán sau).

Trường hợp sau khi kiểm soát, số vốn chấp nhận thanh toán có sự chênh lệch nhỏ hơn so với số vốn đã thanh toán cho chủ đầu tư, cán bộ Kiểm soát chi dự thảo văn bản (theo mẫu số 02/Kiểm soát chi) và báo cáo Trưởng phòng Kiểm soát chi NSNN trình lãnh đạo KBNN tỉnh, thành phố gửi chủ đầu tư thông báo về kết quả kiểm soát và trừ vào những lần thanh toán tiếp theo.

d. Kiểm soát quyết toán vốn đầu tư XD CB theo niên độ ngân sách hàng năm

Hàng năm, KBNN thực hiện khoá sổ tại thời điểm đến hết ngày 31/01 năm sau để lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư XD CB thuộc niên độ ngân sách năm kế hoạch. Hoạt động này nhằm tổng kết, xác định, phân tích, đánh giá kết quả và trách nhiệm tổ chức thực hiện dự toán NSNN trong năm ngân sách.

KBNN tỉnh, thành phố sau khi phối hợp với chủ đầu tư tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư XD CB thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý gửi Sở Tài chính. Báo cáo này cung cấp đầy đủ thông tin về quản lý điều hành thanh toán vốn đầu tư XD CB trong năm ngân sách. Qua đó, giúp cho cơ quan hoạch định chính sách, cơ quan quản lý có thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời trong việc lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư, đưa ra các giải pháp, công cụ quản lý đối với hoạt động đầu tư XD CB trong những giai đoạn tiếp theo.

e. Quyết toán vốn đầu tư XD CB hoàn thành

Đây là khâu cuối cùng của hoạt động đầu tư XD CB. Hoạt động này nhằm tổng kết, xác định, phân tích, đánh giá kết quả và trách nhiệm tổ chức thực hiện dự toán NSNN từ khi bắt đầu cho tới khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng.

Sau khi hoàn thành quá trình đầu tư XDCB, chủ đầu tư thực hiện gửi hồ sơ trình duyệt quyết toán đến cơ quan Sở Tài chính để tổ chức thẩm tra. Tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B sử dụng vốn Nhà nước khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; các dự án còn lại thực hiện kiểm toán quyết toán theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

1.3. KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KIỂM SOÁT CHI THÔNG QUA HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN NSNN VÀ KHO BẠC NHÀ NƯỚC

1.3.1. Hệ thống thông tin quản lý ngân sách nhà nước và chế độ kế toán kho bạc nhà nước (TABMIS)

Hệ thống Thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc - TABMIS là một trong 3 cấu phần và là cấu phần quan trọng nhất của Dự án Cải cách Quản lý Tài chính công. Theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 21/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo Khả thi Dự án Cải cách Quản lý Tài chính công, mục tiêu của TABMIS là:

- Hiện đại hoá công tác quản lý ngân sách nhà nước từ khâu lập kế hoạch, thực hiện ngân sách, báo cáo ngân sách và tăng cường trách nhiệm ngân sách của Bộ Tài chính.

- Nâng cao tính minh bạch trong quản lý tài chính công.

- Hạn chế tiêu cực trong việc sử dụng ngân sách.

- Đảm bảo an ninh tài chính trong quá trình phát triển và hội nhập của quốc gia.

- Cách thức vận hành TABMIS dựa trên công nghệ điện toán đám mây, máy chủ đặt tại KBNN TW, tức là tất cả các cơ quan theo nhiệm vụ đều có thể đăng nhập sử dụng TABMIS để thực hiện chức năng theo yêu cầu, và có thể trao đổi thông tin lẫn nhau chứ không nhất cứ chỉ là KBNN như trước đây. TABMIS được thiết kế theo các phân hệ quản lý riêng và các chức năng cơ bản theo phân hệ của hệ thống TABMIS:

- + Phân hệ sổ cái: Là phân hệ trung tâm, thực hiện ghi chép, hạch toán tất cả các khoản thu, chi theo mục lục NSNN trên cơ sở hệ thống tài khoản kế toán thống nhất theo 12 đoạn mã được cài đặt sẵn, đảm bảo phản ánh đầy đủ thông tin theo các yêu cầu quản lý khác nhau.

+ Phân hệ phân bổ Ngân sách: Quản lý các danh mục tổ hợp tài khoản sử dụng để phân bổ ngân sách, các mã dự toán, mã tổ chức dự toán, các loại giao dịch dự toán; Quản lý các quy trình tạo và nhập dự toán vào hệ thống, phân bổ và điều chỉnh dự toán; Quản lý các quy trình Xử lý số dư, chuyển số dư dự toán, báo cáo số liệu thu, chi ngân sách, mở sổ cho niên độ ngân sách tiếp theo...

+ Phân hệ quản lý thu: Thực hiện ghi chép số thu Ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách, điều tiết cho từng cấp ngân sách; Ghi nhận số nợ vay và một số thông tin chi tiết của các giao dịch thu khác trước khi chuyển bút toán tổng hợp vào sổ cái.

+ Phân hệ quản lý CKC: Thực hiện giữ dự toán ngân sách để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng đã được đơn vị ký kết. Đây là quy trình rất mới, do đó cần phải xây dựng cơ sở pháp lý cho việc quản lý cam kết chi, theo dõi quản lý danh mục nhà thầu, phân loại các nghiệp vụ cam kết chi,...

+ Phân hệ quản lý chi: Thực hiện quản lý, theo dõi, hạch toán các khoản chi Ngân sách nhà nước bao gồm cả chi thường xuyên, chi đầu tư, cấp phát kinh phí uỷ quyền, chi trả nghĩa vụ nợ...; Hạch toán thanh toán liên kho bạc; Hạch toán chi từ tài khoản tiền gửi; thu hồi tạm ứng; xử lý cuối kỳ kế toán...

+ Phân hệ quản lý ngân quỹ: Thực hiện dự báo dòng tiền; theo dõi quản lý vốn tập trung toàn hệ thống Kho bạc nhà nước tại trung ương; ghi nhận lãi, phí ngân hàng và đối chiếu số liệu thanh toán.

+ Bên cạnh các chức năng trên TABMIS còn có chức năng tạo lập báo cáo tài chính và các hoạt động chuẩn bị dữ liệu liên quan thông qua công cụ kết xuất báo cáo.

1.3.2. Vận dụng TABMIS vào kiểm soát chi đầu tư XD CB từ NSNN

Về quy trình ghi nhận trên TABMIS, qua quá trình nghiên cứu tác giả nhận thấy:

- So với hệ thống KTKB cũ, ta thấy ở hệ thống TABMIS đã xây dựng thêm hệ thống tài khoản loại 9 (TK 9000- Hệ thống tài khoản KBNN theo TABMIS) do các cơ quan tài chính có thẩm quyền nhập trực tiếp vào phân hệ phân bổ và quản lý NSNN trên hệ thống TABMIS để theo dõi các khoản dự toán. Như vậy ta nhận thấy

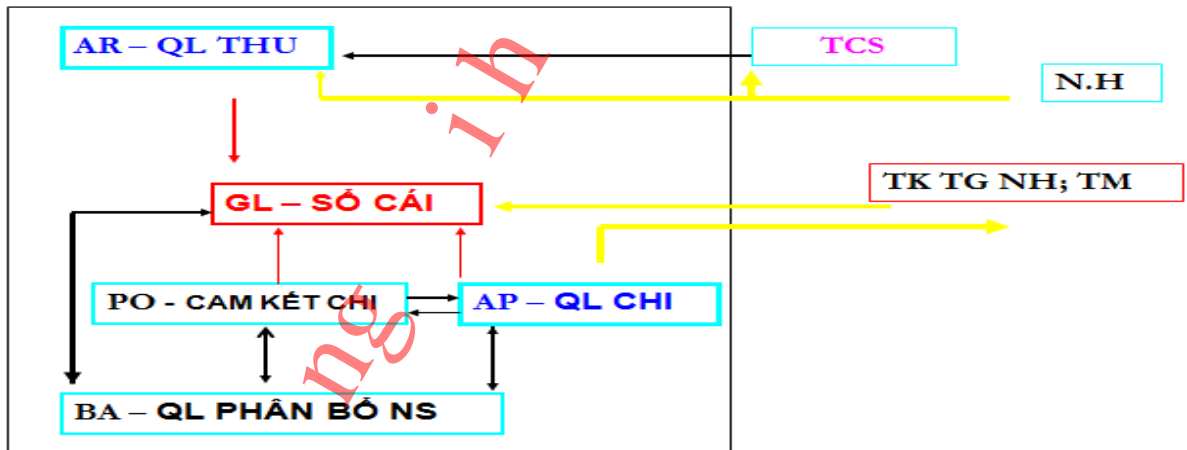
rằng một khoản dự toán NSNN chi đầu tư XDCB có thể được theo dõi trực tiếp, song song từ bộ phận Kiểm soát chi tại KBNN cũng như tại các bộ phận Chi đầu tư tại các cơ quan tài chính cùng cấp có thẩm quyền. Điều này không những giúp công tác Kiểm soát chi được thực hiện nhanh chóng mà tính hiệu quả của nó lại càng cao hơn.

- Hệ thống TABMIS còn có điểm mới là xây dựng thêm một phân hệ quản lý cam kết chi (CKC) xây dựng dựa trên thông tư 40/2016- BTC hướng dẫn quản lý và kiểm soát CKC, theo thông tư này thì:

+ CKC chi đầu tư là việc các chủ đầu tư cam kết sử dụng kế hoạch vốn (KHV) đầu tư được giao hàng năm (có thể một phần hoặc toàn bộ KHV được giao trong năm) để thanh toán cho hợp đồng đã được ký giữa chủ đầu tư với nhà cung cấp.

+ Hệ thống TABMIS thực hiện kiểm soát chi đầu tư XDCB theo CKC như sau:

Đối với những hợp đồng chủ đầu tư ký kết với nhà thầu có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên chủ đầu tư đều phải thực hiện CKC tại KBNN và được KBNN kiểm soát trên phân hệ CKC. Có nghĩa khi nhận một hồ sơ có hợp đồng có giá trị trên 500 triệu đồng mà không thực hiện CKC phân hệ CKC sẽ tự động ngăn chặn.



Sơ đồ 1.1: Thực hiện kiểm soát chi trên phân hệ cam kết chi

+ Với phân hệ Phân bổ NSNN: Khi không thực hiện CKC hệ thống sẽ không dành dự toán cho các khoản không thực hiện CKC trên số dự toán đã phân bổ.

+ Với phân hệ quản lý chi: Hệ thống sẽ ngăn chặn hình thành bút toán dự toán thực chi hoặc tạm ứng.

+ Với phân hệ sổ cái: Bút toán định khoản sẽ không được thực hiện.

1.4. CỞ SỞ THỰC TIỄN VÀ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

1.4.1. Kinh nghiệm các nước trên thế giới

Trên thế giới, hệ thống Kho bạc đảm nhận nhiều khâu quyết định của hệ thống quản lý ngân sách. Các chức năng chủ yếu của Kho bạc bao gồm phân bổ ngân sách và ngân quỹ trong ngân sách năm, lập kế hoạch tài chính, kiểm soát quá trình chi tiêu, quản lý ngân quỹ của Chính phủ, quản lý tài sản và nợ, hạch toán kế toán và kiểm toán nội bộ việc chấp hành ngân sách. Để quản lý ngân sách hiệu quả đòi hỏi Chính phủ phải có các thể chế và cơ chế vững chắc để có thể đảm đương được những chức năng này. Hệ thống quản lý ngân sách là tập trung hoàn thành bốn mục tiêu chính là:

Kiểm soát tài chính vĩ mô: Tổng nguồn tài chính được giữ ở mức bền vững và có thể được điều chỉnh trong trường hợp có tác động xấu từ bên ngoài.

Kiểm soát tài chính vi mô: Các khoản chi cho các tổ chức, các chương trình và các đơn vị được phân phối hợp lý và số lượng có thể kiểm soát được khi hệ thống quản lý đang phải chịu sức ép.

Hiệu quả phân bổ ngân sách: các nguồn tiền được đưa đến nơi có giá trị cao nhất và có thể được tái phân phối nếu cần thiết.

Hiệu quả chi phí: Các chi phí của giao dịch dịch vụ đặc biệt của Chính phủ được hạn chế tối đa và phương thức phân phối có thể được cập nhật khi cần thiết.

Hệ thống kho bạc là một hệ thống của hệ thống quản lý ngân sách tổng thể và nhiệm vụ của hệ thống kho bạc có thể giống hệ thống quản lý tổng thể hoặc chỉ tập trung vào một số nhiệm vụ. Do vậy, thiết kế hệ thống kho bạc phải chịu ảnh hưởng của 4 nhiệm vụ chính trên và phụ thuộc vào từng quốc gia cũng như từng thời điểm. Tuy nhiên, tại từng quốc gia thì Kho bạc có thể thực hiện đầy đủ hoặc một phần các chức năng đó tùy thuộc vào những ưu tiên phát triển năng lực khác nhau của các quốc gia, chủ yếu chia theo các nhóm như sau:

Các nước có nền kinh tế đang phát triển: Cần tập trung cao vào kiểm soát công quỹ và tài chính. Các nước này yếu về nội lực để quản lý tài chính theo hướng hiện đại và việc tận dụng quy mô, mức độ phát triển kinh tế là rất quan trọng. Thông thường các nước này không thể áp dụng toàn bộ các đặc điểm của hệ thống Kho bạc

tiên tiến trong tương lai gần nên cần có các biện pháp đơn giản và xử lý trước mắt, tập trung vào những vấn đề cấp bách nhất cần được ưu tiên giải quyết.

Các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi hoặc mới nổi: Cũng cần tập trung thích đáng cho việc đảm bảo kiểm soát ngân sách và kỷ luật tài chính. Năng lực quản lý công quỹ của các nước không đồng đều, tại một số nước, năng lực này khá cao. Các nước này thường áp dụng và phát triển những hệ thống quản lý toàn diện. Cơ quan tại các địa phương thường có mức độ tự quản thực tế cao hơn tại các nền kinh tế đang phát triển; một số cơ quan địa phương có thể có năng lực quản lý công quỹ khá cao. Nhóm các nước này tồn tại sự khác biệt lớn, một số nước gần với trạng thái của một nước đang phát triển trong khi một số khác đang tiến tới một nền kinh tế ổn định vững mạnh.

Các nước có nền kinh tế phát triển: Hầu như đã giải quyết được hầu hết các vấn đề trong hoạt động kiểm soát. Cách kiểm soát thanh toán chi tiêu kiểu cũ vừa ưu tiên cho các mục tiêu tính hiệu quả, vừa có dư thừa năng lực quản lý tài chính. Các nước này có thị trường các dịch vụ tài chính phát triển ở mức cao. Phân quyền vào bãi bỏ tập trung quyền lực được tiến hành rộng rãi đối với các cơ quan trung ương và các cấp chính quyền.

Mô hình KBNN Trung Quốc

Trung Quốc là một quốc gia lớn, láng giềng, có một số đặc điểm tương đồng với Việt Nam. Chính phủ Trung Quốc cũng đã và đang tích cực thực hiện các giải pháp phòng, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư XDCB tại các dự án sử dụng vốn NSNN và các nguồn vốn khác của Nhà nước. Quản lý các dự án đầu tư XDCB nói chung cũng như các dự án sử dụng vốn NSNN nói riêng được Trung Quốc hết sức quan tâm.

Trung Quốc rất chú trọng tới xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực. Trung Quốc đã ban hành Luật Quy hoạch xây dựng là cơ sở cho các hoạt động xây dựng trong phạm vi cả nước. Quy hoạch xây dựng được triển khai nghiêm túc, là căn cứ quan trọng để hình thành ý đồ về dự án đầu tư XDCB, lập dự án đầu tư XDCB và triển khai thực hiện dự án đó từ nguồn NSNN.

Chi phí đầu tư XDCCB tại các dự án từ NSNN ở Trung Quốc được xác định theo nguyên tắc “Lượng thống nhất – Giá chỉ đạo – Phí cạnh tranh”. Theo nguyên tắc này, chi phí đầu tư XDCCB được phân tích, tính toán theo trạng thái động phù hợp với cơ chế khuyến khích đầu tư và diễn biến giá cả trên thị trường xây dựng theo quy luật cung – cầu. Công tác quản lý chi phí đầu tư XDCCB tại các dự án thể hiện được mục đích cụ thể: về xác định chi phí đầu tư XDCCB hợp lý; khống chế chi phí đầu tư XDCCB; khống chế chi phí đầu tư XDCCB có hiệu lực và đem lại lợi ích cao nhất. Ngay trong giai đoạn nảy sinh ý tưởng dự án, các nhà tư vấn đầu tư XDCCB sử dụng đồng thời phương pháp đánh giá kinh tế-xã hội và đánh giá kinh tế tài chính, giúp chủ đầu tư lựa chọn dự án với phương án chi phí hợp lý nhất để đạt được mục tiêu kinh tế- xã hội cao nhất. Đến giai đoạn thiết kế (thuộc giai đoạn thực hiện đầu tư), các nhà tư vấn sử dụng phương pháp phân tích giá trị lựa chọn giải pháp thiết kế phù hợp để hình thành chi phí hợp lý nhất. Quản lý chi phí đầu tư XDCCB tại các dự án của Trung Quốc vẫn áp dụng cơ chế lập, xét duyệt và khống chế chi phí đầu tư XDCCB ở cuối các giai đoạn trên nguyên tắc quyết toán cuối cùng không vượt quá giá đầu tư đã xác định ban đầu.

Khống chế chi phí đầu tư XDCCB công trình có hiệu lực chính là điều khiển chi phí trong từng giai đoạn đầu tư không phá vỡ hạn mức giá (chi phí) được duyệt ở từng giai đoạn. Các chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư được thường xuyên xem xét, điều chỉnh để đảm bảo việc khống chế chi phí có hiệu lực. Để khống chế chất lượng, thời gian và giá thành công trình xây dựng xuyên suốt từ giai đoạn hình thành ý tưởng đầu tư, chủ trương đầu tư đến chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc xây dựng, bàn giao công trình đi vào sử dụng, Trung Quốc thông qua quan hệ hợp đồng kinh tế hình thành cơ chế giám sát Nhà nước và giám sát xã hội trong đầu tư XDCCB, với mô hình quản lý giám sát phối hợp 4 bên: bên A (Chủ đầu tư), bên B (Người thiết kế), bên C (Đơn vị thi công), bên D (Người giám sát).

Nhà nước Trung Quốc chỉ quản lý việc thẩm định, phê duyệt tổng mức đầu tư đối với dự án đầu tư XDCCB từ nguồn NSNN; giá xây dựng được hình thành theo cơ chế thị trường, Nhà nước công bố định mức xây dựng chỉ để tham khảo; Nhà nước khuyến khích sử dụng hợp đồng trong đầu tư XDCCB theo thông lệ quốc tế. Trung

Quốc đã và đang xây dựng, phát triển mạnh việc sử dụng các kỹ sư định giá trong việc kiểm soát, khống chế chi phí xây dựng. Trung Quốc rất chú trọng tới việc xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về chi phí xây dựng, cung cấp các thông tin về giá xây dựng đảm bảo tính minh bạch và tính cạnh tranh trong kinh tế thị trường.

Nhà nước Trung Quốc không can thiệp trực tiếp vào việc quản lý chi phí đầu tư XDCB tại các dự án sử dụng NSNN mà chỉ ban hành các quy định có tính chất định hướng thị trường, đảm bảo công bằng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng, xã hội hóa công tác định mức xây dựng, đơn giá xây dựng và sử dụng cơ chế thị trường để thỏa thuận, xác định giá xây dựng công trình. Xu thế này không những đã và đang được thực hiện ở Trung Quốc mà còn được các nước như Anh, Pháp, Singapore... áp dụng rất rộng rãi.

Mô hình KBNN Cộng hòa Pháp

Mô hình tổ chức và hoạt động của KBNN Việt Nam hiện nay đang áp dụng tương tự KBNN Cộng hòa Pháp.

Pháp có hệ thống KBNN rất rộng với nhiều chi nhánh ở tất cả các vùng, hầu hết các chức năng Kho bạc được Tổng cục kế toán công thuộc Bộ Tài chính đảm nhận, nhưng Tổng cục Kho bạc thuộc Bộ Tài chính phối hợp chặt chẽ với Tổng cục kế toán công để quản lý ngân quỹ và quản lý nợ. Tổng cục Kế toán công phối hợp với Vụ Ngân sách và Tổng cục Kho bạc xây dựng kế hoạch tài chính chi tiết (tổng dự toán ngân sách). Phân bổ dự toán ngân sách được thực hiện hai lần một năm. Tổng cục Kho bạc chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý ngân quỹ và quản lý nợ được ủy quyền cho cơ quan Kho bạc cấp dưới. Thuế được nộp vào các tài khoản con của tài khoản thanh toán tập trung của KBNN mở tại Ngân hàng Nhà nước trung ương và được tập trung tổng hợp qua đêm. Các chi nhánh của Tổng cục Kế toán công (hệ thống các kho bạc địa phương) nhận đề nghị thanh toán từ các Bộ chi tiêu và đơn vị sử dụng ngân sách để thực hiện kiểm soát cam kết, kiểm soát thanh toán chi tiết thông qua các kế toán viên đặt tại các Bộ chi tiêu và đơn vị sử dụng ngân sách khác. Toàn bộ các khoản thanh toán được thực hiện từ tài khoản tập trung tại Ngân hàng trung ương. Tổng cục Kế toán công cũng chịu trách nhiệm về công tác kế toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách cũng như việc lập báo cáo quyết toán tài chính. Có

nhiều cơ quan kiểm toán nội bộ kể cả trong và ngoài hệ thống Kho bạc. Kho bạc chịu trách nhiệm về toàn bộ các khoản chi tiêu ngân sách ở cả chính quyền trung ương và địa phương đối với một số ngoại tệ không đáng kể.

Trách nhiệm của Kho bạc Pháp trong kiểm soát chi đầu tư XDCB đó là:

Tham gia Ủy ban đấu thầu để nắm và kiểm tra ngay từ đầu giá trúng thầu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, kiểm tra chứng từ chấp nhận thanh toán theo đề nghị của chủ đầu tư, để khi nhà thầu nhận được tiền, thu hồi vốn đã tạm ứng theo tỷ lệ.

Kiểm soát khối lượng thực hiện so với khối lượng trong hồ sơ trúng thầu. Nếu khối lượng phát sinh $\leq 5\%$ giá trị hợp đồng, đề nghị chủ đầu tư và nhà thầu ký bổ sung các điều khoản của hợp đồng. Nếu vượt quá 5% giá trị hợp đồng, chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ gửi kiểm soát viên tài chính kiểm tra để trình ủy ban đấu thầu phê chuẩn và làm căn cứ xin bổ sung kinh phí vào dự toán chi tiêu năm sau.

Kho bạc chỉ thanh toán từng lần hay lần cuối cùng trên cơ sở biên bản nghiệm thu khối lượng của chủ đầu tư với nhà thầu trong phạm vi hợp đồng thầu thi công đã được xác định đã ký kết và đơn giá trúng thầu được kiểm soát viên tài chính kiểm tra.

Các khoản chi tiêu của dự án đều được kiểm soát viên tài chính (đặt tại Bộ hoặc địa phương) kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp trước khi chuyển chứng từ ra Kho bạc thanh toán cho người thụ hưởng

Kho bạc Pháp không tham gia hội đồng nghiệm thu và không chịu trách nhiệm về khối lượng do nhà thầu thực hiện, nghiệm thu của chủ đầu tư.

Khi kết thúc hợp đồng, Kho bạc có trách nhiệm giữ 5% giá trị hợp đồng thực hiện bảo hành công trình của nhà thầu trên tài khoản đặc biệt tại Kho bạc; Khi kết thúc thời hạn bảo hành, trên cơ sở cam kết của hai bên về nghĩa vụ bảo hành, Kho bạc tiến hành trích tài khoản đặc biệt trả cho nhà thầu (trường hợp không xảy ra hỏng hóc trong thời gian bảo hành) hoặc chi trả tiền sửa chữa theo dự toán được xác định giữa hai bên nhà thầu và đơn vị sửa chữa (số còn lại chuyển nhà thầu). Số tiền bảo hành công trình không được tính lãi trong thời gian tạm giữ ở tài khoản đặc biệt tại Kho bạc.

1.4.2. Kinh nghiệm trong nước về kiểm soát chi

Kinh nghiệm của Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa

Căn cứ những quy định của pháp luật và chế độ chính sách của Nhà nước, thời gian qua, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa đã thực hiện nghiêm quy trình kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản.

Để bảo đảm kiểm soát chi đúng chế độ theo quy định, tiết kiệm, chống lãng phí, KBNN Thanh Hóa đã chỉ đạo các đơn vị trong ngành triển khai kịp thời các văn bản, các quy định mới của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước, nhằm đáp ứng kịp thời mọi hoạt động về thu, chi NSNN của các cấp. Kho bạc đã phối hợp với các cơ quan tài chính, thuế và các ngành liên quan giải quyết dứt điểm những vướng mắc trong xử lý nghiệp vụ, phục vụ kịp thời nhu cầu thanh toán của các đơn vị giao dịch. Ngành chỉ đạo làm tốt công tác quyết toán niên độ hàng năm; tổng hợp, rà soát, đối chiếu số liệu thu, chi ngân sách Nhà nước, số dư trên tài khoản tiền gửi và dự toán của khách hàng giao dịch với kho bạc. Qua đó, đã phát hiện và xử lý kịp thời các sai lệch bảo đảm số liệu luôn khớp đúng giữa KBNN và khách hàng giao dịch. Khi thanh toán hoặc chi tạm ứng, Kho bạc thực hiện nghiêm việc kiểm tra, đối chiếu để không vượt dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kiểm soát đầy đủ hồ sơ, chứng từ, để các khoản chi qua kho bạc bảo đảm đúng quy định.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện kiểm soát chi ngân sách, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của kho bạc đã nảy sinh một số khó khăn, vướng mắc. Đó là hồ sơ hàng năm của các đơn vị nộp còn chậm, trình độ chủ đầu tư còn yếu kém, tiến độ giải ngân xây dựng cơ bản chậm; công tác bồi thường giải phóng mặt bằng một số dự án gặp nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công của dự án.

Kinh nghiệm của Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên

Để có cơ sở đánh giá trình độ, năng lực cũng như có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức, KBNN Thái Nguyên đã tổ chức hội thi nghiệp vụ công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB. Nội dung thi gồm 2 phần: Thi lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm và thi thực hành thông qua việc xử lý các tình huống nghiệp vụ thực tế đã phát sinh tại các đơn vị KBNN trong địa bản tỉnh. Hội thi

diễn ra nghiêm túc, chất lượng và thành công, đạt được mục đích, yêu cầu đề ra chính là dịp để công chức làm công tác kiểm soát chi học hỏi, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, phát huy lòng yêu ngành, yêu nghề nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ được giao.

Luôn khuyến khích cán bộ nghiên cứu các đề tài khoa học về các mảng nghiệp vụ KBNN nói chung, nghiệp vụ kiểm soát chi đầu tư XD CB nói riêng. Các chương trình nghiên cứu khoa học giúp cán bộ đào sâu nghiên cứu về lĩnh vực mà mình làm việc, qua đó phân tích những hạn chế, vướng mắc từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi đầu tư XD CB. Việc tham gia nghiên cứu sẽ giúp mỗi công chức nâng cao khả năng tư duy, hiểu sâu, hiểu rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ của ngành, của đơn vị. Nghiên cứu khoa học giúp cán bộ KBNN có thể tham gia đóng góp, khuyến nghị với cấp trên trong việc xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách có liên quan trực tiếp đến hoạt động nghiệp vụ.

1.4.3. Bài học kinh nghiệm rút ra từ các địa phương trong nước cho KBNN TT Huế

Từ một số nhận định trên ta có thể rút ra một số bài học áp dụng cho công tác kiểm soát chi tại KBNN Thừa Thiên Huế như sau:

- Bám sát chức năng nhiệm vụ được giao, chủ động nghiên cứu các văn bản chính sách chế độ mới trong lĩnh vực kiểm soát thanh toán vốn đầu tư đến cán bộ Kho bạc cũng như các đơn vị chủ đầu tư.

- Sử dụng và đào tạo cán bộ hợp lý, bố trí đúng người đúng việc, phù hợp với khả năng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ. Khuyến khích cán bộ nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ, tổ chức tập huấn nghiệp vụ, tham quan học hỏi các mô hình quản lý ở các địa phương.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan như Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư để tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư.

- Định kỳ phối hợp với các ngành và các đơn vị chủ đầu tư tổ chức các buổi tọa đàm, trao đổi những vấn đề phát sinh, những vướng mắc cần tháo gỡ từ đó có biện pháp giải quyết kịp thời, hợp lý, đúng chế độ. Phản ánh kịp thời những khó

khẩn vướng mắc, những nảy sinh trong quá trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, tổ chức tốt công tác thông tin báo cáo.

- Thường xuyên tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn các sai sót xảy ra trong quá trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư. Thực hiện công khai quy trình quản lý, thanh toán vốn đầu tư.

1.4.4. Mô hình nghiên cứu đề xuất

1.4.4.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN

Đầu tư xây dựng cơ bản là hoạt động liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều ngành, nhiều cấp cũng như nhiều cá nhân, đơn vị, tổ chức trong xã hội. Do đó công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc nhà nước cũng chịu tác động của nhiều nhân tố cơ bản, quan trọng và tác động mạnh mẽ trực tiếp đến hoạt động kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản có thể chia thành hai nhóm: nhóm nhân tố bên trong và nhóm nhân tố bên ngoài Kho bạc nhà nước.

Nhóm nhân tố bên trong

Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát chi NSNN:

Yếu tố con người, cách thức tổ chức, xây dựng chính sách luôn có tầm quan trọng đặc điểm. Tất cả quy tụ ở năng lực quản lý của người lãnh đạo và biểu hiện chất lượng quản lý, hiệu quả trong hoạt động thực tiễn. Thể hiện qua các nội dung:

Năng lực đề ra các chiến lược, sách lược trong hoạt động, đưa ra các kế hoạch triển khai công việc một cách hợp lý, rõ ràng. Tạo nên một cơ cấu tổ chức hợp lý, có hiệu quả, có sự phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa các thành viên, giữa các khâu, các bộ phận của guồng máy. Năng lực quản lý của người lãnh đạo có tầm quan trọng đặc biệt đối với hoạt động của Kho bạc nhà nước nói chung và việc kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản nói riêng. Nếu năng lực quản lý yếu, bộ máy tổ chức không hợp lý, các chính sách không phù hợp với thực tế thì việc quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản kém hiệu quả, dễ gây thất thoát lãng phí và ngược lại.

Năng lực chuyên môn của người cán bộ là yếu tố quyết định đến hiệu quả kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản. Nếu năng lực chuyên môn cao, khả năng phân tích, tổng hợp tốt, nắm chắc, cập nhật kịp thời các chế độ chính sách về chi đầu tư xây

dựng cơ bản thì hiệu quả kiểm soát chi sẽ cao, giảm thiểu những thất thoát, lãng phí vốn Ngân sách nhà nước cho chi đầu tư xây dựng cơ bản và ngược lại.

Cơ cấu tổ chức bộ máy và phân cấp kiểm soát chi vốn đầu tư qua KBNN

Cơ cấu tổ chức bộ máy kiểm soát chi vốn đầu tư qua KBNN là cách thức tổ chức các bộ phận kiểm soát chi vốn đầu tư trong hệ thống KBNN. Phân cấp kiểm soát chi vốn đầu tư trong hệ thống KBNN là việc phân định quyền hạn, trách nhiệm giữa các cấp KBNN trong công tác kiểm soát chi vốn đầu tư. Bộ máy được tổ chức hợp lý, khoa học, gọn nhẹ, việc phân định quyền hạn trách nhiệm phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người, phù hợp với yêu cầu công việc, đồng thời quy định rõ trách nhiệm của từng khâu, từng bộ phận sẽ hạn chế tình trạng sai phạm, rủi ro, nâng cao tính chặt chẽ trong công tác kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, đồng thời đảm bảo việc thanh toán vốn đầu tư nhanh chóng, đầy đủ cho các dự án.

Quy trình nghiệp vụ kiểm soát chi

Quy trình phải phù hợp với pháp luật hiện hành của nhà nước, đảm bảo quản lý chặt chẽ không có kẽ hở gây thất thoát. Quy trình phải mang tính ổn định, tránh thay đổi nhiều để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện. Quy trình nghiệp vụ được xây dựng theo hướng cải cách thủ tục hành chính, quy định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, mối quan hệ giữa các cá nhân, giữa các bộ phận, đảm bảo vừa kiểm soát chặt chẽ, vừa đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư

Trang thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác kiểm soát chi

Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng công nghệ hiện đại cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kiểm soát thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Việc ứng dụng công nghệ tin học trong công tác kiểm soát thanh toán vốn đầu tư đã giúp tiết kiệm được thời gian xử lý công việc, đảm bảo cập nhật, tổng hợp số liệu nhanh chóng, chính xác tạo tiền đề cho những cải tiến quy trình nghiệp vụ một cách hiệu quả hơn. Chính vì vậy công nghệ thông tin là một trong những nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý chi Ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản.

Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ

Công tác kiểm tra và tự kiểm tra trước, trong và sau khi thanh toán vốn đầu tư XDCB đối với cơ quan KBNN cũng như với đơn vị sử dụng vốn đầu tư cũng là một

yếu tố quan trọng góp phần nâng cao năng lực của bộ máy kiểm soát chi; Qua công tác nhằm tổ chức đánh giá việc chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về quản lý đầu tư XDCB; đánh giá sự chấp hành dự toán ngân sách trong đầu tư; ngăn ngừa, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những tồn tại, thiếu sót, chưa phù hợp, tìm ra nguyên nhân, phương hướng và biện pháp khắc phục để kiến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước. Hoạt động kiểm tra và tự kiểm tra phải đảm bảo được tính nghiêm túc, công bằng. Công tác kiểm tra, đánh giá được thực hiện một cách thường xuyên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của công tác kiểm soát chi.

Ý thức chấp hành của các đơn vị Chủ đầu tư

Đây cũng là một nhân tố ảnh hưởng tới kiểm soát chi đầu tư. Nếu ý thức chấp hành của đơn vị sử dụng vốn không cao trong việc quản lý chặt chẽ tài chính sẽ dẫn tới những thiếu sót thậm chí là sai phạm trong chi đầu tư XDCB. Qua cơ chế kiểm soát chi của KBNN đã hạn chế những thiếu sót và sai phạm này. Nhưng bên cạnh đó, quan trọng hơn, cần có những biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, trình độ năng lực của người đứng đầu cũng như người thực hiện của các đơn vị sử dụng vốn đầu tư XDCB.

Khả năng vận dụng của hệ thống TABMIS

Mặc dù là một hệ thống được đầu tư khá công phu và tốn rất nhiều thời gian, tuy nhiên đến lúc này hệ thống kiểm soát chi tại KBNN thì quy trình Kiểm soát chi theo TABMIS chỉ thể hiện rõ sự thay đổi ở mảng Chi thường xuyên, còn ở mảng Chi đầu tư XDCB thì thực tế vẫn còn Kiểm soát theo phương pháp thủ công và các bước thực hiện vẫn chưa thấy rõ sự thay đổi. Đơn cử như bút toán dự toán do cơ quan tài chính nhập tài khoản dự toán vẫn phải thương xuyên chỉnh sửa lại, còn ở phân hệ CKC tuy là một điểm mới nhưng nó chỉ có thể thực hiện ngăn chặn được khi cán bộ Kiểm soát chi đã nhập hồ sơ vào hệ thống, nên nó chỉ đơn thuần là một phân hệ cảnh báo chứ nó chưa thực sự giúp ích nhiều cho công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB nói chung.

Nhóm nhân tố bên ngoài

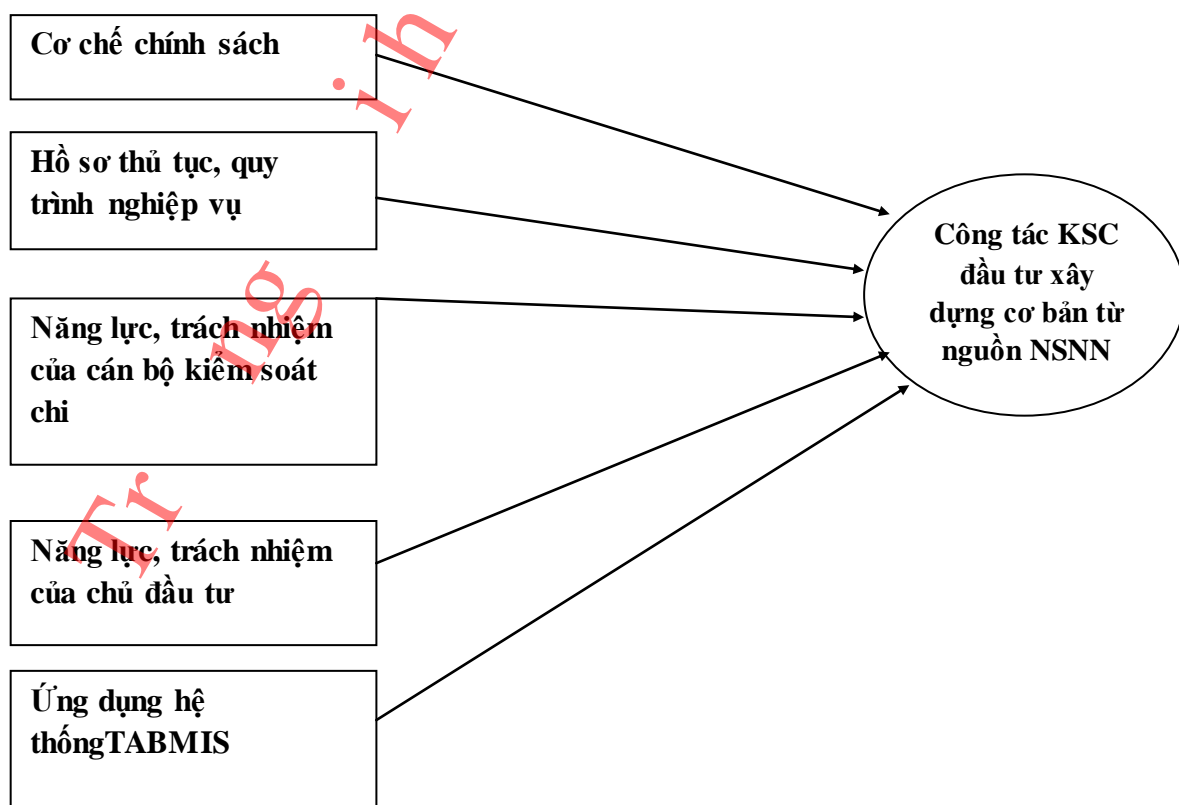
Pháp luật, các chế độ, tiêu chuẩn, định mức: Hệ thống pháp luật, chế độ, tiêu chuẩn định mức chi NSNN là một căn cứ quan trọng việc xây dựng, phân bổ và

kiểm soát chi NSNN. Vì vậy nó cần đảm bảo tính chính xác, phù hợp với tình hình thực tế; tính thống nhất giữa các ngành, các địa phương, và các đơn vị sử dụng vốn; và tính đầy đủ, bao quát được tất cả các nội dung phát sinh.

Điều kiện kinh tế - xã hội của quốc gia: Đây là một trong những căn cứ quan trọng ảnh hưởng tới quá trình kiểm soát. Một đất nước đang phát triển như nước ta, với một nguồn ngân sách hạn hẹp và một nhu cầu chi đầu tư cho phát triển vô cùng lớn. Dẫn tới số lượng các dự án cần đầu tư nhiều, nhưng kế hoạch vốn thì lại hạn hẹp. Cơ chế phân bổ lại dàn trải. Dẫn tới số lượng dự án thì nhiều, nhưng thanh toán thì dàn trải qua nhiều năm. Đây cũng là một yếu tố ảnh hưởng ít nhiều tới công tác kiểm soát thanh toán vốn tại KBNN.

1.4.4.2. Xây dựng mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên các phân tích trên và nghiên cứu trên tác giả tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu đề xuất với 5 nhóm nhân tố dưới đây nhằm đánh giá tác động của các nhân tố đến công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản tại KBNN Thừa Thiên Huế dưới đây:



Hình 1.1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên nhóm 5 nhân tố trên tác giả tiến hành xây dựng bảng hỏi như sau:

Bảng 1.1: Các câu hỏi nghiên cứu

	Tiêu chí	Mã hóa
I	Cơ chế chính sách	
1	Các văn bản, quy định về kiểm soát chi rõ ràng, phù hợp với thực tế	CC1
2	Nội dung hệ thống văn bản pháp quy chi tiết, dễ hiểu	CC2
3	Các mẫu biểu, chứng từ, báo cáo ít thay đổi, đồng bộ và dễ thực hiện	CC3
4	Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật được công khai, minh bạch	CC4
II	Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ	
5	Quy trình kiểm soát chi hợp lý, thống nhất	HS1
6	Thành phần các loại tài liệu, hồ sơ chứng từ đề nghị kiểm soát tương đối đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu	HS2
7	Thời gian xử lý hồ sơ đúng quy định, hợp lý, tiết kiệm	HS3
8	Trình tự tổ chức thực hiện các công việc một cách chặt chẽ	HS4
9	Quy trình thủ tục, hồ sơ, thời gian kiểm soát được công khai, minh bạch	HS5
10	Cơ chế tạm ứng, thu hồi tạm ứng hợp lý	HS6
III	Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi	
11	Cán bộ Kiểm soát chi có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ tốt	NLCB1
12	Cán bộ giải thích rõ ràng khi có sai sót về hồ sơ, thủ tục	NLCB2
13	Thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi dự án đã có đủ điều kiện và đúng quy định	NLCB3
14	Cán bộ kiểm soát chi tuân thủ đúng quy trình khi kiểm soát chi vốn đầu tư	NLCB4
15	Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn CĐT hoàn thành thủ tục thanh toán vốn đúng quy định	NLCB5
IV	Năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư	
16	Chủ đầu tư có trình độ, năng lực chuyên môn	NL1
17	Chủ đầu tư chấp hành đúng chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư, tình hình sử dụng vốn	NL2

18	Chủ đầu tư tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định	NL3
19	Chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán nhanh chóng, đúng quy định	NL4
V Ứng dụng hệ thống TABMIS		
20	Máy móc, trang thiết bị tại Kho bạc đầy đủ, hiện đại đủ điều kiện tổ chức TABMIS trong kiểm soát chi	TM1
21	Hệ thống cam kết chi trong kiểm soát chi hiệu quả	TM2
22	TABMIS góp phần giúp cán bộ kiểm soát chi kiểm soát được nguồn vốn dễ dàng hơn	TM3
Nhìn chung, công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN của Kho bạc Nhà nước TT Huế là tốt		DDC

Trên cơ sở các nhân tố tác động đến công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc nhà nước bao gồm nhóm nhân tố trên tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu dưới dạng hồi quy tuyến tính như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 F1 + \beta_2 F2 + \beta_3 F3 + \beta_4 F4 + \beta_5 F5 + \dots + e$$

Trong đó:

Y: Công tác Kiểm soát chi đầu tư XDCB từ nguồn NSNN qua Kho bạc nhà nước

F1, F2, F3, F4, F5 ... là các nhân tố tác động đến công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc nhà nước

β_i : Hệ số hồi quy riêng từng phân tương ứng với các biến độc lập F_i

e: Sai số của mô hình

Từ mô hình nghiên cứu đề xuất trên, tác giả thiết kế bảng hỏi để phỏng vấn các đối tượng là Cán bộ Kho bạc và các chủ đầu tư có liên quan trực tiếp đến công tác kiểm soát chi. Bảng hỏi được thiết kế theo thang điểm Likert 5 mức độ đánh giá các tiêu chí thuộc các nhân tố nêu trên (*Bảng hỏi – Phụ lục*)

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH T.T HUẾ

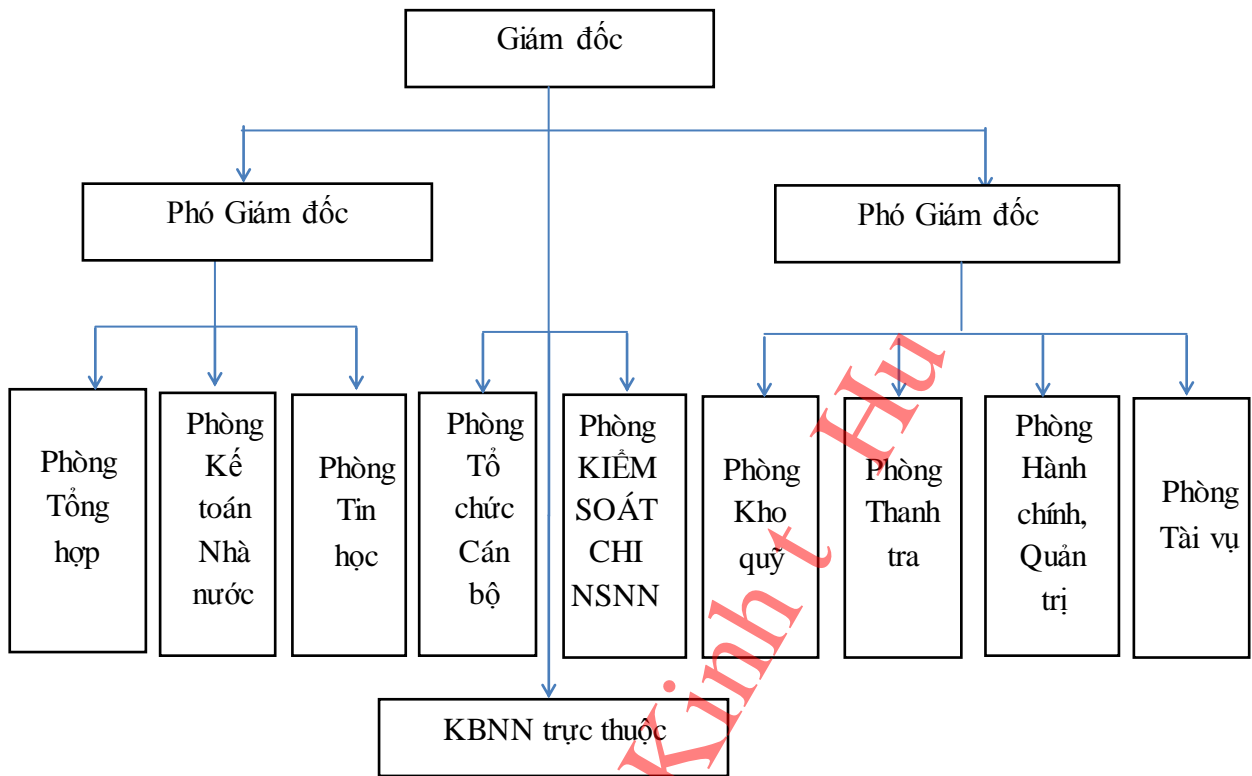
2.1. GIỚI THIỆU VỀ KBNN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

2.1.1. Tổng quan về KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngày 29/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 75 quy định tổ chức, bộ máy Bộ Tài chính (BTC). Trong đó, Nha Ngân khố là một bộ phận tổ chức cấu thành trong bộ máy BTC và trực thuộc Bộ trưởng, với chức năng nhiệm vụ chủ yếu là in tiền, phát hành tiền của Chính phủ, quản lý quỹ NSNN, quản lý một số tài sản quý của Nhà nước bằng hiện vật như vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, Ngân khố Quốc gia đã đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chế độ tài chính tiền tệ độc lập tự chủ, góp phần đưa hai cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam đi đến thắng lợi vẻ vang. Và ngày 29 tháng 5 lịch sử đã trở thành Ngày Truyền thống của hệ thống KBNN theo Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 01/4/1990, Chính phủ ban hành Quyết định số 07/HĐBT thành lập KBNN trực thuộc BTC, mốc son này đánh dấu sự ra đời của Hệ thống KBNN nói chung và KBNN Thừa Thiên Huế nói riêng. Qua quá trình hoạt động và phát triển, hệ thống KBNN đã không ngừng lớn mạnh và ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò trong nền kinh tế, trong hệ thống Tài chính Quốc gia.

KBNN Thừa Thiên Huế là tổ chức trực thuộc KBNN, có chức năng thực hiện nhiệm vụ KBNN trên địa bàn theo quy định của Pháp luật. Có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ở tỉnh và các Ngân hàng Thương mại trên địa bàn để thực hiện giao dịch, thanh toán theo quy định của Pháp luật.



(Nguồn: KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế)

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy tại KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, KBNN Thừa Thiên Huế được tổ chức theo bộ máy trực tuyến bao gồm Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 09 phòng chức năng và 9 KBNN trực thuộc.

KBNN Thừa Thiên Huế có các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây: tập trung các khoản thu NSNN trên địa bàn, hạch toán, kế toán các khoản thu cho các cấp ngân sách; thực hiện kiểm soát thanh toán, chi trả các khoản chi NSNN trên địa bàn theo quy định của Pháp luật.

Hàng năm KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Kiểm soát chi hàng nghìn tỷ đồng đối với các cấp ở địa phương và nhiều loại nguồn vốn khác nhau như: nguồn vốn thường xuyên, vốn XDCB tập trung, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn TPCP, vốn sự nghiệp kinh tế có tính chất đầu tư. Để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngày càng tăng, hàng năm KBNN không ngừng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ CBCC.

Bảng 2.1: Số lượng và trình độ chuyên môn của cán bộ công chức tại KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 - 2017

ĐVT: Người

Chỉ tiêu	Năm			So sánh (%)			
	2015	2016	2017	2016/2015		2017/2016	
				+/-	%	+/-	%
Tổng số	200	203	204	3	101,5	1	100,5
1. Theo phân cấp							
- KBNN tỉnh	74	75	75	1	101,4	0	100,0
- KBNN Thành phố	27	28	28	1	103,7	0	100,0
- KBNN Huyện	99	100	101	1	101,0	1	101,0
2. Theo trình độ							
- Sau đại học	8	9	12	1	112,5	3	133,3
- Đại học	129	134	147	5	103,9	13	109,7
- Dưới Đại học	63	60	45	-3	95,2	-15	75,0

(Nguồn: Phòng Tổ chức cán bộ - KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế)

Qua bảng 2.1 ta thấy, số lượng CBCC của KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay có 204 người, trong đó văn phòng KBNN tỉnh có 75 cán bộ, KBNN Thành phố có 28 cán bộ và các KBNN huyện trực thuộc được bố trí 12 – 13 cán bộ mỗi huyện. Trình độ trên đại học 12 người chiếm 5,9 %, trình độ đại học là 147 người chiếm 72% còn lại khoảng 22,1% là dưới đại học (chủ yếu là Cao đẳng). Số lượng cán bộ tại kho bạc chỉ tăng thêm hàng năm khoảng 1-3 người/năm, tương ứng tăng khoảng 0,5-1,5%.

Trình độ chuyên môn của các Cán bộ ngày càng được nâng cao, số lượng các cán bộ có trình độ thạc sĩ, đại học ngày càng tăng. Trong khi đó các cán bộ có trình độ dưới Đại học ngày càng thấp đi, vì hiện tại những cán bộ cũng đang không ngừng học tập theo các chương trình đại học tại chức, liên thông... để nâng cao trình độ. Như vậy có thể thấy rằng chất lượng đội ngũ CBCC tại KBNN tỉnh tương đối cao, có thể hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.1.2. Hình thức tổ chức bộ máy quản lý và phân cấp thực hiện nhiệm vụ Kiểm soát chi

a. Tổ chức bộ máy quản lý

Về cơ cấu tổ chức thì KBNN được tổ chức theo nguyên tắc tập trung, thống nhất, thành hệ thống dọc từ Trung ương đến địa phương. Nhờ đó tạo điều kiện thuận lợi để KBNN hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Cụ thể, đối với công tác thanh toán vốn đầu tư XDCB, nhằm mục tiêu đảm bảo nguyên tắc dự án, công trình phát sinh ở đâu thanh toán ở đó; đồng thời giúp giảm bớt gánh nặng cho Kho bạc Trung ương; tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng của công tác kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, theo Quyết định số 145/1999/QĐ-BTC ngày 26/11/1999 của Bộ trưởng BTC về nhiệm vụ và tổ chức bộ máy thanh toán vốn đầu tư thuộc hệ thống KBNN thì hiện nay công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB được tổ chức như sau:

Ở trung ương có KBNN, tại đó thành lập Vụ Thanh toán vốn đầu tư và Phòng thanh toán vốn đầu tư công trình liên tỉnh;

Ở tỉnh, thành phố có KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực thuộc Kho bạc Nhà nước; công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư tại các Kho bạc này do Phòng thanh toán vốn đầu tư đảm trách;

Ở các huyện, thành phố có KBNN huyện, thành phố trực thuộc KBNN tỉnh và việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ Kiểm soát chi vốn đầu tư do bộ phận kế hoạch tổng hợp thực hiện. Đối với các dự án được thực hiện trên nhiều tỉnh hay địa bàn khác nhau thì sẽ do Sở Giao dịch kiểm soát thanh toán.

Về đội ngũ cán bộ làm công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại KBNN Thừa Thiên Huế gồm 12 cán bộ thuộc phòng Kiểm soát chi KBNN tỉnh và 20 cán bộ thuộc tổ tổng hợp – kế hoạch, tổ Kiểm soát chi của 9 đơn vị KBNN huyện, thành phố trực thuộc, thực hiện nhiệm vụ quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư ở cả ba cấp Trung ương, tỉnh, huyện. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ làm công tác Kiểm soát chi còn thiếu, đặc biệt tại mỗi KBNN huyện chỉ có được 2 cán bộ Kiểm soát chi, trong khi đó thực hiện kiểm soát các dự án đầu tư XDCB từ NSNN huyện, xã trên địa bàn và một số dự án từ NSNN cấp trên Trung ương, tỉnh ủy quyền, khối lượng

công việc nhiều nên gây nhiều khó khăn cho các cán bộ công chức có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b. Phân cấp thực hiện nhiệm vụ Kiểm soát chi

Trước đây KBNN Thừa Thiên Huế chỉ tập trung Kiểm soát chi ở cấp tỉnh và một số ít dự án liên tuyến, liên tỉnh được kiểm soát, thanh toán trực tiếp tại trung ương. Đến nay, KBNN đã tổ chức triển khai phân cấp quản lý, Kiểm soát chi vốn đầu tư ở 3 cấp Trung ương, tỉnh, huyện cho nguồn vốn đầu tư thuộc NSNN phù hợp trình độ quản lý, quy mô của các dự án đầu tư và theo yêu cầu của nhà tài trợ đối với từng dự án ODA. Việc phân cấp thực hiện như sau:

- KBNN Trung ương có nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng chế độ; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị KBNN; thông báo kế hoạch chi vốn đầu tư, chuyển vốn cho KBNN tỉnh; trực tiếp kiểm soát chi vốn đầu tư đối với các dự án liên tỉnh thuộc nguồn vốn ngân sách Trung ương (NSTW).

- KBNN cấp tỉnh trực tiếp kiểm soát chi vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư XDCB từ NSTW trên địa bàn do Trung ương quản lý được ủy quyền; kiểm soát thanh toán một phần vốn đầu tư XDCB từ NSNN cấp tỉnh do tỉnh quản lý; ủy quyền một phần cho KBNN các huyện.

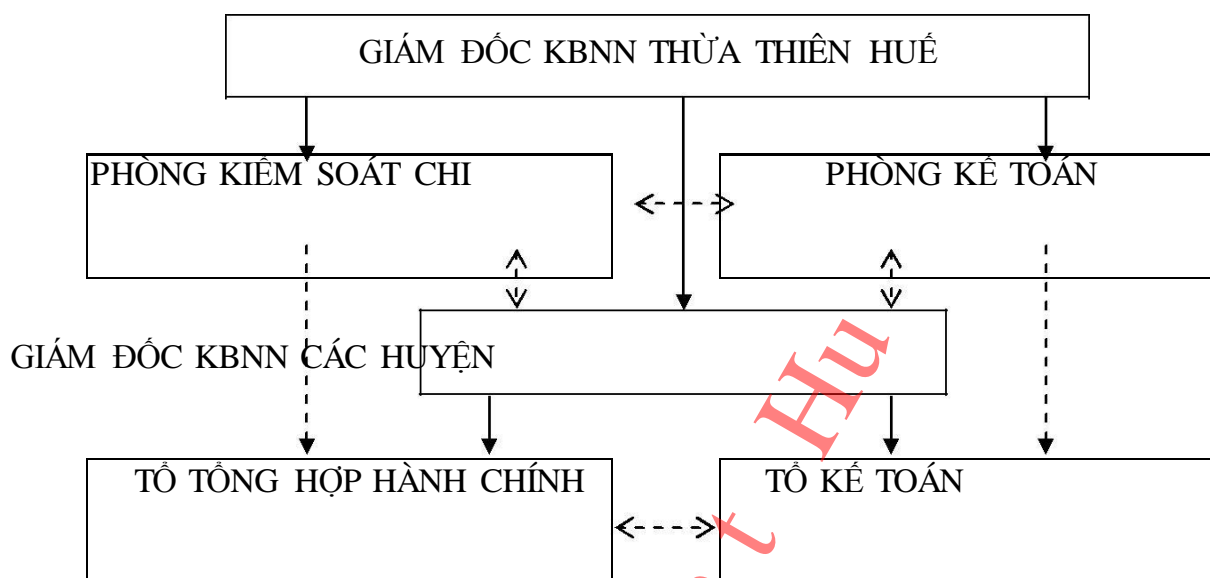
- KBNN cấp huyện trực tiếp kiểm soát chi vốn đầu tư đối với các dự án trên địa bàn do Trung ương quản lý, do tỉnh quản lý theo sự phân cấp của cấp có thẩm quyền và các dự án trên địa bàn do huyện, xã quản lý.

Ngoài ra, trong KBNN công tác thanh toán vốn do nhiều Phòng, Ban (đơn vị) khác nhau đảm nhiệm, mỗi phòng đảm nhiệm thanh toán một số loại vốn, trong đó:

- Phòng Kiểm soát chi chịu trách nhiệm về kiểm soát thanh toán vốn đầu tư XDCB và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, vốn Chương trình mục tiêu có tính chất đầu tư và tính chất sự nghiệp, chi an ninh quốc phòng qua tài khoản dự toán và tài khoản tiền gửi.

- Phòng Kế toán kiểm soát thanh toán, tạm ứng chi thường xuyên.

Việc phân công nhiệm vụ như trên thiết lập được mối quan hệ chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật và phản ánh thông tin kịp thời, chính xác và chặt chẽ trong toàn hệ thống KBNN. Nhờ đó, rút ngắn thời gian giải ngân, tạo điều kiện thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án.



→ : Chỉ đạo, điều hành

<---> : Phối hợp thực hiện nhiệm vụ

-----> Hướng dẫn, kiểm tra

(Nguồn: Phòng Tổng hợp hành chính – Kho bạc Nhà nước TT Huế)

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB

Theo cơ cấu tổ chức này, việc tổ chức kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư XDCB được thuận lợi, nhanh, gọn và về cơ bản đã đảm bảo nguyên tắc là dự án, công trình phát sinh ở đâu thanh toán ở đó (trừ những dự án thực hiện trên nhiều địa bàn khác nhau thì việc kiểm soát thanh toán được thực hiện tại phòng Kiểm soát chi NSNN)..

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XDCB TẠI KBNN THỪA THIÊN HUẾ

2.2.1. Tình hình thu, chi Ngân sách Nhà nước trên địa bàn

Về thu ngân sách: Qua bảng 2.2 cho thấy, thu NSNN trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn 2015-2017 có xu hướng giảm, từ 14.645.205 triệu đồng năm 2015 giảm xuống 14.207.313 triệu đồng trong năm 2016, tương đương giảm 2,99% và giảm còn 13.579.171 triệu đồng năm 2017. Trong đó, thu từ NSDP chiếm tỷ trọng lớn, trên 96% tổng nguồn thu NSNN trên địa bàn ở cả 3 năm.

Tuy thu ngân sách có giảm nhưng lượng giảm đó không đáng kể trong 3 năm qua, tuy có giảm nhưng đó là thành quả đáng ghi nhận trong điều kiện nền kinh tế

chung của cả nước đang gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, con số này thực tế vẫn có thể cao hơn nữa nếu chúng ta có các biện pháp nhằm giải quyết triệt để những vướng mắc về quy hoạch, đền bù giải phóng mặt bằng trong các dự án tạo vốn từ quỹ đất và trong công tác đấu giá.

Về chi NSNN: Tương đương với mức thu NSNN giảm thì chi NSNN trên địa bàn giai đoạn 2015–2017 cũng giảm theo. Năm 2016 tổng chi NSNN là 19.284.970 triệu đồng, sang năm 2017 giảm xuống còn 18.814.072 triệu đồng tương ứng giảm 2,44%. Cơ cấu của các khoản chi thường xuyên và chi đầu tư XD CB là gần như nhau.

Giai đoạn từ 2015 -2017 này là giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế cả nước, tỉnh ta cũng không tránh khỏi việc đối diện với tình trạng suy giảm kinh tế. Vì thế, kết quả trên đây có thể nói là một thành quả đáng ghi nhận trong công tác quản lý thu chi NSNN trong cả nước nói chung và trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng.

Bảng 2.2: Tình hình thu, chi NSNN trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 - 2017

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	So sánh (%)			
					2016/2015		2017/2016	
					+/-	%	+/-	%
I	Tổng thu NSNN	14.645.205	14.207.313	13.579.171	-437.892	-2,99	-628.142	-4,42
1	Thu NSTW	467.787	444.372	421.497	-23.415	-5,01	-22.875	-5,15
	Thu NSDP	14.177.418	13.762.941	13.157.674	-414.477	-2,92	-605.267	-4,40
	Trong đó							
2	NS tỉnh	9.424.675	8.495.529	7.784.702	-929.146	-9,86	-710.827	-8,37
	NS huyện	3.952.051	4.412.310	4.432.591	460.259	11,65	20.281	0,46
	NS xã	800.692	855.102	940.381	54.410	6,80	85.279	9,97
II	Tổng chi NSNN	19.712.744	19.284.970	18.814.072	-427.774	-2,17	-470.898	-2,44
1	Chi NSTW	5.736.226	5.703.046	6.967.668	-33.180	-0,58	1.264.622	22,17
	Chi NSDP	13.976.518	13.581.924	11.846.404	-394.594	-2,82	-1.735.520	-12,78
	Trong đó							
2	NS tỉnh	9.407.663	8.415.205	6.650.038	-992.458	-10,55	-1.765.167	-20,98
	NS huyện	3.861.954	4.349.107	4.305.511	487.153	12,61	-43.596	-1,00
	NS xã	706.901	817.612	890.855	110.711	15,66	73.243	8,96

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo thu chi NSNN giai đoạn 2015 - 2017 của KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế)

2.2.2. Tình hình kế hoạch vốn XDCB và thủ tục mở tài khoản thanh toán tại KBNN Thừa Thiên Huế

Thông báo kế hoạch đầu tư XDCB

Tại KBNN TT Huế sau khi nhận được thông báo kế hoạch đầu tư XDCB từ KBNN Trung ương (đối với các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách Trung ương) và UBND thành phố (đối với các dự án thuộc ngân sách thành phố), Phòng Tổng hợp lập thông báo kế hoạch đầu tư XDCB trình lãnh đạo ký gửi cho các Phòng Kiểm soát chi NSNN và các KBNN thành phố, huyện theo phân cấp. Tình hình tiếp nhận, thông báo kế hoạch vốn đầu tư XDCB giai đoạn 2015-2017 được thể hiện ở bảng số liệu 2.3

Nhìn vào bảng số liệu cho thấy, kế hoạch vốn đầu tư trong giai đoạn 2015 - 2017 tăng lên qua các năm từ NSTW đến NSĐP. Cụ thể các mức tăng của các năm như sau:

Đối với kế hoạch vốn đầu tư: Năm 2015 là 3.377 tỷ đồng, đến năm 2016 tăng lên 3.854 tỷ đồng, tăng lên so với năm 2015 là 14,14%. Năm 2017 là 3.827 tỷ đồng, có giảm hơn so với năm 2016 là 27,9 tỷ đồng.

Vốn đầu tư XDCB từ NSTW năm 2016 tăng gần 527 tỷ đồng so với năm 2015, tương đương tăng 33,05%. Tuy nhiên năm 2017 lại giảm 315,8 tỷ đồng tương đương giảm 14,9%.

Mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư

* Hồ sơ mở tài khoản: Thực hiện theo Thông tư số 109/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 01/08/2011 về Hướng dẫn mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng TABMIS, hồ sơ mở tài khoản cho CĐT, Ban quản lý dự án đầu tư XDCB, vốn chương trình mục tiêu có tính chất đầu tư gồm:

- Giấy đăng ký mở tài khoản và mẫu dấu, chữ ký (Mẫu số: 01/MTK).
- Quyết định thành lập Ban quản lý dự án hoặc Quyết định giao nhiệm vụ chủ đầu tư.
- Quyết định bổ nhiệm chức vụ của Chủ tài khoản (Thủ trưởng đơn vị), Kế toán trưởng (hoặc người Phụ trách kế toán) nếu chưa có trong Quyết định thành lập Ban quản lý dự án hoặc Quyết định giao nhiệm vụ chủ đầu tư.
- Giấy chứng nhận đăng ký mã số ĐVQHNS của Chủ đầu tư hoặc Ban Quản lý dự án.

Bảng 2.3: Kế hoạch vốn xây dựng cơ bản và số tài khoản thanh toán được mở giai đoạn 2015 - 2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017	So sánh (%)			
						2016/2015		2017/2016	
						+/-	%	+/-	%
I	Kế hoạch vốn đầu tư								
	Tổng số	Triệu đồng	3.377.327	3.854.833	3.826.931	477.506	14,14	-27.902	-0,72
1	NSTW	Triệu đồng	1.593.757	2.120.541	1.804.661	526.784	33,05	-315.880	-14,90
2	NSDP	Triệu đồng	1.783.570	1.734.292	2.022.270	-49.278	-2,76	287.978	16,60
	NSTP	Triệu đồng	956.146	1.065.344	1.154.612	109.198	11,42	89.268	8,38
	NS huyện	Triệu đồng	827.424	668.948	867.658	-158.476	-19,15	198.710	29,70
II	Số tài khoản thanh toán được mở								
	Tổng số	Tài khoản	1.048	1.090	1.132	42	4,01	42	3,85
1	NSTW	Tài khoản	552	568	628	16	2,90	60	10,56
2	NSDP	Tài khoản	496	522	504	26	5,24	-18	-3,45
	NSTP	Tài khoản	340	327	392	-13	-3,82	65	19,88
	NS huyện	Tài khoản	156	195	112	39	25,00	-83	-42,56

(Nguồn: Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế)

* Quy trình mở tài khoản thanh toán

Đối với việc mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư XDCB, KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện theo quy trình sau:

- Khi có dự án, công trình mới phát sinh, Chủ đầu tư gửi hồ sơ đăng ký mở tài khoản đến KBNN. Cán bộ thanh toán có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ, tính đầy đủ của tài liệu. Nếu phát hiện thấy hồ sơ thiếu, chưa hợp pháp, hợp lệ thì hướng dẫn chủ đầu tư bổ sung hoàn thiện hồ sơ đúng quy định.

- Khi hồ sơ mở tài khoản đúng với quy định, cán bộ thanh toán photo thêm một bản để lưu hồ sơ dự án làm cơ sở kiểm soát thanh toán, đồng thời gửi toàn bộ hồ sơ đăng ký mở tài khoản về phòng Kế toán để làm thủ tục mở tài khoản. Tại phòng Kế toán, Kế toán trưởng kiểm tra, xem xét tính hợp lệ, hợp pháp về thủ tục và tiến hành ghi số hiệu tài khoản, bản đăng ký mẫu dấu, chữ ký, ký tên trên giấy đề nghị mở tài khoản và chuyển toàn bộ hồ sơ trình lãnh đạo KBNN ký duyệt. Sau khi lãnh đạo KBNN ký duyệt, Kế toán trưởng tiến hành mở tài khoản trên chương trình máy của hệ thống Kho bạc và tài khoản của dự án, công trình thanh toán vốn đầu tư XDCB bắt đầu hoạt động.

Tình hình mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước TT Huế được thể hiện ở bảng 2.3. Nhìn vào bảng ta thấy, số tài khoản thanh toán tăng lên qua cả 3 năm. Năm 2015 có 1.048 tài khoản thanh toán được mở, sang năm 2016 có 1.090 tài khoản được mở, tăng 4,1% so với năm 2015. Năm 2017 tăng thêm 42 tài khoản so với năm 2016 tương đương tăng 3,85%. Các tài khoản này được mở chủ yếu từ nguồn vốn của ngân sách trung ương và thành phố, chiếm tỷ trọng lớn nhất là các dự án có nguồn vốn từ ngân sách Trung ương.

2.2.3. Tình hình tạm ứng vốn đầu tư XDCB tại KBNN Thừa Thiên Huế

KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện tạm ứng vốn cho dự án khi chủ đầu tư yêu cầu tạm ứng cho nhà thầu, đồng thời thực hiện kiểm soát chặt chẽ hồ sơ tạm ứng theo quy định hiện hành. Giai đoạn 2015 - 2017, việc tạm ứng và mức tạm ứng thực hiện theo Thông tư 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của BTC quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn NSNN.

Từ bảng 2.4 cho thấy, tỷ lệ tạm ứng vốn đầu tư XD CB ở KBNN Thừa Thiên Huế có chiều hướng tăng giảm theo từng giai đoạn, năm 2015 là 11,72%; năm 2016 là 6,04% và năm 2017 là 10,4%. Thông tư 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của BTC quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn NSNN. không quy định mức tạm ứng tối đa mà chỉ quy định mức tạm ứng tối thiểu. Do vậy, từ trước năm 2012, khi thực hiện theo thông tư này, các chủ đầu tư thường tạm ứng mức vốn cho các dự án khoảng 50 – 60% giá trị hợp đồng, thậm chí một số chủ đầu tư vì những lý do chủ quan nên đã tạm ứng cho nhà thầu 70 – 80% giá trị hợp đồng.

Bảng 2.4: Tỷ lệ tạm ứng vốn đầu tư XD CB giai đoạn 2015 - 2017

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017
1	Kế hoạch vốn đầu tư	Triệu đồng	3.377.327	3.854.833	3.826.931
2	Vốn tạm ứng	Triệu đồng	395.823	232.832	398.001
3	Tỷ lệ tạm ứng	(%)	11,72	6,04	10,40

(Nguồn: Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế)

Việc tạm ứng với mức cao nhằm tạo điều kiện cho đơn vị nhận thầu chủ động hơn trong công việc dự trữ nguyên vật liệu, chi trả chi phí nhân công thúc đẩy nhanh tiến độ thi công, nhưng trên thực tế lại không đưa lại kết quả như mong muốn. Ngược lại, với mức tạm ứng cao kích thích một số nhà thầu lợi dụng số vốn được tạm ứng cao để thực hiện các hoạt động kiếm lời khác, trong khi khối lượng hoàn thành chưa đạt được tiến độ tạm ứng như thỏa thuận. Mặt khác, do tạm ứng số vốn lớn mà khối lượng hoàn thành đạt thấp nên đến thời điểm thu hồi tạm ứng gặp nhiều khó khăn, khó thu hồi hết số vốn đã tạm ứng.

Từ sau năm 2012, thực hiện theo Thông tư 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của BTC quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn NSNN, trong đó có quy định mức tạm ứng trong năm không quá 30% kế hoạch vốn được giao hàng năm và không quá 50% giá trị hợp đồng, trường hợp đặc biệt cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép. Những quy định này đã hạn chế và khắc phục được tình trạng tạm ứng ồ ạt của chủ đầu tư cho nhà thầu. Do đó tỷ lệ tạm ứng năm 2015 giảm xuống còn 11,72% và tiếp tục giảm vào năm 2016. Điều này cho thấy rằng KBNN Thừa Thiên

Huế đã kiểm soát vốn tạm ứng của các dự án XDCB chặt chẽ hơn, khắc phục được tình trạng tham nhũng, ngăn chặn nhà thầu chiếm dụng vốn NSNN, đồng thời kích thích được các công trình XDCB đẩy nhanh tiến độ thi công theo đúng thời hạn, giúp các chủ đầu tư sử dụng vốn đúng mục đích và hiệu quả, tránh lãng phí. Để đảm bảo nguồn vốn tạm ứng được sử dụng hiệu quả, an toàn và đúng quy trình, KBNN tỉnh đã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đúng quy định.

2.2.4. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư XDCB tại KBNN Thừa Thiên Huế

Quá trình thực hiện quản lý, kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại KBNN tỉnh đã thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình. Trong giai đoạn 2015 – 2017, việc quản lý, kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB ở KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế tăng lên cả về số lượng và chất lượng, tỷ lệ giải ngân luôn đạt cao, qua kiểm soát thanh toán đã tiết kiệm chi hàng ngàn tỷ đồng cho NSNN. Bên cạnh đó, việc thực hiện đúng quy trình kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB đã làm cho công tác kiểm soát chi của KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế đơn giản hơn về thủ tục, đạt tính chính xác cao.

Nhìn vào bảng 2.5 ta thấy, trong giai đoạn 2015 – 2017 công tác giải ngân đã đạt kết quả tốt: tỷ lệ giải ngân năm 2015 là 98,4%; năm 2016 tỷ lệ giải ngân chỉ chiếm 82,2% so với kế hoạch. Tuy nhiên năm 2017, tỷ lệ giải ngân đã thực hiện được 92,6% so với kế hoạch. Đây là một dấu hiệu đáng mừng cho thấy nguồn vốn đầu tư XDCB bằng nguồn NSNN đã được sử dụng hiệu quả hơn, các dự án được tiến hành đúng tiến độ, đảm bảo yêu cầu đầu tư xây dựng đặt ra. Đồng thời tránh được tình trạng lãng phí từ việc nguồn vốn đã được bố trí mà không được sử dụng, đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội.

Công tác giải ngân với các nguồn vốn đạt kết quả như sau: Đối với nguồn vốn thuộc Ngân sách địa phương thực hiện năm 2015 là 87,1% so với kế hoạch; năm 2016 là 84,9% và năm 2017 là 91,3%. Nguồn vốn thuộc Ngân sách trung ương tỷ lệ giải ngân cũng đạt kết quả tốt, năm 2015 là 111% so với kế hoạch; năm 2016 là 80% và năm 2017 là 94,1%, đây là một sự cố gắng lớn của các ngành, các đơn vị trong công tác quản lý vốn đầu tư XDCB, cũng như sự tích cực của các nhà thầu trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công, rút ngắn thời gian, bảo đảm chất lượng công trình xây dựng.

Bảng 2.5: Tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 – 2017

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017		
		KH	TT	Tỷ lệ (%)	KH	TT	Tỷ lệ (%)	KH	TT	Tỷ lệ (%)
A	NSTW	1.593.757	1.768.558	111,0	2.120.541	1.697.175	80,0	1.804.661	1.697.661	94,1
1	Vốn XDCB tập trung	327.919	692.091	211,1	324.736	313.041	96,4	564.776	536.541	95,0
2	Dự án, CTMT	68.249	68.512	100,4	79.512	76.821	96,6	84.680	74.336	87,8
3	TPCP	975.533	969.540	99,4	1.553.025	1.226.946	79,0	1.065.786	1.002.341	94,0
4	Ứng trước	187.638	16.808	9,0	128.900	47.202	36,6	34.654	32.546	93,9
5	Vốn khác	34.418	21.607	62,8	34.368	33.165	96,5	54.765	51.897	94,8
B	NSDP	1.783.570	1.553.742	87,1	1.734.292	1.472.041	84,9	2.022.270	1.846.221	91,3
1	Vốn XDCB tập trung	231.724	223.955	96,6	463.287	438.741	94,7	982.022	917.562	93,4
2	Hỗ trợ có mục tiêu	423.221	373.909	88,3	637.962	526.772	82,6	587.998	522.454	88,9
3	Quỹ đất	225.776	216.087	95,7	112.466	65.008	57,8	81.560	76.469	93,8
4	Xổ số kiến thiết	630.837	528.868	83,8	157.577	137.183	87,1	81.033	65.878	81,3
5	Ứng trước	38.627	23.484	60,8	111.988	93.103	83,1	78.098	74.564	95,5
6	Vốn khác	233.385	187.440	80,3	251.012	211.235	84,2	211.559	189.294	89,5
C	Tổng (A+B)	3.377.327	3.322.300	98,4	3.854.833	3.169.216	82,2	3.826.931	3.543.882	92,6

(Nguồn: Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế)

Nếu xét theo tính chất nguồn vốn trong cơ cấu chi đầu tư XD CB hàng năm:

- Nguồn XD CB tập trung được bố trí hàng năm cao ở cả nguồn NSTW và NSDP, đây là nguồn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kế hoạch vốn đầu tư XD CB hàng năm. Công tác giải ngân hàng năm đều đạt khá. Nguồn vốn NSDP đã giải ngân năm 2015 là 223.955 triệu đồng đạt 96,6%; năm 2016 là 438.741 triệu đồng đạt 94,7%; năm 2017 là 917.562 triệu đồng đạt 93,4%. Nguồn vốn thuộc NSTW năm 2015 thực hiện là 692.091 triệu đồng đạt 211,1%; năm 2016 là 313.041 triệu đồng đạt 96,4% và năm 2017 là 1.697.661 triệu đồng đạt 94,1%. Năm 2015 giải ngân vượt kế hoạch chủ yếu là do việc xác nhận vốn nước ngoài tại các dự án đầu tư do Ngân hàng Thế giới tài trợ có khối lượng hoàn thành lớn so với kế hoạch vốn.

- Nguồn vốn dự án, CTMT quốc gia: Đây là nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung cho tỉnh để thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn gồm Chương trình 5 triệu 5 ha rừng, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, chương trình phát triển và bảo vệ rừng bền vững, chương trình giảm nghèo bền vững, việc giải ngân các chương trình này qua các năm như sau: Năm 2017 là 74.336 triệu đồng đạt 87,8%; sở dĩ tỷ lệ giải ngân nguồn vốn này thấp hơn các nguồn vốn khác là do Trung ương thông báo kế hoạch vốn chậm nên công tác chuẩn bị đầu tư của các ngành triển khai không kịp dẫn đến không thực hiện hết kế hoạch vốn.

- Đối với nguồn vốn TPCP: tỉnh được Trung ương bố trí nguồn vốn TPCP để thực hiện các dự án về Giao thông, Y tế, Giáo dục Đào tạo trên địa bàn như cầu đường bộ Bạch Hổ qua sông Hương, nâng cấp cầu Phú Xuân, KTX sinh viên Đại học Huế, Tuyến đường tránh phía Tây thành phố Huế, trung tâm văn hóa thanh thiếu niên, các tuyến đường giao thông tuyến huyện, thành phố... Công tác giải ngân kịp thời hàng năm đạt trên 80%, bình quân đạt 95%, nhiều công trình đã hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.

- Các nguồn khác công tác giải ngân đều đạt kết quả tốt, bình quân đều đạt trên 87% so với kế hoạch được giao.

2.2.5. Kiểm soát quyết toán vốn đầu tư XD CB ở KBNN

Quyết toán là khâu cuối cùng và rất quan trọng trong công tác đầu tư XDCB. Thực tế hiện nay nhiều Chủ đầu tư chỉ quan tâm đến việc tìm dự án, công trình và tổ chức đấu thầu, nhận thầu, triển khai thi công, thanh toán công trình, đưa công trình vào khai thác sử dụng mà không chú trọng đến việc quyết toán dự án, công trình hoàn thành. Điều này đã làm cho công tác quản lý cũng như kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN ở KBNN Thừa Thiên Huế gặp nhiều khó khăn, chưa được hoàn tất theo đúng thời gian quy định. Các dự án, công trình để được quyết toán thì Chủ đầu tư phải gửi toàn bộ hồ sơ, thủ tục đến KBNN nơi mở tài khoản để đối chiếu đảm bảo khớp đúng giữa số liệu của Chủ đầu tư với số liệu của KBNN.

Khi dự án, công trình hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, KBNN tiến hành kiểm tra đối chiếu số vốn đã chi cho dự án, công trình. Nếu số vốn đã chi nhỏ hơn số vốn quyết toán đã được duyệt thì KBNN căn cứ vào kế hoạch vốn bố trí cho dự án để hoàn thành chi trả cho đơn vị thụ hưởng. Nếu số vốn đã chi lớn hơn số vốn quyết toán được duyệt thì KBNN phối hợp với Chủ đầu tư thu hồi số vốn đã thanh toán cho các đơn vị nhận thầu để nộp NSNN và hạch toán giảm cấp phát cho dự án. Hết thời hạn theo quy định 6 tháng mà Chủ đầu tư chưa nộp đủ số tiền trên vào NSNN thì kế toán căn cứ vào Đề nghị của phòng Kiểm soát chi (đã được lãnh đạo KBNN phê duyệt) lập phiếu chuyển khoản, chuyển số tiền này vào tài khoản phải thu chi tiết theo từng dự án để theo dõi, xử lý.

Hiện nay, một số Chủ đầu tư chưa quan tâm đến trách nhiệm quyết toán khi dự án, công trình hoàn thành. Nhà thầu sau khi đã được thanh toán tiền cơ bản, không tích cực phối hợp với Chủ đầu tư để làm thủ tục quyết toán. Bên cạnh đó, UBND các cấp cũng chưa thực sự quan tâm và bố trí cán bộ có chuyên môn đảm nhận công tác thẩm tra quyết toán đúng theo quy định để phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền. Do vậy, trong công tác kiểm soát chi tại KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế đã phát hiện và từ chối thanh toán những dự án mà hồ sơ thủ tục không tuân thủ đúng quy định thanh toán vốn đầu tư, chủ yếu là các nguyên nhân như:

- Khối lượng nghiệm thu lớn hơn dự toán được duyệt hoặc chỉ định thầu, hồ sơ vượt thời gian thực hiện dự án cũng như thời gian thực hiện hợp đồng.

- Cộng sai số học.
- Hồ sơ không đúng quy trình.

- Một số nguyên nhân khác: trình tự thủ tục không đúng quy định như quyết định phê duyệt của CĐT có trước so với dự toán, không phù hợp trình tự về mặt thời gian; áp dụng sai định mức tỷ lệ do Nhà nước quy định như các chi phí về lập dự án, thiết kế - dự toán, bảo hiểm, quản lý dự án, thẩm định, giám sát.

Theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC thì KBNN thực hiện kiểm soát hồ sơ đề nghị thanh toán, quyết toán của Chủ đầu tư theo điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình; KBNN không chịu trách nhiệm về vấn đề này. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm soát chi, quyết toán vốn đầu tư XDCB, KBNN Thừa Thiên Huế đã từ chối thanh toán, quyết toán và yêu cầu Chủ đầu tư hoàn thiện hàng trăm hồ sơ, chứng từ thanh toán chưa đúng quy định, điều này đã góp phần tiết kiệm chi hàng ngàn tỷ đồng.

Qua bảng 2.6 ta thấy số lượng hồ sơ đề nghị thanh toán tăng dần trong cả 3 năm từ 2015 – 2017. Năm 2017 có đến 3578 hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng công trình, dự án về đầu tư XDCB, tăng 13,44% so với năm 2016. Tuy nhiên trong đó, số hồ sơ đề nghị không hợp lý cũng chiếm khoảng 1,5-1,9% mỗi năm. Cụ thể, năm 2015 tỷ lệ hồ sơ đề nghị không hợp lý là 1,86%, năm 2016 là 1,33% và năm 2017 là 1,87%. Nhìn chung, các hồ sơ bị từ chối thanh toán hầu do do chủ đầu tư đề nghị thanh toán không đúng đối tượng, thủ tục đầu tư không đúng quy định, sai số học hoặc do không có trong hợp đồng, dự toán.

Tương ứng với số hồ sơ đề nghị không hợp lý là số vốn từ chối thanh toán. Tuy số vốn từ chối không lớn so với tổng số vốn thanh toán nhưng phản ánh sự đóng góp tích cực của KBNN Thừa Thiên Huế trong việc góp phần vào chấn chỉnh việc thực hiện các thủ tục trong đầu tư cho các dự án đầu tư XDCB, phòng chống sai sót, ngăn chặn lãng phí, lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia.

Bảng 2.6: Số vốn đầu tư XDCB từ NSNN bị từ chối thanh toán trên địa bàn tỉnh TT Huế giai đoạn 2015 – 2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	So sánh (%)						
			2015	2016	2017	2016/2015		2017/2016	
						+/-	%	+/-	%
I	Tổng hồ sơ đề nghị	Hồ sơ	3115	3154	3578	39	1,25	424	13,44
1	Hồ sơ hợp lý	Hồ sơ	3057	3112	3511	55	1,80	399	12,82
2	Hồ sơ không hợp lý	Hồ sơ	58	42	67	-16	-27,59	25	59,52
3	Tỷ lệ hồ sơ đề nghị không hợp lý (%)	%	1,86	1,33	1,87	-0,53		0,54	
II	Tổng số vốn đề nghị	Tr.đ	3.452.532	3.682.154	3.715.453	229.622	6,65	33.299	0,90
1	Số vốn đề nghị hợp lý	Tr.đ	4.069.836	3.597.880	3.169.216	-471.956	-11,60	-428.664	-11,91
2	Số vốn đề nghị không hợp lý	Tr.đ	723	1.565	1.430	842	116,46	-135	-8,63
3	Tỷ lệ số vốn từ chối thanh toán (%)	%	0,02	0,04	0,04	0		0	

(Nguồn: Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế)

Trong giai đoạn từ 2015 đến 2017 ta có thể thấy mặc dù số vốn được cấp phát bằng hình thức vốn đầu tư XDCB được đề nghị thanh toán vẫn đang ngày càng tăng nhưng ngược lại số vốn bị từ chối lại đang có xu hướng giảm và chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng số vốn được đề nghị thanh toán. Năm 2015, tuy số vốn được đề nghị thanh toán là lớn nhất so với các năm còn lại nhưng tỷ lệ từ chối lại thấp nhất, tỷ lệ số vốn từ

chối thanh toán là 0,02%; sang đến năm 2016, 2017 thì tỷ lệ này đã tăng nhẹ nhưng và cũng chỉ đạt mức 0,04% mặc dù số vốn được đề nghị thanh toán nhỏ hơn so với năm 2015. Kết quả này có thể nói là một dấu hiệu tốt cho thấy công tác kiểm soát chi đã có nhiều tiến bộ nhờ công tác hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ thanh toán của KBNN chặt chẽ, đúng quy trình, hơn nữa do cơ chế quản lý đầu tư XD CB đã phân cấp và gắn chặt hơn trách nhiệm cho CĐT, nên các CĐT đã có ý thức làm tốt các thủ tục hồ sơ thanh toán, tính chuyên nghiệp của các đơn vị cũng dần được nâng lên, nhờ đó đẩy lùi tình trạng dự án không được thanh toán do không tuân thủ chế độ quy định về định mức đơn giá, khối lượng phát sinh vượt dự toán, vượt hợp đồng, vượt giá trị trúng thầu.

2.3. ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI ĐẦU TƯ XD CB TỪ NGUỒN NSNN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ

2.3.1. Khái quát về mẫu điều tra, khảo sát

Để có cái nhìn tổng quát và chính xác hơn về thực trạng công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB tại Kho bạc TT Huế, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng phiếu điều tra hai đối tượng trực tiếp với công tác Kiểm soát chi tại Kho bạc:

- Các Cán bộ công tác tại Kho bạc tỉnh và Kho bạc Huyện, Thành phố. Trong đó: Đối với Kho bạc tỉnh, tác giả điều tra đối với Ban giám đốc, Phòng Kiểm soát chi. Tổng số phiếu điều tra là 15 phiếu.

Đối với Kho bạc Thành phố và các Huyện, tác giả điều tra khảo sát đối với Ban Giám đốc huyện và mỗi huyện 02 chuyên viên phụ trách công tác Kiểm soát chi. Tổng số phiếu điều tra là 45 phiếu.

- Các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án: Đây là những đối tượng thường xuyên tiếp xúc với Kho bạc, có cái nhìn chính xác đối với thực trạng công tác Kiểm soát chi. Hiện tại, trên địa bàn có 22 Chủ đầu tư lớn và hơn 100 đơn vị nhỏ. Tổng số phiếu điều tra là 90 phiếu.

Nội dung của bảng hỏi: Phần thông tin chung tìm hiểu các thông tin về đối tượng điều tra như: giới tính, nhóm tuổi, thời gian công tác, trình độ chuyên môn được đào tạo, đơn vị trực thuộc, vị trí công việc. Phần nội dung khảo sát là các câu

hỏi liên quan đến công tác kiểm soát chi, tập trung vào các nội dung: Cơ chế chính sách; quy trình thủ tục; Năng lực của cán bộ kiểm soát chi, của chủ đầu tư và sự ứng dụng của hệ thống TABMIS vào kiểm soát chi.

2.3.2. Kết quả điều tra khảo sát các đối tượng điều tra

2.3.2.1. Đặc điểm mẫu điều tra

Bảng 2.7: Đặc điểm mẫu điều tra

Tiêu chí	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
Tổng số	150	100
<i>Theo giới tính</i>		
Nam	98	65,3
Nữ	52	34,7
<i>Theo tuổi</i>		
Dưới 30	19	12,7
Từ 31 đến 40	80	53,3
Từ 41 đến 50	37	24,7
Trên 50 tuổi	14	9,3
<i>Theo thời gian công tác</i>		
Dưới 5 năm	18	12,0
Từ 5 đến 10 năm	56	37,3
Từ 11 đến 15 năm	48	32,0
Trên 15 năm	28	18,7
<i>Trình độ</i>		
Thạc sĩ	24	16,0
Đại học	74	49,3
Cao đẳng	42	28,0
Trung cấp	10	6,7
<i>Đơn vị công tác</i>		

Kho bạc Tỉnh	15	10,0
Kho bạc Thành phố, huyện	45	30,0
Doanh nghiệp (Chủ đầu tư)	90	60,0
Vị trí công tác		
Lãnh đạo	46	30,7
Trưởng, phó ban và tương đương	75	50,0
Chuyên viên, cán bộ, nhân viên	29	19,3

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với phần mềm SPSS)

Theo bảng 2.7 cho thấy, tỉ lệ các đối tượng điều tra là nam giới và nữ giới tương đối bằng nhau. Xét theo độ tuổi, độ tuổi tập trung chủ yếu vào khoảng 31 – 40 tuổi và trên 50 tuổi.

Thời gian làm việc của các đối tượng điều tra chủ yếu từ 5 – 15 năm chiếm gần 58%. Đây là những đối tượng đã có thâm niên về công tác. Về trình độ chuyên môn, thạc sĩ chiếm 21,33% (32 người), Đại học và cao đẳng chiếm 88%, Trung cấp chỉ chiếm 6,67% trong tổng số mẫu điều tra.

Xét theo vị trí công tác, chiếm tỉ lệ cao nhất là các Trưởng, phó ban hoặc tương đương chiếm tới 46,07%. Lãnh đạo chiếm 33,15%. Chuyên viên, nhân viên chiếm 20,79%.

Theo kết quả thống kê sơ bộ trên, mẫu điều tra cơ bản phù hợp, đảm bảo được tính đại diện và có thể tiến hành được các phân tích tiếp theo.

2.3.2.2. Kiểm định độ tin cậy của các biến số phân tích

Để đánh giá độ tin cậy của các thang đo thành phần, nghiên cứu sử dụng hệ số Cronbach's Alpha đối với từng thang đo từng biến độc lập trong mô hình. Kết quả kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha như bảng 2.8 bên dưới:

Bảng 2.8. Kiểm định độ tin cậy của các thang đo thành phần

STT	Biến quan sát	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH			0,971
CC1	Các văn bản, quy định về kiểm soát chi rõ ràng, phù hợp với thực tế	0,954	0,954
CC2	Nội dung hệ thống văn bản pháp quy chi tiết, dễ hiểu	0,888	0,973
CC3	Các mẫu biểu, chứng từ, báo cáo ít thay đổi, đồng bộ và dễ thực hiện	0,891	0,972
CC4	Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật được công khai, minh bạch	0,977	0,947
HỒ SƠ THỦ TỤC, QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ			0,792
QT1	Quy trình kiểm soát chi hợp lý, thống nhất	0,574	0,753
QT2	Thành phần các loại tài liệu, hồ sơ chứng từ đề nghị kiểm soát tương đối đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu	0,396	0,803
QT3	Thời gian xử lý hồ sơ đúng quy định, hợp lý, tiết kiệm	0,577	0,753
QT4	Trình tự tổ chức thực hiện các công việc một cách chặt chẽ	0,702	0,721
QT5	Quy trình thủ tục, hồ sơ, thời gian kiểm soát được công khai, minh bạch	0,683	0,730
QT6	Cơ chế tạm ứng, thu hồi tạm ứng hợp lý	0,385	0,793
NĂNG LỰC, TRÁCH NHIỆM CÁN BỘ KIỂM SOÁT CHI			0,909
NLCB1	Cán bộ Kiểm soát chi có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ tốt	0,681	0,908

STT	Biến quan sát	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
NLCB2	Cán bộ giải thích rõ ràng khi có sai sót về hồ sơ, thủ tục	0,749	0,890
NLCB3	Thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi dự án đã có đủ điều kiện và đúng quy định	0,717	0,896
NLCB4	Cán bộ kiểm soát chi tuân thủ đúng quy trình khi kiểm soát chi vốn đầu tư	0,866	0,865
NLCB5	Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn CĐT hoàn thành thủ tục thanh toán vốn đúng quy định	0,840	0,872
NĂNG LỰC, TRÁCH NHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ			0,853
NLNDT1	Chủ đầu tư có trình độ, năng lực chuyên môn	0,782	0,771
NLNDT2	Chủ đầu tư chấp hành đúng chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư, tình hình sử dụng vốn	0,587	0,852
NLNDT3	Chủ đầu tư tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định	0,761	0,777
NLNDT4	Chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán nhanh chóng, đúng quy định	0,640	0,829
ỨNG DỤNG HỆ THỐNG TABMIS			0,729

STT	Biến quan sát	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
CN1	Máy móc, trang thiết bị tại Kho bạc đầy đủ, hiện đại đủ điều kiện tổ chức TABMIS trong kiểm soát chi	0,478	0,703
CN2	Hệ thống cam kết chi trong kiểm soát chi hiệu quả	0,520	0,682
CN3	TABMIS góp phần giúp cán bộ kiểm soát chi kiểm soát được nguồn vốn dễ dàng	0,674	0,510

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với SPSS)

Kết quả đánh giá độ tin cậy các thang đo cho thấy rằng, tất cả hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo đều lớn hơn 0,7 ; tức là thang đo này có thể sử dụng tốt. Cụ thể, hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo về *Cơ chế chính sách, Hồ sơ thủ tục và Quy trình nghiệp vụ, Năng lực của cán bộ kiểm soát chi, Năng lực của chủ đầu tư và Ứng dụng hệ thống TABMIS* lần lượt là *0,971 ; 0,792 ; 0,909 ; 0,853* và *0,729*. Ngoài ra, tất cả hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3. Do đó, những thang đo này điều kiện để tiến hành phân tích nhân tố khám phá.

2.3.2.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước tỉnh TT Huế

Kết quả kiểm định KMO and Bartlett's Test ở bảng cho thấy, cơ sở dữ liệu này là hoàn toàn phù hợp vì giá trị kiểm định đạt 0,829 với độ tin cậy là 95% (Sig = 0,000 < 0,05). Điều này cho thấy kỹ thuật phân tích nhân tố là hoàn toàn có thể thực hiện được trong nghiên cứu này bởi vì quy mô mẫu thích hợp và đủ lớn để thực hiện.

**Bảng 2.9. Kiểm định số lượng mẫu thích hợp KMO
(KMO and Bartlett's Test)**

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.	0,829
--	-------

Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	2557,966
	Df	231
	Sig	0,000

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với SPSS)

Ngoài ra, giá trị kiểm định Bartlett's Test với giả thuyết: H_0 "Các biến không tương quan với nhau" bằng 2.557,966 với mức ý nghĩa thống kê dưới 5% đã bác bỏ giả thuyết H_0 , đồng nghĩa với việc các biến có tương quan với nhau và việc áp dụng phân tích nhân tố là thích hợp.

Khi tiến hành phân tích nhân tố người nghiên cứu đòi hỏi phải định trước một số vấn đề sau: số lượng nhân tố cần đưa ra, phương pháp sử dụng đảo trục nhân tố (Rotating the factors) cũng như là hệ số tương quan ngưỡng để loại bỏ các nhân tố. Theo nghiên cứu của Almeda (1999), số lượng nhân tố cần đưa ra được tính toán dựa trên dự tính của phạm vi nghiên cứu và dựa trên khung nghiên cứu này để đưa ra các câu hỏi cụ thể. Thông thường các nhân tố sau khi được nhóm phải nhỏ hơn số biến ban đầu. Ngoài ra, cần chú ý các nhân tố được rút ra sau khi phân tích phải thỏa mãn tiêu chuẩn của Kaiser, tức là hệ số Eigenvalue phải ít nhất ≥ 1 ; đồng thời cũng được dựa vào tổng phương sai tích lũy giữa hai nhân tố (hệ số tương quan của yếu tố) phải ít nhất bằng 0,5 thì mới xem là đạt yêu cầu và đây chính là điểm ngưỡng để loại bỏ các câu hỏi khác trong quá trình phân tích nhân tố.

Bảng 2.10. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước tỉnh TT

Huế

TT	Chỉ tiêu	Nhân tố (Component)				
		F1	F2	F3	F4	F5
1	Cán bộ kiểm soát chi tuân thủ đúng quy trình khi kiểm soát chi vốn đầu tư	0,897				
2	Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn CĐT hoàn thành thủ tục thanh toán vốn đúng quy định	0,877				
3	Cán bộ giải thích rõ ràng khi có sai sót về hồ sơ, thủ tục	0,845				
4	Thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi dự án đã có đủ điều kiện và đúng quy định	0,790				
5	Cán bộ Kiểm soát chi có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ tốt	0,726				
6	Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật được công khai, minh bạch		0,982			
7	Các văn bản, quy định về kiểm soát chi rõ ràng, phù hợp với thực tế		0,971			
8	Các mẫu biểu, chứng từ, báo cáo ít thay đổi, đồng bộ và dễ thực hiện		0,922			
9	Nội dung hệ thống văn bản pháp quy chi tiết, dễ hiểu		0,909			
10	Chủ đầu tư chấp hành đúng chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư, tình hình sử dụng vốn			0,835		
11	Chủ đầu tư tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý sử dụng vốn tạm ứng đúng mục			0,803		

TT	Chỉ tiêu	Nhân tố (Component)				
		F1	F2	F3	F4	F5
	đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định					
12	Chủ đầu tư có trình độ, năng lực chuyên môn			0,766		
13	Chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán nhanh chóng, đúng quy định			0,683		
14	Trình tự tổ chức thực hiện các công việc một cách chặt chẽ				0,763	
15	Quy trình thủ tục, hồ sơ, thời gian kiểm soát được công khai, minh bạch				0,763	
16	Thời gian xử lý hồ sơ đúng quy định, hợp lý, tiết kiệm				0,686	
17	Thành phần các loại tài liệu, hồ sơ chứng từ đề nghị kiểm soát tương đối đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu				0,594	
18	Quy trình kiểm soát chi hợp lý, thống nhất				0,596	
19	Cơ chế tạm ứng, thu hồi tạm ứng hợp lý				0,511	
20	Máy móc trang thiết bị tại kho bạc đầy đủ hiện đại đủ điều kiện tổ chức TABMIS					0,822
21	TABMIS góp phần giúp cán bộ kiểm soát chi kiểm soát được nguồn vốn dễ dàng hơn					0,724
22	Hệ thống cam kết chi trong kiểm soát chi hiệu quả					0,515
Giá trị Eigen Value		6,857	3,426	2,674	1,557	1,149

TT	Chỉ tiêu	Nhân tố (Component)				
		F1	F2	F3	F4	F5
	Mức độ giải thích của nhân tố (%)	31,17	15,57	12,15	7,08	5,22
	Mức độ giải thích tích lũy (%)	31,17	46,74	58,89	65,97	71,19

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với SPSS)

Trang 64
 Tạp chí Kinh tế và Dự báo

Kết quả phân nhân tố ở bảng 2.11 cho thấy, có 5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước TT Huế thông qua đánh giá của các Cán bộ Kho bạc và các Chủ đầu tư. Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy Phương sai tổng hợp (Eigen value) của 5 nhân tố thỏa mãn điều kiện lớn hơn 1, đồng thời hệ số tin cậy (Reliability) được tính cho các nhân tố (factor) mới cũng thỏa mãn yêu cầu lớn hơn 0,5. Các nhân tố mới đều được đặt tên theo đúng như thang đo trong Mô hình nghiên cứu tác giả đã đưa ra tại chương 1, cụ thể là:

- **Nhân tố thứ nhất (F1):** Giá trị Eigenvalue bằng 6,857. Nhân tố này gồm 5 biến điều tra (Item) trong bảng hỏi: Cán bộ Kiểm soát chi có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ tốt; Cán bộ giải thích rõ ràng khi có sai sót về hồ sơ, thủ tục; Thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi dự án đã có đủ điều kiện và đúng quy định; Cán bộ kiểm soát chi tuân thủ đúng quy trình khi kiểm soát chi vốn đầu tư; Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn CĐT hoàn thành thủ tục thanh toán vốn đúng quy định. Với các biến điều tra đó, Nhân tố này được đặt tên là **Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi**. Hệ số tương quan nội tại giữa các Item trong nhân tố thứ nhất này rất lớn. Đây là nhân tố được các CB Kho bạc và các Chủ đầu tư đánh giá cao nhất và giải thích được 31,17 % chất lượng công tác Kiểm soát chi. Kết quả phân tích này chứng minh rằng đây là nhân tố quan trọng nhất mà Kho bạc cần chú trọng trong việc hoàn thiện công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước TT Huế.

- **Nhân tố thứ hai (F2):** Có giá trị Eigenvalue là 3,426 cho thấy các Item có mối tương quan nội tại đảm bảo ý nghĩa thống kê và cho phép sử dụng để thực hiện phân tích. Nhân tố này gồm 4 Item: Các văn bản, quy định về kiểm soát chi rõ ràng, phù hợp với thực tế; Nội dung hệ thống văn bản pháp quy chi tiết, dễ hiểu; Các mẫu biểu, chứng từ, báo cáo ít thay đổi, đồng bộ và dễ thực hiện; Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật được công khai, minh bạch. Với các yếu tố đó, nhân tố này được đặt tên là **Cơ chế chính sách**. Đây là nhân tố quan trọng thứ hai được đánh giá cao trong công tác Kiểm soát chi, giải thích được 15,57 %.

- **Nhân tố thứ ba (F3)**: Có giá trị Eigenvalue là 2,674 cho phép kết luận rằng các Item cấu thành nhân tố này có mối tương quan nội tại và có ý nghĩa thống kê cho phép sử dụng để phân tích. Nhân tố này gồm 4 Item: Chủ đầu tư có trình độ, năng lực chuyên môn; Chủ đầu tư chấp hành đúng chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư, tình hình sử dụng vốn; Chủ đầu tư tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định; Chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán nhanh chóng, đúng quy định. Với các yếu tố đó, nhân tố này được đặt tên là **Năng lực, trách nhiệm của Chủ đầu tư**. Nhân tố này được các đối tượng điều tra đánh giá quan trọng thứ 3 và đóng góp 12,15%.

- **Nhân tố thứ tư (F4)**: Có giá trị Eigenvalue là 1,557 cho thấy các Item có tương quan nội tại với nhau khá cao. Nhân tố này gồm 6 Item: Quy trình kiểm soát chi hợp lý, thống nhất; Thành phần các loại tài liệu, hồ sơ chứng từ đề nghị kiểm soát tương đối đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu; Thời gian xử lý hồ sơ đúng quy định, hợp lý, tiết kiệm; Trình tự tổ chức thực hiện các công việc một cách chặt chẽ; Quy trình thủ tục, hồ sơ, thời gian kiểm soát được công khai, minh bạch; Cơ chế tạm ứng, thu hồi tạm ứng hợp lý. Với các yếu tố đó, nhân tố này được đặt tên là **Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ**. Đây là nhân tố được các đối tượng được phỏng vấn đánh giá quan trọng thứ 4 và giải thích được 7,08 % chất lượng công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc nhà nước TT Huế.

- **Nhân tố thứ năm (F5)**: Có giá trị Eigenvalue là 1,149 cho thấy các Item có tương quan nội tại với nhau khá cao. Nhân tố này gồm 3 Item: Máy móc, trang thiết bị tại Kho bạc đầy đủ, hiện đại đủ điều kiện tổ chức TABMIS trong kiểm soát chi; Hệ thống cam kết chi trong kiểm soát chi hiệu quả; TABMIS góp phần giúp cán bộ kiểm soát chi kiểm soát được nguồn vốn dễ dàng hơn. Với các yếu tố đó, nhân tố này được đặt tên là **Ứng dụng hệ thống TABMIS**. Đây là nhân tố mới, cũng được các đối tượng được phỏng vấn đánh giá quan trọng cuối cùng được 5,22 % công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc nhà nước TT Huế.

Ngoài ra, do tổng phương sai rút trích của tất cả các nhân tố đưa vào phân tích bằng **71,19 %** lớn hơn tiêu chuẩn 50% cho thấy sự phù hợp của phân tích nhân tố

đối với tập hợp các biến nghiên cứu.

* Mô hình hồi quy các nhân tố đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB từ NSNN qua Kho bạc nhà nước tỉnh TT Huế

Trên cơ sở các nhân tố hội tụ, tác giả tiến hành phân tích hồi quy nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB từ NSNN qua Kho bạc nhà nước TT Huế

Mô hình nghiên cứu được biểu diễn dưới dạng phương trình hồi quy tuyến tính đa biến như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 F1 + \beta_2 F2 + \beta_3 F3 + \beta_4 F4 + \beta_5 F5 + e$$

Trong đó:

Y: Công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB từ NSNN qua Kho bạc nhà nước tỉnh TT Huế

F1: Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi

F2: Cơ chế chính sách

F3: Năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư

F4: Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ

F5: ứng dụng hệ thống TABMIS

β_i : Hệ số hồi quy riêng từng phân tương ứng với các biến độc lập F_i

e: Sai số của mô hình

Bảng 2.11: Kết quả phân tích hồi quy đa biến các nhân tố

Các biến phân tích	Unstandardized		Standardize	T	Sig.	Collinearity Statistics (VIF)
	Coefficients		d			
	B	Std. Error	Beta			
(Constant)	0,948	0,282		3,365	0,001	
F1 - Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi	0,140	0,059	0,080	2,366	0,019	1,336
F2 - Cơ chế chính sách	0,075	0,043	0,140	1,794	0,002	1,120
F3 - Năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư	0,688	0,062	0,617	11,169	0,000	1,619
F4 - Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ	0,241	0,075	0,173	3,227	0,002	1,526
F5 - Ứng dụng hệ thống TABMIS	0,148	0,063	0,123	2,340	0,021	1,467
<i>Durbin – Watson</i>	2,113					
<i>R bình phương điều chỉnh</i>	0,720					
<i>F-Test</i>	77,443					
<i>Sig</i>	0,000					

*(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với SPSS)***Kết quả phân tích hồi quy cho thấy:**

Kết quả kiểm định các biến độc lập: Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi; Cơ chế chính sách; Năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư; Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ; Ứng dụng hệ thống TABMIS đều có giá trị Sig < 0,05 cho thấy các biến đưa vào đều có ý nghĩa về mặt thống kê với độ tin cậy 95% và có mối quan hệ tác động lên biến phụ thuộc – Chất lượng công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước TT Huế. Điều đó có nghĩa là các biến độc lập trên đều tác động đến biến phụ thuộc.

- Hệ số xác định bội R^2 bình phương điều chỉnh trong mô hình này là 0,720 (tương ứng với 72 %) thể hiện sự phù hợp của mô hình với tổng thể. Điều này nói lên độ thích hợp của mô hình là 72 % hay nói một cách khác là 72 % sự biến thiên của biến phụ thuộc được giải thích chung bởi các biến độc lập trong mô hình.

Tất cả các biến đều có mức ý nghĩa $\text{Sig} < 0,05$ với hệ số tương quan rất cao ($R = 0,854$), thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc. Vì vậy, hàm hồi quy trên có thể sử dụng được (có sự phù hợp của hàm hồi quy).

Giả định về tính độc lập của phần dư, ta dùng đại lượng thống kê Durbin-Watson để kiểm định, d có giá trị từ 0 đến 4, giá trị d của mô hình hồi quy trên là 2,113 tiến gần tới 2. Như vậy có thể khẳng định về tính độc lập của phần dư, không có hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất xảy ra.

Tại bảng phân tích hồi quy về các nhân tố ảnh hưởng đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước TT Huế được trình bày trong bảng 2.11, hệ số phóng đại phương sai VIF (Variance inflation factor - VIF) của các thành phần trong mô hình rất nhỏ < 2 . Tất cả những điều này cho thấy về cơ bản các biến độc lập này không có quan hệ tương quan chặt chẽ với nhau nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Hay nói cách khác, hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập không ảnh hưởng đến kết quả giải thích của mô hình hồi quy.

$$Y = 0,984 + 0,140 F_1 + 0,075 F_2 + 0,688 F_3 + 0,241 F_4 + 0,148 F_5$$

Theo phương trình hồi quy này, có 5 nhân tố có mối quan hệ tuyến tính với công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước TT Huế với mức ý nghĩa $\text{Sig} < 0,05$. Tất cả đều có tác động dương, phản ánh tỷ lệ thuận đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước TT Huế. Qua phân tích hồi quy đa biến cho thấy mô hình xây dựng phù hợp với dữ liệu thu được và kết quả ban đầu cho thấy các thành phần đo lường trên đều có mức ý nghĩa $\text{Sig} < 0,05$ nên có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy là 95%. Vì thế, chúng ảnh hưởng đáng kể đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc tỉnh TT Huế.

Từ kết quả mô hình hồi quy tuyến tính cho thấy, hệ số hồi quy của các biến độc lập theo mức độ từ quan trọng đến ít quan trọng: F_3 (*Năng lực, trách nhiệm*

của chủ đầu tư), F4 (*Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ*), F5 (*Ứng dụng hệ thống TABMIS*), F1 (*Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi*) và F2 (*Cơ chế chính sách*).

- F3 (Năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư): Hệ số hồi quy của nhân tố F3 trong mô hình hồi quy bằng 0,688 với mức ý nghĩa $< 0,05$ cho thấy nhân tố F3 có ảnh hưởng rất mạnh đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc. Trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,68 % và ngược lại. Điều này là phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, bởi vì nếu các chủ đầu tư có năng lực và trách nhiệm thì khi làm các hồ sơ, thủ tục sẽ tuân thủ đúng quy định, tránh được các sai phạm dẫn đến việc kiểm soát hồ sơ nhanh và hiệu quả hơn.

- F4 (Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ): Hệ số hồi quy của nhân tố F4 trong mô hình hồi quy bằng 0,241 có ý nghĩa ở mức $< 0,05$ cho thấy, trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,241% và ngược lại.

- F5 (Ứng dụng hệ thống TABMIS): Hệ số hồi quy của nhân tố F5 trong mô hình hồi quy bằng 0,148 với mức ý nghĩa $< 0,05$. Trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,148 % và ngược lại. Qua nghiên cứu thực tế cho thấy, một trong những yếu tố quan trọng việc Kiểm soát chi đó là ứng dụng hệ thống thông tin TABMIS tin trong quá trình quản lý, theo dõi và nó giúp các cán bộ thuận lợi hơn trong khâu xử lý. Qua đó, hiệu quả của công tác kiểm soát chi sẽ được nâng cao hơn.

- F1 (Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi): Với hệ số hồi quy của nhân tố F1 trong mô hình là 0,140 cho thấy, trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,140 % và ngược lại.

- F2 (Cơ chế chính sách): Với hệ số hồi quy của nhân tố F2 trong mô hình là

0,075 cho thấy, trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,075 % và ngược lại.

Qua việc phân tích ý nghĩa của các nhân tố trong phương trình hồi quy ảnh hưởng đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB từ NSNN tại Kho bạc TT Huế ta thấy tất cả các nhân tố trong mô hình về mặt lý thuyết đều có tác động tích cực đến công tác kiểm soát chi. Tuy nhiên, mức độ tác động cũng như ý nghĩa của từng nhân tố đến công tác kiểm soát chi có sự khác nhau. Ba nhân tố có tác động mạnh nhất là F3 (Năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư), F4 (Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ), và F5 (Ứng dụng hệ thống TABMIS) cũng khá quan trọng trong công tác kiểm soát chi.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC TT HUẾ

2.4.1. Kết quả đạt được

Trong thời gian nghiên cứu và khảo sát về quy trình Kiểm soát chi đầu tư XD CB tại KBNN Thừa Thiên Huế tác giả nhận thấy quy trình Kiểm soát chi có những mặt đạt được sau:

+ Thứ nhất, hệ thống TABMIS đã bước đầu tham gia vào quá trình kiểm soát chi đầu tư XD CB từ khâu nhập dự toán trực tiếp từ cơ quan tài chính đến khâu kiểm tra kiểm soát dự toán và trao đổi thông tin giữa các đơn vị KBNN và các cơ quan tài chính. Đặc biệt phân hệ CKC đã bắt đầu ngăn chặn được việc thực hiện thanh toán cho các hồ sơ sai quy định.

+ Thứ hai, công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra kiểm soát chi đầu tư qua kho bạc nhà nước tỉnh đạt hiệu quả tương đối cao.

Trong giai đoạn vừa qua, công tác kiểm soát vốn đầu tư XD CB tại KBNN Thừa Thiên Huế không ngừng được cải tiến và hoàn thiện. Hồ sơ thanh toán cũng dần được đơn giản hóa một số nội dung như: Chủ đầu tư không phải gửi kèm bảo lãnh thực hiện hợp đồng, đồng thời vốn tạm ứng cũng được mở rộng cho nhiều đối tượng hơn...

Công tác thực hiện kiểm tra, kiểm soát đạt hiệu quả và thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc các điều khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản đã góp phần tích cực trong thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản vì trước khi xuất ra khỏi quỹ Ngân sách nhà nước, các khoản chi đều được kiểm tra kiểm soát, xác định chính xác số được thanh toán. Đồng thời qua đó cùng với các cấp, các ngành tạo lập, củng cố trật tự, kỷ cương trong việc chấp hành chế độ quy định trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản. Kết quả trong thời gian 2013-2015 Kho bạc nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế đã phát hiện và từ chối thanh toán nhiều trường hợp chi không đúng chế độ, sai định mức, đơn giá, nhiều khối lượng không có trong dự toán, giá trúng thầu được duyệt.

+ Thứ ba, đội ngũ cán bộ công tác kiểm soát chi tại kho bạc nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế có trình độ chuyên môn và không ngừng được nâng cao.

Để không ngừng nâng cao chất lượng công tác kiểm soát chi đầu tư XD CB, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao đòi hỏi từng cán bộ làm công tác kiểm soát phải đáp ứng được trình độ chuyên môn và không ngừng học tập, nâng cao trình độ nghiệp vụ, cập nhật kiến thức, chế độ mới. Nhận thực được điều này, trong những năm qua, KBNN Thừa Thiên Huế thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn nghiệp vụ như tổ chức tập huấn cho cán bộ là lãnh đạo, tập huấn cho 100% cán bộ làm công tác kiểm soát chi đầu XD CB. Lãnh đạo KBNN chỉ đạo thường xuyên tổ chức học tập, nghiên cứu chế độ mới liên quan tới chế độ quản lý đầu tư, xây dựng.

Bên cạnh đó KBNN TT Huế còn có chính sách ưu tiên, động viên và hỗ trợ cán bộ tham gia đào tạo sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Thứ tư, công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua kho bạc nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế trong những năm gần đây có tính công bằng và minh bạch cao.

+ Thứ năm, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật của kho bạc nhà nước tỉnh đã được đầu tư nâng cấp hiện đại phù hợp với yêu cầu của công tác kiểm tra, kiểm soát chi đầu tư XD CB

Trong thời gian qua, kho bạc nhà nước tỉnh TT Huế đã chú trọng hơn trong việc nâng cấp cơ sở hạ tầng tạo môi trường làm việc hiện đại an toàn cho đội ngũ cán bộ yên tâm hoàn thành nhiệm vụ nói chung và nhiệm vụ kiểm tra chi ĐTXDCB nói riêng.

Môi trường hoạt động của các thiết bị tin học tại KBNN Thừa Thiên Huế tương đối đảm bảo, nguồn điện lưới ổn định, thiết bị được bố trí hợp lý. Phòng máy chủ tỉnh có hệ thống nguồn tập trung hoạt động ổn định, hệ thống tủ RACK, cáp nguồn, cáp mạng được bố trí gọn gàng thuận tiện cho việc kiểm tra, xử lý kỹ thuật, đảm bảo môi trường làm việc cho máy chủ cũng như công tác bảo mật. Công tác bảo dưỡng thiết bị trên địa bàn tỉnh được thực hiện định kỳ mỗi năm một lần và do cán bộ phòng Tin học thực hiện.

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

*** Hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm tra kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế còn nhiều hạn chế như sau:

+ Thứ nhất, Hệ thống TABMIS chưa thực sự giúp ích nhiều trong công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB, nguyên nhân là do hoạt động đầu tư XDCB là lĩnh vực rất phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, việc quản lý gặp rất nhiều khó khăn. Tiêu chuẩn định mức của mỗi dự án là khác nhau, hơn nữa việc quản lý hoạt động đầu tư XDCB và kiểm soát vốn đầu tư XDCB được quy định trong rất nhiều các quyết định, thông tư, nghị định khác nhau đơn cử như chỉ riêng thông tư 08/2016/TT-BTC có đến hai công văn sửa đổi kèm theo. Phân hệ quản lý CKC thực tế được thực hiện sau khi có sự kiểm soát của cán bộ Kiểm soát chi mới đưa hồ sơ vào hệ thống. Do đó hệ thống TABMIS chưa đủ khả năng để xử lý và theo dõi các dự án chi đầu tư XDCB riêng biệt.

+ Thứ hai, quy trình thủ tục của công tác kiểm tra, kiểm soát chi đầu tư XDCB còn phức tạp, rườm rà gây khó khăn và mất thời gian, chi phí của các bên liên quan trực tiếp đến dự án. Một bộ hồ sơ kiểm soát luân chuyển từ cán bộ kiểm soát chi sang trưởng phòng rồi lại về cán bộ kiểm soát chi rồi lại trình lên lãnh đạo. Quá

trình tương tự lại tiếp tục lặp lại ở phòng kế toán do đó quy trình kiểm soát chi đầu tư XDCB hiện nay phải qua đến 6 bước.

+ Thứ ba, thực tế quy trình kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản tại KBNN vẫn còn thực hiện theo phương thức thủ công là chủ đạo, cán bộ kiểm soát chi phải đối chiếu từng mẫu chứng từ với các thông tư, nghị định, định mức, rồi mới tiến hành kiểm soát. Điều này không những mất nhiều thời gian từ khi chủ đầu tư gửi hồ sơ đến khi được thanh toán mà còn có thể còn phát sinh tiêu cực những nhiễu trong quá trình kiểm tra kiểm soát

+ Thứ tư, định mức, đơn giá trong xây dựng cơ bản tại tỉnh Thừa Thiên Huế còn thiếu, chưa đồng bộ chưa theo kịp đổi mới của công nghệ xây dựng, hệ thống đơn giá xây dựng theo khu vực còn mang tính bình quân chưa gắn với vị trí xây dựng và đặc điểm riêng biệt của sản phẩm xây dựng, chưa gắn với thực tế giá cả thị trường làm cho Chủ đầu tư thiếu cơ sở trong việc lựa chọn, vận dụng các định mức, đơn giá phù hợp với đặc thù của dự án do mình quản lý. Từ đó thời gian cũng như chất lượng của công tác lập dự toán công trình bị ảnh hưởng kéo theo hiệu quả công tác kiểm soát, thanh toán của Kho bạc tỉnh Thừa Thiên Huế cũng bị ảnh hưởng.

*** Nguyên nhân của hạn chế**

Công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB tại kho bạc nhà nước TT Huế còn nhiều hạn chế trên do các nguyên nhân sau:

+ Quản lý, kiểm soát chi đầu tư từ vốn ngân sách còn nhiều bất cập, trong quản lý chưa có một hệ thống tiêu chuẩn, định mức đồng bộ, quy trình thanh toán với nhà thầu còn chưa phù hợp nên quyết định xử lý còn mang tính chất chủ quan. Về cấp NSNN còn rườm rà, khó quản lý, nhiều kênh cấp kinh phí cho một đối tượng, một mục đích, gây khó khăn cho công tác quản lý và xác định hiệu quả.

+ Nội dung chi đầu tư XDCB phong phú và đa dạng do đó công tác kiểm soát chi đầu tư qua KBNN là hết sức khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải có cơ chế chính sách quản lý phù hợp để có sự hài hòa giữa cơ quan làm nhiệm vụ kiểm soát chi và cơ quan hưởng thụ NSNN đều phải thực hiện nghiêm túc Luật NSNN, XDCB và chế độ Tài chính hiện hành.

+ Đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB tại KBNN TT Huế còn thiếu về số lượng, hạn chế về kinh nghiệm. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho chất lượng công tác kiểm soát, kiểm tra chi đầu tư trong thời gian qua chưa cao.

+ Công tác kiểm tra sau thanh toán, công tác kiểm tra Chủ đầu tư, hiện trường dự án còn chưa thường xuyên. Công tác ứng dụng thông tin TABMIS trong kiểm soát thanh toán vốn đầu tư còn chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý, còn chậm đổi mới, nhiều nội dung, chỉ tiêu không phù hợp với quy trình hiện hành, Những nguyên nhân này cũng làm giảm hiệu quả công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB tại kho bạc nhà nước TT Huế.

Tr
ng

Thị C Kinh t

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ

3.1. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU

3.1.1. Định hướng mục tiêu chung của kho bạc nhà nước

Thứ nhất, về thể chế, chính sách: các văn bản chế độ quy định về quản lý, kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB phải tiếp tục được nghiên cứu để ban hành đầy đủ, đồng bộ, mang tính nhất quán xuyên suốt và ổn định lâu dài, có tính khả thi cao.

Thứ hai, sau khi xây dựng đồng bộ thống nhất các văn bản quy định thì hướng đến xây dựng TABMIS thành một hệ thống gần như có thể tự động Kiểm soát chi, và khi đó những cán bộ kiểm soát chi chỉ có nhiệm vụ theo dõi hệ thống và chỉ thâm nhập chỉnh sửa vào một số phần hành còn vướng mắc.

Thứ ba, Cán bộ kiểm soát chi phải được tiêu chuẩn hóa, được đào tạo đúng ngành nghề đã được đào tạo, làm việc có kiến thức quản lý kinh tế, vừa nắm chắc chế độ quản lý đầu tư XDCB, đồng thời là người có đức tính liêm khiết, trung thực có phong cách giao tiếp, văn minh, lịch sự.

Thứ tư, Về cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc phải được tăng cường, bổ sung cho đầy đủ, đáp ứng yêu cầu kiểm soát chi trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hiện đại hóa công nghệ thanh toán, truyền tin, đảm bảo lưu trữ thông tin và xử lý thông tin nhanh chóng, chính xác và mang tính thời đại, không bị lạc hậu. Những thiết bị tin học, những chương trình quản lý chuyên ngành là điều kiện, là phương tiện quan trọng đảm bảo cho công tác kiểm soát chi hữu hiệu và nhanh chóng.

Thứ năm, đảm bảo các khoản chi tiêu đúng đối tượng, đúng nội dung của dự án đã được phê duyệt, góp phần chống lãng phí, thất thoát trong công tác quản lý, chi đầu tư XDCB, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

3.1.2. Định hướng mục tiêu của kho bạc nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế

Với vai trò của công tác kiểm soát chi đối với hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, có thể thấy rằng, việc hoàn thiện công tác này là hết sức quan trọng trong

việc đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ phát triển hạ tầng, đầu tư xây dựng cơ bản mà tỉnh đã lên kế hoạch đến năm 2020. Song song với việc lên kế hoạch cho các dự án, KBNN tỉnh cũng triển khai các công việc chuẩn bị nguồn lực để có thể đáp ứng được công tác kiểm soát chi. Một trong những hoạt động quan trọng đó là hoàn thiện công tác kiểm soát chi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong những năm tới. Cơ chế quản lý và kiểm soát chi NSNN phục vụ đầu tư xây dựng cơ bản nhất thiết phải được hoàn thiện, nâng cao chất lượng đạt được các mục tiêu cơ bản sau đây:

- Hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ mọi khoản chi, đúng đối tượng, đúng nội dung của dự án đã được phê duyệt.

- Hoàn thiện về cơ chế chính sách và quy trình nghiệp vụ trong công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN theo hướng đơn giản, hiện đại, công khai, minh bạch.

- Hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB phải bảo đảm tính đồng bộ và nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội.

- Hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB trong điều kiện hội nhập và mở cửa phải bảo đảm phù hợp với điều kiện trong nước, vừa phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB phải theo hướng hiện đại, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính của nhà nước.

- Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN chi tiết cho từng loại nguồn vốn đầu tư phù hợp với chương trình quản lý vốn đầu tư XDCB trong hệ thống TABMIS, hướng đến xây dựng hệ thống TABMIS có thể thực hiện kiểm soát tự động hoàn toàn trong một tương lai gần.

3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua kho bạc nhà nước tỉnh TT Huế

3.2.1. Hoàn thiện mô hình tổ chức phân cấp và phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN.

Để đảm bảo thực hiện thống nhất Quy trình kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN, nên quy định tại các đơn vị KBNN Huyện, thành phố chỉ nên thành lập 01

phòng, bộ phận làm nhiệm vụ kiểm soát chi đầu tư ngân sách tập trung và vốn chương trình mục tiêu.

Việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ, cần xem xét trên góc độ toàn hệ thống, xây dựng các tiêu chí để phân cấp thống nhất theo hướng:

- Dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách cấp Trung ương và tỉnh thì giao cho KBNN tỉnh kiểm soát chi.

- Dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách cấp huyện, thành phố, xã thì giao cho KBNN cấp huyện, thành phố kiểm soát chi.

- Dự án hỗn hợp nhiều nguồn vốn thì phần nguồn vốn ngân sách cấp nào chiếm tỷ trọng lớn thì KBNN cấp đó kiểm soát chi.

- Đối với các dự án vốn ngoài nước (ODA) có tiểu dự án, được phân cấp cho KBNN cấp huyện, thành phố thực hiện kiểm soát chi nếu nhà tài trợ có yêu cầu. Ngoài ra tùy theo trình độ cán bộ, khối lượng công việc, KBNN cấp tỉnh có thể phân cấp cho KBNN cấp huyện quản lý các công trình nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách cấp tỉnh tùy điều kiện cụ thể của từng KBNN và của từng dự án

Mặc dù phân cấp quản lý nhưng tất cả các khâu các bộ phận đều phải phối hợp chặt chẽ với nhau theo hướng:

Tăng cường phối hợp giữa các khâu, bộ phận trong hệ thống và coi trọng phối hợp với ngoài hệ thống Kho bạc. Để kiểm soát tốt vốn đầu tư NSNN, đây là một vấn đề quan trọng vì một dự án đầu tư nào cũng qua rất nhiều khâu quản lý. Qua KBNN được coi là một khâu lớn, trong đó lại có nhiều tác nghiệp nhỏ. Muốn có được sự thống nhất cao phải có sự rõ ràng trong phân công nhiệm vụ và chặt chẽ, hợp lý trong phối hợp, điều hành. Biện pháp này yêu cầu cán bộ kiểm soát chi đầu tư phải hiểu quy trình, vị trí của công việc mình đang làm lại vừa phải có ý thức trách nhiệm cao. Vì vậy để đạt mục tiêu, yêu cầu phối hợp cần phải:

- Nhận dạng nguồn gốc và tính chất vốn đầu tư XD CB để có phương pháp kiểm soát thanh toán thích hợp (hồ sơ chứng từ như thế nào, luân chuyển chứng từ qua những bộ phận nào, nghiệp vụ quản lý như thế nào...).

- Xây dựng quy chế phân công phối hợp chi tiết cụ thể, chặt chẽ theo quy trình quản lý vốn, khách quan, khoa học, thuận tiện.

- Triển khai chương trình hành động theo một kế hoạch công tác chung của đơn vị, có phân chia thời gian và phân việc cho từng bộ phận, từng người theo một quy trình nghiêm ngặt.

Đối với phối hợp ngoài ngành, cầu nối quan trọng nhất là trao đổi thông tin bao gồm các thông tin yêu cầu chỉ đạo, phối hợp của các ngành, các cấp và thông tin thực hiện của KBNN. Giải pháp này yêu cầu KBNN phải nâng cao chất lượng thông tin với độ chính xác và tính kịp thời cao. Do vậy, phải hiện đại hoá chương trình kiểm soát chi đầu tư của KBNN và triển khai tốt dự án thông tin quản lý dữ liệu ngân sách và Kho bạc mà Bộ Tài chính và KBNN đang triển khai. Do vấn đề kiểm soát chi đầu tư có nhiều phức tạp nên các thông tin cần được cập nhật và xử lý kịp thời những thắc mắc. Đối với vốn đầu tư XD CB từ NSNN các cơ quan liên quan như cơ quan Kế hoạch đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Kho bạc cần phải giao ban hàng tháng để giải quyết các vấn đề mới phát sinh.

Một kênh phối hợp quan trọng góp phần kiểm soát tốt vốn đầu tư XD CB từ NSNN là quan hệ với chủ đầu tư, chủ đầu tư vừa với tư cách là đối tượng quản lý thanh toán vốn, vừa là khách hàng được phục vụ nên luôn đặt ra nhiều yêu cầu về phối hợp. Biện pháp tăng cường là phải thường xuyên cập nhật chế độ, chính sách (tập huấn, công văn, hướng dẫn...) cho chủ đầu tư để họ thực hiện đúng. Mặt khác, yêu cầu chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và làm tốt các hồ sơ thanh toán. Ngược lại, chủ đầu tư có quyền yêu cầu Kho bạc về chất lượng phục vụ, đánh giá cụ thể các tác nghiệp và ứng xử của KBNN nơi mình giao dịch. Đây là mối quan hệ biện chứng cần phát huy để đạt được sự hoàn thiện trong kiểm soát vốn đầu tư XD CB từ NSNN.

3.2.2. Nâng cao năng lực, chất lượng của đội ngũ cán bộ.

Nâng cao chất lượng cán bộ để đảm bảo kiểm soát thanh toán chính xác, an toàn, tiết kiệm chi cho NSNN. Xử lý những tồn đọng khách quan như tính thời vụ trong thanh toán vốn đầu tư hàng năm. Xử lý nhanh và chính xác trong báo cáo, hạch toán kế toán, thông tin điều hành ngân sách bằng các biện pháp tổng hợp như chấm điểm nghiệp vụ hàng tháng (gắn với thi đua và khuyến khích vật chất thu nhập); xây dựng phong trào thi đua gắn với chất lượng chuyên môn với công tác

đoàn thể; tổ chức thi đua nghiệp vụ hàng năm sau mỗi kỳ tập huấn; tổ chức viết báo cáo sang kiến kinh nghiệm và báo cáo chuyên đề công tác hàng năm. Một số công việc mà KBNN TT Huế có thể triển khai trong thời gian tới là:

- Xây dựng các chương trình nghiệp vụ có gắn với đầu tư về kinh phí, cơ sở vật chất (nhất là hiện đại hoá công nghệ thông tin), tổ chức về con người hợp lý. Sử dụng cán bộ trẻ và có năng lực trình độ cho những vị trí điều hành quản lý nghiệp vụ. Khuyến khích hoạt động tự học tập nâng cao trình độ cho cán bộ thông qua các khoản kinh phí hỗ trợ đào tạo theo quy định của Nhà nước. Các bậc học trên Đại học sẽ được ưu tiên hơn so với các cấp học khác, vì đây là nguồn nhân sự có trình độ cao phục vụ được các yêu cầu trong hoạt động kiểm soát chi NSNN trong những năm tới.

- Thường xuyên mở các lớp đào tạo ngắn hạn, đào tạo chuyên ngành, tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng cập nhật kiến thức mới, đối với đội ngũ cán bộ kiểm soát chi nói riêng và toàn bộ cán bộ của kho bạc nói chung. Gắn các nội dung đào tạo với yêu cầu về nguồn nhân lực trên thực tế của lĩnh vực công, trang bị cho cán bộ các kiến thức về pháp luật, kinh tế, bên cạnh các kiến thức về văn bản, quy định của Nhà nước đối với hoạt động kiểm soát.

- Thực hiện chế độ thi đua khen thưởng nghiêm minh, tăng cường động viên, khuyến khích cán bộ tâm huyết với công việc và hoạt động có hiệu quả. Thực hiện hoạt động thi tuyển công chức đảm bảo tính công bằng, lựa chọn ra được cán bộ có năng lực thực sự để thực hiện nhiệm vụ ngày càng khó khăn phức tạp trong hoạt động kiểm soát chi. Thực hiện tốt cơ chế luân chuyển, điều động cán bộ trẻ, các bộ phận có liên quan đến hoạt động kiểm soát cần thực hiện luân chuyển hàng năm đối với các cán bộ, để mỗi cán bộ đều nắm được nghiệp vụ tại các khâu khác nhau của hoạt động kiểm soát, qua đó hoàn thiện kỹ năng công việc.

- Xây dựng chế độ lương và chính sách thu thập hợp lý để thu hút cán bộ trẻ, có trình độ và năng lực cũng như lưu giữ cán bộ có tài, tránh tình trạng chảy máu chất xám. KBNN thành phố Huế cần đề nghị chính quyền tỉnh cung cấp thêm các biện pháp hỗ trợ đối với các cán bộ của KB, cụ thể là các hỗ trợ về nơi cư trú, hỗ trợ về chế độ trợ cấp, phúc lợi dành cho thân nhân cán bộ trong những hoàn cảnh khó khăn.

- Một nội dung đào tạo cũng cần phải quan tâm để hoàn thiện chất lượng nhân sự của KBNN là việc đào tạo kiến thức tin học, máy tính, sử dụng phần mềm. Các lớp đào tạo này hoàn toàn có thể được thực hiện tại chỗ và ngay trong quá trình làm việc của nhân viên KBNN, vì có thể sử dụng đội ngũ cán bộ CNTT tại chỗ đến tư vấn, hướng dẫn các kiến thức này cho cán bộ KBNN tại vị trí làm việc, làm mẫu và thực hành tại chỗ sẽ giúp họ ghi nhớ và nắm bắt tốt hơn đối với các thao tác trên phần mềm, máy tính.

Bên cạnh việc đào tạo các kiến thức nghiệp vụ, KBNN thành phố Huế cũng cần chú trọng tới việc rèn luyện ý thức đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tư tưởng chính trị đối với các cán bộ. Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo về tư tưởng, về tinh thần đạo đức, lấy tấm gương của Bác Hồ trong việc rèn luyện và tu dưỡng đạo đức của người cán bộ. Về trách nhiệm, tập trung quán triệt và kiên quyết chống các hiện tượng sách nhiễu, gây phiền hà đối với khách hàng giao dịch, nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ KBNN nhằm mục đích kiểm soát chi chặt chẽ, đúng chính sách, chế độ phục vụ kịp thời nhu cầu chi tiêu của các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, giảm thất thoát, tiêu cực trong sử dụng ngân sách.

3.2.3. Hoàn thiện quy trình kiểm soát chi đầu tư XDCB

➤ **Hoàn thiện các khâu trong Quy trình kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN qua KBNN.**

Một là: hoàn thiện các khâu phân bổ kế hoạch vốn.

Hiện nay trong công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN, do nhu cầu vốn không đáp ứng đủ, mặt khác việc tính toán xác định sự cần thiết và hiệu quả của dự án chưa thật khách quan và khoa học nên khâu phân bổ vốn đầu tư XDCB rất nhạy cảm, và dễ mang tính chủ quan. Để khắc phục hạn chế này yêu cầu đặt ra với khâu này trong chế độ khá chặt chẽ song chưa thực sự hiệu lực. Từ những phân tích ở trên thì khâu này cần bảo đảm yêu cầu cao về tính công khai, minh bạch và công bằng, hiệu quả, do vậy phải tiếp tục hoàn thiện các nguyên tắc, tiêu chí và định mức theo Quyết định 210/206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Mặt khác phải kết hợp lồng ghép nhiều chương trình dự án, nhiều nguồn vốn để không trùng hoặc bỏ sót, có quan điểm rõ ràng về chống phân tán, và khắc phục chuyển kế

hoạch tràn lan. Kiên quyết xóa cơ chế bao cấp xin cho và bao cấp trách hình. Xây dựng điều kiện phân bổ vốn bằng cách xác định nguyên tắc, tiêu chí, mức phù hợp với địa phương và khả năng ngân sách. Làm tốt khâu phân bổ vốn có ý nghĩa quan trọng trong tiền đề mở đường cho sự phát triển bắt đầu từ việc xây dựng cơ sở hạ tầng và tạo sức hút đầu tư từ các nguồn vốn khác.

Hai là: Phối hợp 3 khâu chính trong kiểm soát chi đầu tư XDCCB là phân bổ kế hoạch vốn, kiểm soát thanh toán và tất toán thành một hệ thống trong quá trình quản lý vốn. Để khắc phục yếu kém hiện nay, đó là: kỷ luật về thông tin báo cáo, kỷ luật thanh toán, kỷ luật hoàn tạm ứng, kỷ luật sử dụng vốn, kỷ luật quyết toán, tất toán tài khoản đều chấp hành kém cần xem xét tác động qua lại của 3 khâu phân bổ kế hoạch - kiểm soát chi đầu tư - quyết toán, tất toán, như sau: phân bổ kế hoạch đúng tạo ra chi đầu tư nhanh, chi đầu tư nhanh và đúng chế độ tạo tiền đề cho quyết toán thanh toán nhanh gọn và ngược lại (tương tự như vậy để thống kê và phân tích các quy trình chi tiết trong các khâu lại có: việc nào trước việc nào sau, bao nhiêu hồ sơ thủ tục, bao nhiêu thời gian thụ lý, qua những bộ phận chuyên môn nào...). Đối với các dự án công trình cần có sự gắn kết của 3 khâu trên (do 3 cơ quan kế hoạch, Kho bạc Nhà nước, Tài chính thực hiện) sẽ khắc phục được yếu kém hiện tại. Đó là nếu dự án công trình thực hiện chi chậm, thừa vốn cần có sự thông tin qua lại với khâu phân bổ vốn để điều chỉnh kịp thời, nếu thực hiện chậm, nếu kém ở khâu quyết toán, sẽ không bố trí kế hoạch vốn cả năm tiếp theo, nhất là những dự án vi phạm cần có một quy chế phối hợp đề ra những yêu cầu thông tin báo cáo thường xuyên. Yêu cầu, tiêu chí và chế tài nhất định dưới sự chủ trì của ủy ban nhân dân cùng cấp để tìm nguyên nhân quy trách nhiệm kịp thời xử lý, từng vướng mắc, khó khăn, vi phạm phát sinh trong mỗi khâu cũng như cả quy trình. Không để tồn đọng quá nhiều (hoàn thành kế hoạch thấp hơn thực lực và khả năng, không quyết toán và tất toán sau hoàn thành...) sẽ khó đánh giá hiệu quả quản lý vốn đầu tư XDCCB dưới nhiều góc độ.

Ba là: Hoàn thiện khâu chi đầu tư XDCCB.

Đối với việc tạm ứng vốn cho bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Do tính chất phức tạp và yêu cầu công việc thường xuyên nhạy cảm, trong quản lý chủ đầu

tư, hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng được phép tạm ứng không hạn chế (sau khi có phương án giải phóng mặt bằng được duyệt). Tồn tại hiện nay là dư tạm ứng quá nhiều, tình hình triển khai chi trả cho đối tượng gặp khó khăn, trách nhiệm hoàn tạm ứng của chủ đầu tư không cao, quy định về nội dung quản lý còn thiếu vì vậy hướng bổ sung, hoàn thiện như sau:

- Quy định cụ thể về thời gian và trách nhiệm hoàn tạm ứng (tập hồ sơ chứng từ làm thủ tục thanh toán hoàn tạm ứng).

- Nếu quá thời hạn quy định phải báo cáo người quyết định đầu tư xin ý kiến xử lý. Giao KBNN kiểm tra nếu sử dụng sai mục đích thì thu hồi nộp NSNN.

- Kinh phí thực hiện của hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cần có cơ chế quản lý như những kinh phí khác có nguồn gốc từ NSNN.

Đổi mới việc tạm ứng vốn cho xây lắp, thiết bị: Số dư tạm ứng tại KBNN chiếm khá cao so với trước đây do tỷ lệ tạm ứng được phép của chủ đầu tư (ban quản lý) dự án không bị giới hạn trên. Do vậy cần bổ sung, hoàn thiện như sau:

- Phải yêu cầu nhà thầu nộp bảo lãnh tạm ứng vì ứng nhiều tiền của NSNN mà không có bảo đảm, đề phòng rủi ro cá nhân và tổ chức có thể xảy ra (yêu cầu đưa vào hợp đồng A-B). Hết hạn bảo lãnh mà chưa thu hồi tạm ứng hoặc gia hạn bảo lãnh tạm ứng.

- Quá hạn hoàn thành ghi trong hợp đồng mà không hoàn thành thì phải bổ sung hợp đồng và kiểm tra lại số dư tạm ứng để đôn đốc, thu hồi số đã tạm ứng cho dự án.

- Nếu không có hợp đồng bổ sung, cũng không có khối lượng để hoàn ứng thì KBNN phải có công văn nhắc nhở đôn đốc hàng tháng. Sau 3 lần (3 tháng) thì chủ đầu tư và KBNN có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền xin ý kiến chỉ đạo.

Bốn là: Hoàn thiện khâu quyết toán vốn công trình hoàn thành và tất toán tài khoản.

Do danh sách và quy mô vốn này hiện nay tồn đọng quá nhiều tiềm ẩn nguy cơ sử dụng vốn sai mục đích, hồ sơ chứng từ không hợp pháp, hợp lệ và tình trạng thất thoát đã có thể xảy ra. Vì vậy, cần bổ sung một số nội dung quản lý đồng bộ và chặt chẽ hơn. KBNN và chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp danh sách công

trình, dự án hoàn thành trong năm (theo từng tháng) cho cơ quan Tài chính và Kế hoạch đầu tư. Căn cứ vào thời gian Nhà nước quy định hoàn thành quyết toán, cơ quan Tài chính theo dõi nếu quá hạn thì làm công văn nhắc nhở mỗi tháng một lần. Sau 3 lần nhắc nhở mà chủ đầu tư không hoàn thành thì chủ đầu tư (ban quản lý dự án) và cơ quan Tài chính phải báo cáo cấp quyết định đầu tư xin ý kiến chỉ đạo.

Cả ba trường hợp trên sau khi cơ quan quản lý đơn đốc nhắc nhở cần có hướng xử lý trách nhiệm rõ ràng, nghiêm khắc theo từng mức độ sau:

- Được gia hạn thêm thời gian cụ thể nếu có khó khăn khách quan.
- Phê bình nghiêm khắc và yêu cầu chủ đầu tư thực hiện xong trách nhiệm (thu hồi tạm ứng, nộp tiền sử dụng sai vào NSNN, quyết toán) trước khi giao việc tiếp theo.
- Giảm trừ kế hoạch vốn năm tiếp theo vì không hoàn thành nhiệm vụ.

➤ **Ban hành thống nhất Quy trình kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN.**

Ban hành thống nhất Quy trình kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN bao gồm cả vốn đầu tư trong nước và ngoài nước, trên cơ sở gộp hai Quy trình về kiểm soát chi vốn đầu tư trong nước và ngoài nước như hiện nay và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Nội dung Quy trình quy định rõ đối tượng kiểm soát chi là các dự án đầu tư bằng nguồn vốn NSNN thanh toán qua hệ thống KBNN bao gồm cả vốn trong nước và vốn ngoài nước, cụ thể đối với từng loại vốn, chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư; nội dung Quy trình phải quy định cụ thể được các vấn đề như kiểm soát chi khối lượng phát sinh, kiểm soát chi đối với các dự án do xã làm chủ đầu tư, kiểm soát chi đối với các loại công việc ký kết với cá nhân hoặc nhóm người không có tư cách pháp nhân. Như vậy, sẽ đảm bảo nhất quán chỉ có một Quy trình kiểm soát chi đầu tư cho NSNN đồng thời để tra cứu, đối chiếu khi cần thiết và tiện lợi cho khách hàng khi giao dịch.

3.2.4. Nâng cao ý thức chấp hành của chủ đầu tư

Hiện nay, thực trạng về vấn đề ý thức chấp hành của các chủ đầu tư đối với các thủ tục, quy định của Nhà nước liên quan tới hoạt động chi vốn đầu tư XDCB tại các dự án của tỉnh TT Huế đang được đánh giá chưa cao. Điều này ảnh hưởng

không nhỏ tới hoạt động kiểm soát vì tốn kém nhiều thời gian, công sức trong việc kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ dự án.

- Trước hết, cần phải cung cấp, hỗ trợ chủ đầu tư về các văn bản, quy định đối với thủ tục, giấy tờ liên quan đến hồ sơ dự án thông qua việc công khai, kèm theo hướng dẫn thực hiện tại điểm tiếp nhận hồ sơ cũng như hướng dẫn bằng văn bản đến các đơn vị chủ đầu tư.

- Tiếp theo, KBNN cần có những biện pháp đánh giá về ý thức của chủ đầu tư dự án trong việc hoàn thiện thủ tục, giấy tờ. Đối với các dự án xảy ra quá nhiều sai sót, cần có biện pháp nhắc nhở đối với người chịu trách nhiệm của bên chủ đầu tư, đặc biệt, có thể đưa ra các hình thức xử lý mang tính nghiêm khắc hơn đối với các đơn vị không thể hiện ý thức tốt trong việc cải thiện hồ sơ sau nhiều lần nhắc nhở. Có thể đưa ra một số hình thức như xếp các dự án này vào nhóm kiểm soát chặt chẽ, không ưu tiên đối với việc thanh toán, tạm ứng, để chủ đầu tư phải có ý thức hơn trong công việc.

- Có sự trao đổi thường xuyên với lãnh đạo tỉnh về hoạt động thanh toán, tạm ứng của các dự án trong tỉnh, có những ý kiến trao đổi về ý thức của CĐT đối với công tác hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, qua đó tạo áp lực từ phía chính quyền tỉnh tới các đơn vị CĐT chưa hoàn thành tốt công đoạn này.

3.2.5. Hoàn thiện hệ thống thông tin TABMIS hướng đến kiểm soát chi theo hướng hoàn toàn tự động trên hệ thống.

Sau khi đã hoàn thiện được công tác kiểm soát chi theo 4 ý kiến ở trên, tiếp đến tác giả mạnh dạn đưa ra đề xuất xây dựng một hệ thống kiểm soát chi hoàn toàn tự động theo hệ thống TABMIS. Cụ thể như sau:

Để hoàn thiện hệ thống TABMIS trong công tác Kiểm soát chi đầu tư XD CB hướng đến việc thực hiện kiểm soát chi tự động hoàn toàn theo TABMIS theo tác giả đề xuất thực hiện qua ba bước:

Bước 1: Xây dựng một cổng thông tin giao dịch KBNN trực tuyến, để hướng tới tất cả các cá nhân, đơn vị có giao dịch với KBNN đều có thể thực hiện giao dịch tự động qua cổng thông tin đó, như gửi hồ sơ thanh toán, sửa đổi thông tin...

Bước 2: Thiết kế xây dựng một phần mềm quản lý dự án đầu tư (tác giả tạm gọi là phần mềm IABMIS) kết hợp và trao đổi dữ liệu tự động với cổng thông tin giao dịch KBNN trực tuyến để tự động nhận những hồ sơ về dự án đầu tư xây dựng và tiến hành kiểm soát tự động. Và phần mềm này thực hiện theo công nghệ điện toán đám mây để tất cả các bên tham gia như chủ đầu tư, cơ quan tài chính, KBNN... có thể đăng nhập và xử lý theo từng phần hành nhiệm vụ được giao. Và sau khi kiểm soát chi IABMIS sẽ tự động chuyển lệnh chấp nhận hay từ chối thanh toán qua hệ thống TABMIS, và hệ thống chỉ cần hạch toán dựa trên đó.

Bước 3: Hoàn thiện các quy trình kiểm soát chi hiện hành hướng đến đưa ra một bộ quy chuẩn về quy trình kiểm soát tích hợp sẵn vào IABMIS làm cơ sở kiểm soát cho phần mềm.

PHẦN KẾT LUẬN

Qua những nghiên cứu ở trên của tác giả, có thể thấy tầm quan trọng của quản lý đầu tư nói chung và hoạt động kiểm soát đầu tư xây dựng cơ bản nói riêng. Việc kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản hiệu quả có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của từng địa phương, từng ngành và cả nước, phục vụ đời sống nhân dân. Hoạt động kiểm soát đầu tư vốn XDCB qua KBNN luôn luôn là một công việc nhận được sự quan tâm chỉ đạo cũng như thực hiện của KBNN các cấp. Công tác này cũng đóng vai trò quan trọng trong việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách, cũng như tác động tích cực tới việc triển khai dự án đầu tư một cách nhanh chóng, sớm đưa các dự án vào hoạt động để đem lại lợi ích cho hoạt động phát triển kinh tế xã hội.

Với yêu cầu của tình hình và thực trạng phát triển của tỉnh Thừa Thiên Huế đòi hỏi công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB phải vươn lên một tầm mới có tính khoa học, khách quan và hoàn thiện hơn, khắc phục những mặt tồn tại. Như vậy, hoàn thiện công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB tại kho bạc nhà nước tỉnh TT Huế là việc cần thiết, có tính thời sự.

Để thực hiện được điều này, cần có sự quan tâm của Nhà nước, lãnh đạo ngành, và của các đơn vị cơ sở. Các chủ thể tham gia kiểm soát chi đầu tư XDCB phải tuân thủ chặt chẽ trật tự, kỷ cương thủ tục trình tự chi đầu tư XDCB; khắc phục những tiêu cực, vi phạm của các chủ thể quản lý; Khắc phục những hạn chế khách quan ... để giảm lãng phí thất thoát tham nhũng. Tuy nhiên trong quá trình phát triển, mọi sự luôn biến đổi không ngừng. Vì vậy, mọi cơ chế, chính sách về kiểm soát chi đầu tư XDCB qua Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế cũng cần có những biến đổi hoàn thiện cho phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Với cách nhìn nhận xét đoán tinh tế, khách quan, các chủ thể quản lý cần không ngừng nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB; góp phần vào tiến trình đổi mới của đất nước, đưa tỉnh Thừa Thiên Huế vững bước đi lên, tạo cơ sở vật chất ngày càng hiện đại, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Qua những nghiên cứu lý thuyết cũng như áp dụng cho việc phân tích thực trạng hoạt động kiểm soát đầu tư vốn XDCB qua KBNN Thừa Thiên Huế, tác giả đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động này tại KBNN Thừa Thiên Huế,. Đồng thời, từ những thực trạng, điểm yếu tác giả đã chỉ ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi đầu tư vốn XDCB qua KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế,. Các giải pháp bao gồm hoàn thiện quy trình, thủ tục, nâng cao năng lực cán bộ, tăng cường áp dụng CNTT trong hoạt động kiểm soát, từng bước đưa hệ thống TABMIS tham gia vào tất cả các khâu Kiểm soát chi đầu tư XDCB nói riêng cũng như chi NSNN nói chung.

Tr
ng
i h C Kinh t

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Tài Chính (1996), *Thông tư số 63 TC/ĐTPT ngày 02 tháng 11 năm 1996 Hướng dẫn về việc quản lý cấp phát vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.*
- [2]. Bộ Tài Chính (2011), *Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011 Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn NSNN.*
- [3]. Bộ Tài Chính (2011), *Thông tư số 109/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 01/08/2011 về Hướng dẫn mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng TABMIS*
- [4]. Chính phủ (2009), *Nghị định số 112/2009/ NĐ-CP ban hành ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.*
- [5]. Chính phủ (2010), *Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ban hành ngày 07/05/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.*
- [6]. Cục Thống kê Thừa Thiên Huế (2017), *Niên giám thống kê 207*, NXB Thống kê.
- [7]. Nguyễn Thái Hà (2006), *Thực trạng và một số giải pháp nâng cao chất lượng kiểm soát thanh toán vốn đầu tư XDCB qua hệ thống KBNN*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành KBNN;
- [8]. Hội đồng Bộ trưởng (1990), *Nghị định số 385-HĐBT ngày 07/11/1990 Về việc sửa đổi, bổ sung thay thế điều lệ quản lý xây dựng cơ bản đã ban hành kèm theo nghị định số 232-CP ngày 06/06/1981.*
- [9]. Kho bạc Nhà nước (2010), *Cẩm nang kiểm soát chi ngân sách qua KBNN*, NXB Tài chính.
- [10]. KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế (2014, 2015, 2016, 2017), *Báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB niên độ NSNN năm 2014, 2015, 2016, 2017.*
- [11]. KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế (2014, 2015, 2016, 2017), *Báo cáo chi NSNN niên độ năm 2014, 2015, 2016, 2017.*

- [12]. KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế (2014, 2015, 2016, 2017), *Báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB niên độ NSNN năm 2014, 2015, 2016, 2017.*
- [13]. KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế (2014, 2015, 2016, 2017), *Báo cáo thu NSNN niên độ năm 2014, 2015, 2016, 2017.12, 2013, 2014, 2015.*
- [14]. Kho bạc Nhà nước (2012), *Quyết định số 282/ QĐ-KBNN ngày 20/04/2012 Ban hành quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư qua hệ thống KBNN.*
- [15]. Bộ Tài Chính (2016), *Thông tư số 40/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 01/03/2016 về Hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước.*
- [16]. Bộ Tài Chính (2016), *Thông tư số 08/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.*

Tr
ng
i h C K i m t H u

PHỤ LỤC 1

PHIẾU KHẢO SÁT

Số phiếu:.....

Phần giới thiệu

Xin chào anh/chị!

Hiện tại, tôi đang nghiên cứu đề tài “**Nghiên cứu công tác Kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc nhà nước Thừa Thiên Huế**”. Phiếu điều tra này được thiết kế để thu thập thông tin cho việc nghiên cứu của tôi. Do đó, tôi rất cảm ơn nếu quý anh chị dành một chút thời gian để đọc và điền vào bảng câu hỏi này. Thông tin mà quý anh chị cung cấp cho tôi sẽ được sử dụng duy nhất cho mục đích nghiên cứu đề tài này và sẽ được bảo quản một cách tuyệt đối bí mật.

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý anh chị!

Nguyên tắc điền phiếu

Anh chị vui lòng đánh dấu (X) vào một ô tương ứng với câu trả lời mà anh chị cho là thích hợp nhất.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Xin hãy cho biết giới tính của anh chị? Nam Nữ

2. Xin cho biết anh/chị thuộc nhóm tuổi nào?

Dưới 30 31 – 40 41 – 50 51-60

3. Thời gian công tác của anh/chị?

dưới 5 năm 5-dưới 10 năm

10-dưới 15 năm từ 15 năm trở lên

4. Trình độ chuyên môn được của anh chị là gì?

- Thạc sĩ Đại học
 Cao đẳng Trung cấp

5. Cơ quan, đơn vị anh/chị hiện tại đang công tác?

- Kho bạc Nhà nước tỉnh
 Kho bạc Nhà nước Thành phố, Huyện
 Chủ đầu tư

6. Vị trí công tác hiện tại của anh/chị:

- Lãnh đạo
 Trưởng, phó phòng (ban) và tương đương
 Chuyên viên, cán bộ, nhân viên

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

1. Anh/chị hãy cho biết mức độ đánh giá của mình đối với một số tiêu chí dưới đây liên quan đến hoạt động kiểm soát chi Vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế

	Tiêu chí	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
	<i>Mức độ đánh giá</i>	1	2	3	4	5
I	Cơ chế chính sách					
1	Các văn bản, quy định về kiểm soát chi rõ					

	ràng, phù hợp với thực tế				
2	Nội dung hệ thống văn bản pháp quy chi tiết, dễ hiểu				
3	Các mẫu biểu, chứng từ, báo cáo ít thay đổi, đồng bộ và dễ thực hiện				
4	Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật được công khai, minh bạch				
II	Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ				
5	Quy trình kiểm soát chi hợp lý, thống nhất				
6	Thành phần các loại tài liệu, hồ sơ chứng từ đề nghị kiểm soát tương đối đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu				
7	Thời gian xử lý hồ sơ đúng quy định, hợp lý, tiết kiệm				
8	Trình tự tổ chức thực hiện các công việc một cách chặt chẽ				
9	Quy trình thủ tục, hồ sơ, thời gian kiểm soát được công khai, minh bạch				
10	Cơ chế tạm ứng, thu hồi tạm ứng hợp lý				
III	Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi				
11	Cán bộ Kiểm soát chi có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ tốt				

12	Cán bộ giải thích rõ ràng khi có sai sót về hồ sơ, thủ tục					
13	Thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi dự án đã có đủ điều kiện và đúng quy định					
14	Cán bộ kiểm soát chi tuân thủ đúng quy trình khi kiểm soát chi vốn đầu tư					
15	Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn CĐT hoàn thành thủ tục thanh toán vốn đúng quy định					
IV	Năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư					
16	Chủ đầu tư có trình độ, năng lực chuyên môn					
17	Chủ đầu tư chấp hành đúng chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư, tình hình sử dụng vốn					
18	Chủ đầu tư tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định					
19	Chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán nhanh chóng, đúng quy định					
V	Ứng dụng hệ thống TABMIS					
20	Máy móc, trang thiết bị tại Kho bạc đầy đủ, hiện đại đủ điều kiện tổ chức TABMIS trong					

	kiểm soát chi				
21	Hệ thống cam kết chi trong kiểm soát chi hiệu quả				
22	TABMIS góp phần giúp cán bộ kiểm soát chi kiểm soát được nguồn vốn dễ dàng hơn				
Nhìn chung, công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN của Kho bạc Nhà nước TT Huế là tốt					

2. Anh/chị vui lòng cho biết thêm những ý kiến và đề xuất của anh/chị nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác Kiểm soát chi Vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế trong những năm tiếp theo:

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp của quý anh/chị!

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ XỬ LÝ SPSS

Frequency Table

gioi tinh

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Nam	98	65.3	65.3	65.3
	Nu	52	34.7	34.7	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

do tuoi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	duoi 30 tuoi	19	12.7	12.7	12.7
	tu 30 - 40 tuoi	80	53.3	53.3	66.0
	tu 41 - 50 tuoi	37	24.7	24.7	90.7
	tren 50 tuoi	14	9.3	9.3	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

Thoi gian cong tac

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	duoi 5 nam	18	12.0	12.0	12.0
	tu 5 - 10 nam	56	37.3	37.3	49.3
	tu 10 - 15 nam	48	32.0	32.0	81.3
	tren 15 nam	28	18.7	18.7	100.0

	Total	150	100.0	100.0	
--	-------	-----	-------	-------	--

trinh do chuyen mon

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	thac si	24	16.0	16.0	16.0
	dai hoc	74	49.3	49.3	65.3
	Cao dang	42	28.0	28.0	93.3
	Trung cap	10	6.7	6.7	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

Don vi cong tac

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Kho bac Tinh	15	10.0	10.0	10.0
	Kho bac TP, huyen	45	30.0	30.0	40.0
	Doanh nghiep (chu dau tu)	90	60.0	60.0	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

Vi tri hien tai

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Lanh dao	46	30.7	30.7	30.7
	truong, pho phong, ban	75	50.0	50.0	80.7
	Nhan vien, chuyen vien	29	19.3	19.3	100.0
	Total	150	100.0	100.0	

Descriptives

Descriptive Statistics

	N	Mean	Std. Deviation
Các văn bản, quy định về kiểm soát chi rõ ràng, phù hợp với thực tế	150	3.63	.863
Nội dung hệ thống văn bản pháp quy chi tiết, dễ hiểu	150	3.49	.888
Các mẫu biểu, chứng từ, báo cáo ít thay đổi, đồng bộ và dễ thực hiện	150	3.74	.839
Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật được công khai, minh bạch	150	3.65	.876
Quy trình kiểm soát chi hợp lý, thống nhất	150	3.33	.879
Thành phần các loại tài liệu, hồ sơ chứng từ đề nghị kiểm soát tương đối đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu	150	3.25	.934
Thời gian xử lý hồ sơ đúng quy định, hợp lý, tiết kiệm	150	3.69	.759
Trình tự tổ chức thực hiện các công việc một cách chặt chẽ	150	3.64	.805
Quy trình thủ tục, hồ sơ, thời gian kiểm soát được công khai, minh bạch	150	3.45	.728
Cơ chế tạm ứng, thu hồi tạm ứng hợp lý	150	3.57	.618
Cán bộ Kiểm soát chi có năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ tốt	150	3.91	.859
Cán bộ giải thích rõ ràng khi có sai sót về hồ sơ, thủ tục	150	4.09	.745

Thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi dự án đã có đủ điều kiện và đúng quy định	150	3.77	.746
Cán bộ kiểm soát chi tuân thủ đúng quy trình khi kiểm soát chi vốn đầu tư	150	4.07	.757
Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn CĐT hoàn thành thủ tục thanh toán vốn đúng quy định	150	4.07	.720
Chủ đầu tư có trình độ, năng lực chuyên môn	150	3.42	.805
Chủ đầu tư chấp hành đúng chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư, tình hình sử dụng vốn	150	3.32	.854
Chủ đầu tư tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định	150	3.56	.901
Chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán nhanh chóng, đúng quy định	150	3.53	.783
Máy móc, trang thiết bị tại Kho bạc đầy đủ, hiện đại đủ điều kiện tổ chức TABMIS	150	3.45	.824
hệ thống cam kết chi hiệu quả	150	3.48	.841

TABMIS giúp kiểm soát vốn dễ dàng hơn	150	3.39	.723
Nhìn chung, công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN của Kho bạc Nhà nước TT Huế là tốt	150	3.61	.775
Valid N (listwise)	150		

Reliability

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.971	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Các văn bản, quy định về kiểm soát chi rõ ràng, phù hợp với thực tế	10.87	6.205	.954	.954
Nội dung hệ thống văn bản pháp quy chi tiết, dễ hiểu	11.01	6.309	.888	.973
Các mẫu biểu, chứng từ, báo cáo ít thay đổi, đồng bộ và dễ thực hiện	10.76	6.533	.891	.972
Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật được công khai, minh bạch	10.85	6.072	.977	.947

Reliability

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.792	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Quy trình kiểm soát chi hợp lý, thống nhất	17.59	7.572	.574	.753
Thành phần các loại tài liệu, hồ sơ chứng từ đề nghị kiểm soát tương đối đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu	17.67	8.141	.396	.803
Thời gian xử lý hồ sơ đúng quy định, hợp lý, tiết kiệm	17.23	8.056	.577	.753
Trình tự tổ chức thực hiện các công việc một cách chặt chẽ	17.28	7.398	.702	.721
Quy trình thủ tục, hồ sơ, thời gian kiểm soát được công khai, minh bạch	17.47	7.808	.683	.730
Cơ chế tạm ứng, thu hồi tạm ứng hợp lý	17.35	9.290	.385	.793

Reliability

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.909	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Cán bộ Kiểm soát chi có năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ tốt	15.99	6.906	.681	.908
Cán bộ giải thích rõ ràng khi có sai sót về hồ sơ, thủ tục	15.81	7.173	.749	.890
Thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi dự án đã có đủ điều kiện và đúng quy định	16.14	7.276	.717	.896
Cán bộ kiểm soát chi tuân thủ đúng quy trình khi kiểm soát chi vốn đầu tư	15.84	6.739	.866	.865
Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn CĐT hoàn thành thủ tục thanh toán vốn đúng quy định	15.84	6.994	.840	.872

Reliability

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.853	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Chủ đầu tư có trình độ, năng lực chuyên môn	10.41	4.431	.782	.771

Chủ đầu tư chấp hành đúng chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư, tình hình sử dụng vốn	10.51	4.802	.587	.852
Chủ đầu tư tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định	10.27	4.130	.761	.777
Chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán nhanh chóng, đúng quy định	10.30	4.896	.640	.829

Reliability

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.729	3

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Máy móc, trang thiết bị tại Kho bạc đầy đủ, hiện đại đủ điều kiện tổ chức TABMIS	6.87	1.937	.478	.703
hệ thống cam kết chi hiệu quả	6.85	1.822	.520	.682

TABMIS giúp kiểm soát vốn dễ dàng hơn	6.93	1.861	.674	.510
---------------------------------------	------	-------	------	------

Factor Analysis

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.829
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	2557.966
	df	231
	Sig.	.000

Communalities

	Initial	Extraction
Các văn bản, quy định về kiểm soát chi rõ ràng, phù hợp với thực tế	1.000	.956
Nội dung hệ thống văn bản pháp quy chi tiết, dễ hiểu	1.000	.880
Các mẫu biểu, chứng từ, báo cáo ít thay đổi, đồng bộ và dễ thực hiện	1.000	.885
Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật được công khai, minh bạch	1.000	.977
Quy trình kiểm soát chi hợp lý, thống nhất	1.000	.560
Thành phần các loại tài liệu, hồ sơ chứng từ đề nghị kiểm soát tương đối đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu	1.000	.435
Thời gian xử lý hồ sơ đúng quy định, hợp lý, tiết kiệm	1.000	.602

Trình tự tổ chức thực hiện các công việc một cách chặt chẽ	1.000	.701
Quy trình thủ tục, hồ sơ, thời gian kiểm soát được công khai, minh bạch	1.000	.698
Cơ chế tạm ứng, thu hồi tạm ứng hợp lý	1.000	.424
Cán bộ Kiểm soát chi có năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ tốt	1.000	.645
Cán bộ giải thích rõ ràng khi có sai sót về hồ sơ, thủ tục	1.000	.729
Thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi dự án đã có đủ điều kiện và đúng quy định	1.000	.687
Cán bộ kiểm soát chi tuân thủ đúng quy trình khi kiểm soát chi vốn đầu tư	1.000	.869
Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn CĐT hoàn thành thủ tục thanh toán vốn đúng quy định	1.000	.826
Chủ đầu tư có trình độ, năng lực chuyên môn	1.000	.776
Chủ đầu tư chấp hành đúng chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư, tình hình sử dụng vốn	1.000	.706

Chủ đầu tư tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định	1.000	.772
Chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán nhanh chóng, đúng quy định	1.000	.570
Máy móc, trang thiết bị tại Kho bạc đầy đủ, hiện đại đủ điều kiện tổ chức TABMIS	1.000	.712
hệ thống cam kết chi hiệu quả	1.000	.513
TABMIS giúp kiểm soát vốn dễ dàng hơn	1.000	.740

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Total Variance Explained

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	6.857	31.170	31.170	6.857	31.170	31.17
2	3.426	15.574	46.744	3.426	15.574	46.74
3	2.674	12.156	58.900	2.674	12.156	58.90
4	1.557	7.079	65.979	1.557	7.079	65.97
5	1.149	5.223	71.202	1.149	5.223	71.20
6	.856	3.890	75.092			
7	.726	3.299	78.391			
8	.695	3.161	81.552			
9	.605	2.749	84.301			
10	.531	2.413	86.714			

11	.443	2.015	88.728			
12	.434	1.975	90.703			
13	.379	1.725	92.428			
14	.345	1.568	93.996			
15	.309	1.407	95.403			
16	.282	1.281	96.683			
17	.230	1.046	97.729			
18	.199	.906	98.635			
19	.164	.743	99.378			
20	.081	.367	99.745			
21	.041	.186	99.931			
22	.015	.069	100.000			

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Rotated Component Matrix^a

	Component				
	1	2	3	4	5
Các văn bản, quy định về kiểm soát chi rõ ràng, phù hợp với thực tế		.971			
Nội dung hệ thống văn bản pháp quy chi tiết, dễ hiểu		.909			
Các mẫu biểu, chứng từ, báo cáo ít thay đổi, đồng bộ và dễ thực hiện		.922			
Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật được công khai, minh bạch		.982			
Quy trình kiểm soát chi hợp lý, thống nhất				.596	
Thành phần các loại tài liệu, hồ sơ chứng từ đề nghị kiểm soát tương đối đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu				.594	

Thời gian xử lý hồ sơ đúng quy định, hợp lý, tiết kiệm				.686	
Trình tự tổ chức thực hiện các công việc một cách chặt chẽ				.763	
Quy trình thủ tục, hồ sơ, thời gian kiểm soát được công khai, minh bạch				.763	
Cơ chế tạm ứng, thu hồi tạm ứng hợp lý				.511	
Cán bộ Kiểm soát chi có năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ tốt	.726				
Cán bộ giải thích rõ ràng khi có sai sót về hồ sơ, thủ tục	.845				
Thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi dự án đã có đủ điều kiện và đúng quy định	.790				
Cán bộ kiểm soát chi tuân thủ đúng quy trình khi kiểm soát chi vốn đầu tư	.897				
Thường xuyên đơn đốc, hướng dẫn CĐT hoàn thành thủ tục thanh toán vốn đúng quy định	.877				
Chủ đầu tư có trình độ, năng lực chuyên môn			.766		
Chủ đầu tư chấp hành đúng chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư, tình hình sử dụng vốn			.835		

Chủ đầu tư tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định			.803		
Chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán nhanh chóng, đúng quy định			.683		
Máy móc, trang thiết bị tại Kho bạc đầy đủ, hiện đại đủ điều kiện tổ chức TABMIS					.822
hệ thống cam kết chi hiệu quả					.515
TABMIS giúp kiểm soát vốn dễ dàng hơn					.724

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.

a. Rotation converged in 5 iterations.

Correlations

		Correlations			
		Nhìn chung, công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN của Kho bạc Nhà nước TT Huế là tốt	CC	HS	NLCB
Nhìn chung, công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN của Kho bạc Nhà nước TT Huế là tốt	Pearson Correlation	1	.234**	.538**	.454**
	Sig. (2-tailed)		.004	.000	.000
	N	150	150	150	150

CC	Pearson Correlation	.234**	1	.316**	.128
	Sig. (2-tailed)	.004		.000	.118
	N	150	150	150	150
HS	Pearson Correlation	.538**	.316**	1	.463**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000
	N	150	150	150	150
NLCB	Pearson Correlation	.454**	.128	.463**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.118	.000	
	N	150	150	150	150
NL	Pearson Correlation	.803**	.105	.397**	.357**
	Sig. (2-tailed)	.000	.203	.000	.000
	N	150	150	150	150
TM	Pearson Correlation	.552**	.160	.325**	.202*
	Sig. (2-tailed)	.000	.051	.000	.013
	N	150	150	150	150

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

* . Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

Regression

Descriptive Statistics

	Mean	Std. Deviation	N
Nhìn chung, công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN của Kho bạc Nhà nước TT Huế là tốt	3.61	.775	150
CC	3.63	.831	150
HS	3.49	.556	150
NLCB	3.98	.655	150
NL	3.46	.695	150

TM	3.44	.642	150
----	------	------	-----

Variables Entered/Removed^a

Model	Variables Entered	Variables Removed	Method
1	TM, CC, NLCB, HS, NL ^b		. Enter

a. Dependent Variable: Nhìn chung, công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN của Kho bạc Nhà nước TT Huế là tốt

b. All requested variables entered.

Model Summary^b

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics				
					R Square Change	F Change	df1	df2	Sig.
1	.854 ^a	.729	.720	.411	.729	77.443	5	144	

a. Predictors: (Constant), TM, CC, NLCB, HS, NL

b. Dependent Variable: Nhìn chung, công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN của Kho bạc Nhà nước TT Huế là tốt

ANOVA^a

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	65.292	5	13.058	77.443	.000 ^b
	Residual	24.281	144	.169		
	Total	89.573	149			

a. Dependent Variable: Nhìn chung, công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN của Kho bạc Nhà nước TT Huế là tốt

b. Predictors: (Constant), TM, CC, NLCB, HS, NL

Coefficients^a

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	.948	.282		3.365	.001		
	CC	.075	.043	.080	1.749	.002	.893	1.120
	HS	.241	.075	.173	3.227	.002	.655	1.526
	NLCB	.140	.059	.119	2.366	.019	.749	1.336
	NL	.688	.062	.617	11.169	.000	.618	1.619
	TM	.148	.063	.123	2.340	.021	.682	1.467

a. Dependent Variable: Nhìn chung, công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN của Kho bạc Nhà nước TT Huế là tốt

Trình Kinh tế